NGUYỄN QUANG NINH (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ BAN - TRẦN HỮU PHONG

LUYỆN CÁCH LẬP LUẬN TRONG ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN

CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

NGUYỄN QUANG NINH (chủ biên)
NGUYỄN THỊ BAN – TRẦN HỮU PHONG

LUYỆN CÁCH LẬP LUẬN TRONG ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI – 2000

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc NGUYỄN VĂN THỎA

Tổng biên tập NGUYỄN THIỆN GIÁP

Biên tập:

NGUYỄN HỒNG NGA

BÙI THU TRANG

Đọc và sửa bản in:

ĐINH QUANG HÙNG

Trình bày bìa:

NGỌC ANH

LUYỆN CÁCH LẬP LUẬN TRONG ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

Mã số: 02.161.ĐH.2000 - 746.2000

In 1.000 cuốn, tại Công ty In và Văn hóa phẩm - Bộ Văn hóa - Thông tin.

Số xuất bản: 78/746/CXB. Số trích ngang 08 KH/XB.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2001.

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếp theo cuốn **"150 bài tập rèn luyện kĩ năng dựng đoạn văn"** đã ra mắt bạn đọc cách đây được 8 năm, lần này chúng tôi tiếp tục biên soạn cuốn **"Luyện cách lập luận trong đoạn văn nghị luận cho học sinh phổ thông"** nhằm hoàn thiện những kĩ năng dựng đoạn văn nói chung và dựng đoạn văn nghị luận nói riêng cho các em. Nếu như cuốn đầu tập trung chủ yếu vào việc *luyện liên kết câu* để tạo đoạn văn như một đơn vị cơ bản của bài văn (văn bản) trong hoạt động giao tiếp thông thường (miêu tả, tự sự và nghị luận) thì cuốn sách lần này lại tập trung chủ yếu vào việc luyện cho các em cách *lập luận mạch lạc* trong một đoạn văn nghị luận như một hành động ngôn ngữ, một cách thức phát triển trí tuệ, mài sắc tư duy, nâng cao năng lực giải thích, chứng minh, phân tích, so sánh v.v... của mình trong tranh luận. Có thể nói, đây cũng là một năng lực cần có, một cái đích phải vươn tới trong việc dạy học văn nghị luận hiện nay ở nhà trường phổ thông.

Đã từ lâu, một trong những lúng túng của việc dạy văn nghị luận không phải là vấn đề lựa chọn lí thuyết mà chính là ở hệ thống các bài tập thực hành tương ứng với các vấn đề lí thuyết đã được dạy. Lí thuyết hay nhưng việc luyện tập không phù hợp, chắc chắn kết quả mà học sinh đạt được sẽ không như ý của chúng ta mong muốn. Bởi vậy, điều quan trọng là từ những lí thuyết đã học, các em học sinh phải được rèn luyện những kĩ năng cơ bản của văn nghị luận với những dạng bài tập đa dạng, sinh động, tiết kiệm thời gian, công sức mà hiệu quả rèn luyện cần phải cao.

Từ những kết quả nghiên cứu về lập luận trong lí thuyết ngôn ngữ, từ những thành công trong việc nghiên cứu về văn bản nghị luận mà bộ môn làm văn đạt được trong

những năm gần đây, cùng với sự đòi hỏi của thực tiễn giảng dạy và học tập phần văn nghị luận ở nhà trường phổ thông, chúng tôi đã mạnh dạn biên soạn cuốn sách này để phần nào đó giúp giáo viên và học sinh giảm bớt khó khăn trong việc luyện tập những kĩ năng về lập luận trong văn nghị luận.

Đối tượng phục vụ chủ yếu của cuốn sách là các em học sinh những năm cuối cấp trung học cơ sở, các em học sinh đang theo học các trường trung học phổ thông, và các thầy cô giáo đang trực tiếp đứng lớp cũng như các vị phụ huynh quan tâm đến việc học tập của con em mình.

Ngoài ra, cuốn sách này còn có thể giúp các bạn sinh viên các trường ĐH, CĐ và THCN tham khảo trong quá trình học tập nghiên cứu, nhất là khi trình bày các vấn đề khoa học.

Để giúp cho việc sử dụng sách đạt hiệu quả, chúng tôi chia nội dung biên soạn thành hai phần chính:

– *Phần thứ nhất:* **Hệ thống các bài tập rèn kĩ năng.** Đây là phần cung cấp các đề bài luyện tập cụ thể theo từng nhóm kĩ năng. Trong từng nhóm bài tập này, sách sẽ đưa ra những lời chỉ dẫn, giải thích cụ thể cho các nội dung lí thuyết cơ bản phục vụ cho việc luyện tập.

– *Phần thứ hai:* **Hướng dẫn cách giải**. Trong phần này, ngoài việc hướng dẫn giải cho các bài tập được đưa ra trong phần thứ nhất, sách còn cung cấp thêm một số đoạn văn tham khảo với những gợi ý về cách giải đặt ngay cuối mỗi lời giải đó.

Mặc dù đã cố gắng nhiều trong quá trình biên soạn, nhưng chắc chắn sách không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Chúng tôi mong nhận được sự góp ý của đông đảo bạn đọc để lần tái bản sau sách sẽ được hoàn hảo hơn.

Thay mặt các tác giả

PGS.TS Nguyễn Quang Ninh

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Trong chương trình học tập tiếng Việt – làm văn ở THCS và THPT, *việc lập luận đã được đặt ra như một kĩ năng cần phải rèn luyện*. Kĩ năng này có thể được luyện ngay trong một câu, một số câu, một đoạn văn hay trong cả một bài văn. Tuy vậy, trong câu do dung lượng không lớn nên việc lập luận thường đơn giản, chưa thể hiện được đầy đủ bản chất và cũng vì thế việc rèn kĩ năng sẽ có một số hạn chế nhất định. Còn trong một văn bản hoàn chỉnh, việc lập luận sẽ phong phú, đa dạng và phức tạp hơn nhưng với dung lượng lớn nên việc lập luận thường khó bao quát, khó theo dõi hơn và cũng vì vậy ít có khả năng áp dụng trong việc luyện kĩ năng lập luận trong nhà trường phổ thông.

Vì thế, trong cuốn bài tập này, chúng tôi lấy đơn vị rèn luyện cho học sinh là đoạn văn. Đó là một đơn vị vừa không lớn lắm về dung lượng, vừa dễ bao quát và theo dõi về cách thức lập luận nên thuận lợi hơn cho việc luyện tập và hình thành kĩ năng.

2. Trong việc tìm hiểu ngôn ngữ, các nhà nghiên cứu coi đoạn văn vừa là kết quả của sự phân đoạn văn bản về mặt lôgic – ngữ nghĩa, ngữ pháp vừa là kết quả của việc thể hiện biểu cảm, thẩm mĩ. Đoạn văn là đơn vị cơ sở của văn bản, là bộ phận của văn bản, trực tiếp đứng trên câu, diễn đạt một nội dung nào đó, được mở đầu bằng chữ lùi đầu dòng, viết hoa và kết thúc bằng một dấu ngắt đoạn. Về mặt nội dung, đoạn văn có thể tương đối hoàn chỉnh hoặc không

hoàn chỉnh. Về mặt hình thức, đoạn văn có thể là một câu hoặc một tập hợp câu và luôn luôn được đánh dấu bằng chỗ lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu cùng dấu chấm ngắt đoạn. Như vậy, không nên chỉ coi đoạn văn là dấu hiệu của sự phân chia nội dung, mà thoả đáng hơn cả là nên coi đoạn văn vừa là sự phân đoạn nội dung, vừa là sự phân đoạn hình thức của văn bản. Khi đoạn văn có sự hoàn chỉnh nhất định về nội dung, chúng tôi gọi đoạn đó là *đoạn ý*. Còn khi đoạn văn không có sự hoàn chỉnh về nội dung, chúng tôi gọi đoạn đó là *đoạn lời*.

Để tạo điều kiện cho việc luyện tập của học sinh, cuốn sách này chủ yếu hướng vào việc *luyện cách lập luận trong đoạn ý*, tức là hướng vào cách lập luận trong đoạn văn có một sự hoàn chỉnh tương đối nào đó về nội dung.

3. Hệ thống bài tập lập luận trong sách được chia nhỏ thành 4 nhóm. Mỗi nhóm hướng tới việc rèn luyện một kĩ năng riêng. Tất nhiên, việc phân nhóm như vậy chủ yếu mang tính sư phạm. Bởi lẽ, khi học sinh rèn luyện kĩ năng ở nhóm này, thì điều đó không có nghĩa là học sinh không được đồng thời rèn luyện cả những kĩ năng ở nhóm khác. Chỉ có điều là, khi học sinh luyện các bài tập ở nhóm này thì lúc ấy, kĩ năng cần đạt của hệ thống bài tập đó sẽ là kĩ năng được tập trung hơn cả so với các kĩ năng cần rèn luyện ở nhóm khác. Như vậy, việc rèn luyện kĩ năng theo từng nhóm bài tập như vậy *vừa có tính chất độc lập tương đối, vừa có tính chất hệ thống, tính chất tổng hợp*.

4. Để tiện cho việc theo dõi và rèn luyện, sách chia làm hai phần: *phần hệ thống các bài tập* và *phần hướng dẫn cách giải*.

Trong phần *Hệ thống các bài tập*, sách chia thành từng nhóm. Kết cấu chung của mỗi nhóm bài tập là:

– Mở đầu bằng một *mô hình chung* hệ thống bài tập của cả nhóm và mục đích luyện tập.

– Sau đó là những *nội dung lí thuyết cần nắm* trước khi luyện tập.

– Cuối cùng là hệ thống các *bài tập cụ thể*. Số thứ tự của các bài tập được đánh liên tục từ bài đầu tiên cho tới bài cuối cùng, không phân biệt bài tập đó thuộc nhóm nào.

Trong phần *Hướng dẫn cách giải*, sách có thể sẽ đưa ra cách giải chi tiết cho một bài tập, cũng có thể đó chỉ là những định hướng, những gợi ý chung cần thiết cho việc giải hoặc cũng có thể đó chỉ là việc đưa ra những mẫu tham khảo cần thiết giúp cho việc học sinh tự tìm lời giải. Đối với những bài tập có cách giải tương tự nhau, sách chỉ giải kĩ một bài đầu tiên, còn những bài khác chỉ là những gợi ý sơ lược. Trong phần hướng dẫn này, cái học sinh cần chú ý không phải chỉ là những "đáp số" cụ thể, những kết quả cụ thể mà điều quan trọng hơn là những bước đi, những cách thức để giải bài tập đó.

5. Do tính chất của sách, việc ghi chú dưới mỗi đoạn văn dẫn ra trong các bài tập không đòi hỏi phải ghi chi tiết, cặn kẽ xuất xứ. Bởi vậy, sách thống nhất cách ghi chú dưới mỗi đoạn văn như sau:

– *Trích đúng nguyên văn*, sách chỉ ghi tên tác giả. Ví dụ: (*Hoài Thanh*), (*Hoài Thanh, Hoài Chân*). Nếu trường hợp văn bản đó do nhiều tác giả (từ ba trở lên) biên soạn nhưng không rõ phần văn bản đó do tác giả nào viết, phần ghi chú dưới mỗi đoạn văn sẽ không ghi tên tác giả mà chỉ ghi tên sách.

– *Trích có sửa đổi đôi chút* để đoạn văn ngắn gọn, phù hợp hơn với nội dung và mục đích biên soạn, sách sẽ ghi từ "*Theo*" trước tên tác giả. Ví dụ: (*Theo* Phạm Hổ).

– *Trích sách giáo khoa, sách dịch* từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, cuối đoạn văn sẽ không ghi chú tên tác giả mà chỉ ghi tên sách. Ví dụ: (SGK Tiếng Việt 3), (Vật lí vui).

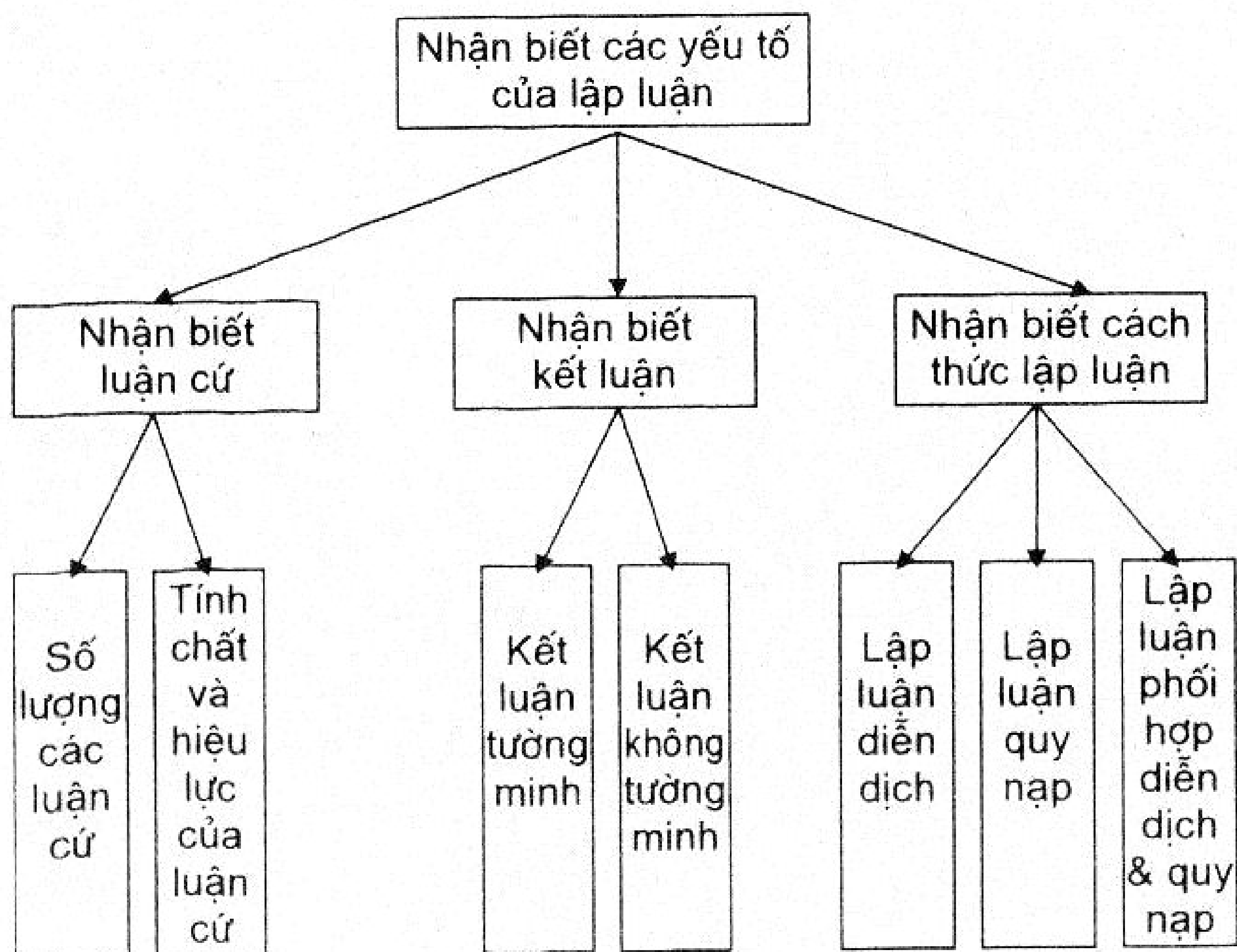
– Những đoạn văn do các tác giả biên soạn cuốn sách này tự viết, hoặc do đặc điểm của bài tập cần phải giấu tên tác giả, những đoạn văn đó sẽ không có ghi chú.

HỆ THỐNG CÁC BÀI TẬP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG LẬP LUẬN

BÀI TẬP NHÓM I

LUYỆN NHẬN BIẾT CÁC YẾU TỐ CỦA LẬP LUẬN

MÔ HÌNH HỆ THỐNG BÀI TẬP NHÓM I



MỤC ĐÍCH LUYỆN TẬP

– Nắm được *lập luận* và *các yếu tố của lập luận*. Cụ thể cần phải hiểu được:

+ Thế nào là một lập luận.

+ Thế nào là một luận cứ trong lập luận.

+ Thế nào là một kết luận trong lập luận.

– Từ một lập luận đã có sẵn trong đoạn văn, *nhận ra được chính xác các luận cứ và kết luận* có trong lập luận đó. Cụ thể:

+ Xác định được số lượng và giá trị của các luận cứ trong một lập luận.

+ Xác định đúng kết luận khi kết luận được thể hiện tường minh.

+ Xác định đúng đích lập luận hướng tới khi không có kết luận tường minh.

– Nhận ra chính xác *cách thức lập luận* được sử dụng trong một đoạn văn. Cụ thể:

+ Chỉ ra được mối quan hệ giữa các ý trong lập luận diễn dịch.

+ Chỉ ra được mối quan hệ giữa các ý trong lập luận quy nạp.

+ Chỉ ra được mối quan hệ giữa các ý trong lập luận tổng phân hợp.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG TRƯỚC KHI LUYỆN TẬP

1. Thế nào là một lập luận?

Lập luận là đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng một cách đầy đủ, chặt chẽ, nhất quán và đáng tin cậy nhằm dắt dẫn người

đọc, người nghe đến với một kết luận hoặc chấp nhận một kết luận nào đấy mà người viết, người nói muốn đạt tới.

Ví dụ:

Cùng một cảnh mộ nơi Đạm Tiên mà trong buổi chơi xuân thì thanh thanh lặng lặng:

Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

Sau khi Kim Kiều gặp nhau, yêu nhau chưa nói được với nhau một lời đã mỗi người một ngả thì phong cảnh như bâng khuâng một mối tình khó tả:

Dưới dòng nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.

Đến khi Kim Trọng nhớ người trở lại tìm cảnh thì cảnh lại ra chiều dửng dưng, tinh nghịch:

Một vùng cỏ mọc xanh rì
Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu.

Kiều không biết mấy lần nhìn trăng, nhưng cảnh trăng mỗi lần mỗi khác: khi rạo rực yêu đương, khi gần gũi âu yếm, khi bát ngát bao la, khi ám ảnh như một lời trách móc, khi cô đơn, khi tàn tạ, khi mong manh.

Có thể nói thiên nhiên trong Truyện Kiều cũng là một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không có mặt và luôn luôn thấm đượm tình người.

(Hoài Thanh – *Nguyễn Du, một trái tim lớn, một nghệ sĩ lớn*)

Đoạn trích trên là một lập luận. Từ việc nêu ra hàng loạt các lí lẽ, dẫn chứng về sự thay đổi của thiên nhiên trong Truyện Kiều: *cảnh như thanh thanh lặng lặng trong buổi Thúy Kiều chơi xuân nơi mộ Đạm Tiên; cảnh như bâng khuâng một mối tình khó tả khi Kim Kiều gặp nhau; cảnh*

như dửng dưng, tinh nghịch trong buổi chiều khi Kim Trọng trở lại vườn Thúy; cảnh như rạo rực yêu đương, cảnh như gần gũi âu yếm, cảnh như bát ngát bao la trong mỗi lần Kiều nhìn trăng, nhà phê bình Hoài Thanh đã kết luận " *Thiên nhiên trong Truyện Kiều cũng là một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không có mặt và luôn luôn thấm đượm tình người*". Quá trình trình bày, dắt dẫn vấn đề đi từ những lí lẽ, dẫn chứng đến với kết luận như vậy chính là lập luận. Nói một cách khác, lập luận là quá trình xây dựng lí lẽ để đề xuất ý kiến, liên kết các ý kiến dẫn đến kết luận của bài viết, bài nói.

2. Các yếu tố của lập luận

Một lập luận thường bao gồm ba yếu tố:

a) Luận cứ lập luận: là căn cứ để rút ra kết luận.

Đó là những lí lẽ, những dẫn chứng được rút ra từ thực tiễn của đời sống xã hội, đời sống văn học hoặc những chân lí được nhiều người thừa nhận... dùng để làm chỗ dựa, làm cơ sở cho việc dẫn tới kết luận. Trong bất kì một bài viết, bài nói nào, kết luận bao giờ cũng đòi hỏi cần phải được giải thích, phân tích, chứng minh. Không có sự giải thích, phân tích, chứng minh thì kết luận sẽ không có giá trị. Vì thế nói tới lập luận, không thể không nói tới việc giải thích, phân tích và chứng minh cho kết luận. Những lí lẽ, dẫn chứng đưa ra nhằm mục đích giải thích, phân tích và chứng minh cho kết luận ấy chính là các luận cứ trong một lập luận.

Ở ví dụ nêu trên, những dẫn chứng và lí lẽ được Hoài Thanh rút ra từ Truyện Kiều: *cảnh như thanh thanh lặng lặng trong buổi Thúy Kiều chơi xuân nơi mộ Đạm Tiên; cảnh như bâng khuâng một mối tình khó tả khi Kim Kiều gặp nhau; cảnh như dửng dưng, tinh nghịch trong buổi chiều khi Kim Trọng trở lại vườn Thúy*... chính là các luận cứ của lập

luận.

Luận cứ có thể được chia thành hai loại:

– *Luận cứ thực tế*: là những lí lẽ, chân lí, các nguyên lí, các nghi thức được nhiều người biết đến; Những số liệu, chi tiết, mẩu chuyện, dẫn chứng minh họa... được rút ra từ đời sống hiện thực.

– *Luận cứ nhân tạo*: là các lí lẽ, các dẫn chứng do người viết, người nói tự tạo ra trong quá trình lập luận.

Trong hai loại luận cứ này, luận cứ tự nhiên là luận cứ có giá trị đối với kết luận của lập luận.

Số lượng luận cứ trong lập luận có thể là nhiều và cũng có thể chỉ là một. Khi số lượng luận cứ nhiều, điều quan trọng nhất là các luận cứ phải cùng tập trung theo một hướng, không đối lập nhau, không mâu thuẫn nhau. Tất cả các luận cứ đều cần tập trung cho việc làm sáng rõ kết luận cần đạt tới.

b) Kết luận lập luận: là điều rút ra được sau khi đã giải thích, phân tích và chứng minh trong quá trình lập luận. Kết luận là cái đích của một lập luận. Đây là điều người viết, người nói muốn người đọc chấp nhận.

Trong ví dụ đã dẫn trên, ý kiến mà Hoài Thanh nêu ra "*Thiên nhiên trong Truyện Kiều cũng là một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không có mặt và luôn luôn thấm đượm tình người*" là kết luận của lập luận, là cái đích nhà phê bình muốn dẫn bạn đọc tới.

Không thể nói đến lập luận khi không nói đến đích, đến kết luận. Không có đích, nghĩa là không có kết luận thì cũng sẽ không có lập luận. Thông qua các luận cứ của lập luận, người viết, người nói có thể dẫn người đọc, người nghe đến với những kết luận rất khác nhau. Có thể đó là một sự khẳng định, một sự phủ định hoặc một sự bộc lộ thái độ, tình

cảm..., nhưng dù khác nhau thế nào đi chăng nữa thì kết luận vẫn luôn luôn là cái cần có trong một lập luận.

Kết luận trong lập luận là cái cần có, nhưng kết luận lại có thể được thể hiện *tường minh* hay *không tường minh*:

– *Kết luận tường minh* là kết luận được phát biểu trực tiếp thành lời, thành câu chữ cụ thể. Kết luận như trường hợp Hoài Thanh đã đưa ra trong bài viết trên là kết luận tường minh.

– *Kết luận không tường minh* là kết luận không được phát biểu trực tiếp thành lời, thành câu chữ cụ thể mà người đọc, người nghe chỉ có thể nhận biết được bằng cách suy ra từ các luận cứ có trong lập luận.

Ví dụ:

*Trong tập **Nhật kí trong tù**, có những bài phác họa sơ sài mà chân thật và đậm đà, càng nhìn càng thú vị như một bức tranh thủy mạc cổ điển. Có những bài cảnh lộng lẫy sinh động như những tấm thảm thêu nền gấm chỉ vàng. Cũng có bài làm cho người đọc nghĩ tới những bức sơn mài thâm trầm, rọn rịp.*

(*Theo* Đặng Thai Mai)

Trong đoạn văn trên nhà phê bình Đặng Thai Mai mới chỉ đưa ra những luận cứ mà chưa đưa ra kết luận. Nhưng vì luận cứ đã đầy đủ và đích lập luận cũng đã rõ ràng nên người đọc có thể tự rút ra kết luận: *Nghệ thuật thơ của tập Nhât kí trong tù thật là đặc sắc*. Kết luận này là một kết luận không tường minh, vì đó là điều người đọc tự suy ra từ các luận cứ đã có sẵn.

Thường kết luận không tường minh chỉ được sử dụng trong những trường hợp các luận cứ đã đủ sức thể hiện rõ ràng cái đích tác giả muốn đạt đến, hoặc kết luận đó tác giả không tiện nói thẳng ra vì những lí do nhất định nào đấy. Như vậy ngay trong trường hợp kết luận không được viết ra,

ta vẫn phải coi đây là một lập luận hoàn chỉnh có *kết luận không tường minh*.

c) Cách thức lập luận: là sự phối hợp, tổ chức, liên kết các luận cứ theo những cách thức suy luận nào đấy để dẫn đến kết luận và làm nổi bật kết luận.

Các luận cứ trong một lập luận không bao giờ nằm tách biệt nhau mà luôn luôn ở trong mối quan hệ ràng buộc, liên kết chặt chẽ với nhau. Bởi vậy, khi tiến hành lập luận, chỉ khi nào người viết, người nói xác định thật rõ được mối quan hệ giữa luận cứ với luận cứ, giữa luận cứ với kết luận thì khi ấy người nói, người viết mới có thể lựa chọn được một cách thức lập luận phù hợp, nghĩa là chọn được chính xác một quỹ đạo chung cho các luận cứ và kết luận.

Dưới đây là một số cách lập luận thường gặp:

- ***Lập luận diễn dịch***: là cách thức lập luận xuất phát từ cái chung, cái khái quát, phổ biến để suy ra cái riêng, cái biểu hiện cụ thể. Đoạn văn được lập luận theo cách diễn dịch là *đoạn văn có câu chủ đề* (câu chốt) *đứng ở đầu đoạn*.

Theo cách lập luận này, phần mở đầu đoạn văn thường là một câu nêu nhận định mang tính chung, khái quát, do đó câu này chính là kết luận của lập luận. Tiếp theo là những câu mang nội dung được suy ra từ nội dung của câu chủ đề, vì thế những câu này là các luận cứ của lập luận.

- ***Lập luận quy nạp***: là cách thức lập luận đi từ cái đơn nhất, cái riêng, cụ thể đến cái chung, khái quát. Đoạn văn được lập luận theo cách này là *đoạn văn có câu chủ đề đứng ở vị trí kết thúc đoạn*.

Theo cách lập luận quy nạp, phần mở đầu đoạn văn sẽ là những câu nêu nhận định mang tính riêng, cụ thể. Bởi thế đây chính là những câu nêu luận cứ của lập luận. Kết thúc đoạn văn là câu mang nội dung tổng quát, nêu cái chung

được rút ra, suy ra từ nội dung của các câu nêu luận cứ. Bởi thế đây chính là kết luận của lập luận.

– ***Lập luận phối hợp***: là cách thức lập luận, nối tiếp giữa quy nạp và diễn dịch: bắt đầu bằng lập luận quy nạp, sau đó là lập luận diễn dịch và kết thúc là lập luận quy nạp.

Theo cách lập luận này, đoạn văn thường được bắt đầu bằng câu nêu một nhận định mang tính chung, khái quát rồi sau đó là những câu nêu nội dung cụ thể, riêng biệt và kết thúc là câu chốt lại, khép lại nội dung trình bày.

BÀI TẬP NHẬN BIẾT LUẬN CỨ

BÀI TẬP 1

Em hãy xác định những luận cứ tác giả dùng để lập luận trong đoạn văn sau:

Quan lại vì tiền mà bất chấp công lí. Sai nha vì tiền mà tra tấn cha con Vương Ông. Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Bà, Bạc Hạnh vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người. Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm. Khuyển Ưng vì tiền mà lao vào tội ác. Cả một xã hội chạy theo tiền.

(*Theo* Hoài Thanh)

BÀI TẬP 2

Em hãy theo dõi cuộc đối thoại dưới đây và trả lời các câu hỏi:

1. Ý kiến đầu tiên khẳng định nhà máy chế tạo ô tô là quan trọng nhất. Để khẳng định điều đó, người nói đã đưa ra bao nhiêu luận cứ? Đó là những luận cứ gì?

2. Vì sao ý kiến thứ hai không tán thành với ý kiến đầu tiên?

Ý kiến thứ hai cho rằng nhà máy chế tạo đồng hồ là quan trọng nhất. Để khẳng định điều đó, người nói đã đưa ra bao nhiêu luận cứ? Đó là những luận cứ gì?

3. Ý kiến thứ ba không tán thành với hai ý kiến trên. Vì sao?

Để khẳng định nhà máy điện là quan trọng nhất. Ý kiến thứ ba đã đưa ra những luận cứ gì?

Nhà máy nào quan trọng nhất?

– Tôi cho rằng nhà máy quan trọng nhất phải là nhà máy chế tạo ô tô. Các bạn có thấy không, nếu không có ô tô thì không đi đâu xa được. Này nhé, ô tô buýt chở người đi làm, ô tô tải chở hàng đi khắp các công trường nhà máy. Xe chữ thập đỏ lao vun vút đưa bác sĩ tới những nơi cấp cứu. Xe cứu hoả phóng như bay tới những chỗ có đám cháy... Đâu đâu cũng cần ô tô. Các bạn thấy đấy, rõ ràng nhà máy chế tạo ô tô là quan trọng nhất chứ.

– Không! Tôi không cho rằng nhà máy chế tạo ô tô là quan trọng nhất. Vì ô tô ngừng làm việc, nhà máy ô tô tạm nghỉ sản xuất thì điều này không ai cảm thấy ngay tức thì. Bởi vậy, tôi cho rằng nhà máy chế tạo đồng hồ là quan trọng nhất. Nếu không có chiếc đồng hồ báo thời gian thì mọi việc sẽ bị rối loạn. Công nhân đi làm muộn, chúng ta sẽ đến lớp không đúng giờ, tàu hoả, ô tô, maý bay,... đều không chạy theo thời gian biểu. Và như vậy biết bao sự cố sẽ xảy ra. Bởi vậy nhà máy chế tạo đồng hồ là không thể ngừng làm việc được.

– Tôi không tán thành những ý kiến trên. Nếu nhà máy đồng hồ và nhà máy chế tạo ô tô nghỉ việc không phải là vô thời hạn, ngừng không lâu, mấy ngày thôi, thì đã sao? Chả ai thấy điều đó cả. Vì vậy đây không phải là nhà máy quan trọng nhất. Theo tôi, nhà máy quan trọng nhất phải là nhà máy không thể ngừng một phút, thậm chí không thể ngừng một giây. Đó chính là nhà máy điện. Như các bạn đã biết, nhà máy điện làm việc suốt ngày đêm, không nghỉ chủ

nhật, không nghỉ ngày lễ, ngày tết, thậm chí không nghỉ cả ăn trưa, ăn tối. Không thể để cho nó nghỉ được bởi vì không có điện thì không một nhà máy nào có thể làm việc được, cả nhà máy ô tô lẫn nhà máy chế tạo đồng hồ. Mọi sinh hoạt bình thường của nhân dân bị đảo lộn: quạt không chạy, bếp điện không làm việc, đèn không sáng, vô tuyến tắt ngấm,... Như vậy, tôi có thể khẳng định với các bạn rằng nhà máy điện là nhà máy quan trọng nhất.

(Viết dựa theo tài liệu nước ngoài)

BÀI TẬP 3

Dưới đây là một ý kiến phát biểu về vấn đề giao thông:

Đi ẩu

1. Hàng ngày không ai có thể đứng yên một chỗ mà cần di chuyển. Đó là sự đi lại. Có rất nhiều phương tiện giúp người đi cho nhanh, cho đỡ mệt. Nhưng tuỳ cách đi, có cách đi đẹp, đáng khen; có cách xấu, đáng chê.

2. Dáng đi bộ, thường khoan thai uyển chuyển. Đi bộ không gõ guốc cồm cộp, không lê dép quèn quẹt, cũng không chen lấn xô đẩy. Đi bộ mà lại chen vào giữa hai người khác đi ngược chiều là đi...ẩu.

3. Còn xe cộ? Xe mà nhảy lên hè để đi là sai. Phóng nhanh, vượt ẩu, đâm vào người khác, không những không xin lỗi mà còn quay lại cà khịa với người bị đâm lại càng sai. Ấy là chưa kể có những kẻ chuyên ăn vạ về chuyện này thì lại càng sai biết chừng nào! Đáng trách cả mấy cậu học sinh "choai choai" cứ ngang nhiên ngồi trên xe, phóng xe ngay trên bãi cỏ công viên làm các em nhỏ, cụ già sợ xanh cả mắt.

Đêm yên tĩnh, cứ rú ga, bóp còi inh ỏi thì thật đáng phạt lắm. Đua xe đánh võng thì thật đáng "bỏ tù" vì coi thường tính mạng người khác. Lái xe không có bằng, say bia, say rượu, gây tai nạn rồi bỏ chạy... là một cái thói đi ẩu cần xử lí thật nghiêm. Đi xe máy, ô tô mà có những thái độ "láo xược" ấy thì dù có xe đẹp đến đâu, áo quần có sang đến mấy chẳng qua cũng chỉ là kẻ thiếu văn hoá, thiếu giáo dục mà thôi.

4. An toàn là cần thiết. Dáng đi đứng, sự đi lại cũng cần phải đúng luật lệ. Đó là biểu hiện nếp sống văn minh của đời sống, khẩn trương nhưng trật tự, kỉ cương chứ không tuỳ tiện, vong mạng, bất chấp xã hội. Đi đứng cũng là thể hiện trình độ hiểu biết, trình độ văn hoá, trình độ giáo dục của mỗi người, và đồng thời thể hiện trình độ văn minh, kỉ cương pháp luật của một thành phố, một đất nước. Đi ẩu cần phải loại trừ khỏi nếp sống đô thị càng sớm, càng tốt.

(*Theo* Băng Phương)

Em hãy cho biết:

1. Ở đoạn văn thứ nhất, người viết muốn nêu lên vấn đề gì?

2. Ở đoạn văn thứ hai, những luận cứ nào được tác giả sử dụng để giải thích cho việc đi bộ ẩu?

3. Ở đoạn văn thứ ba, những luận cứ nào được tác giả sử dụng để giải thích cho việc đi xe ẩu?

BÀI TẬP 4

*Để hướng tới kết luận: "**Con đường của thơ ca là tình cảm, cảm xúc**", có ba cách lập luận khác nhau được thể hiện trong ba đoạn văn dưới đây:*

Đoạn văn 1:

Tôi nhớ lại câu nói của Maiakôpxki: "Trên đời có những vấn đề chỉ giải quyết bằng thơ". Phải chăng đôi cánh của thơ ca chính là dòng tình cảm chân thật, đằm thắm. Thơ ca mang tâm trạng đến với tâm trạng: thơ ca có khả năng bao quát sâu rộng không gian và thời gian từ đó gợi mở trong lòng ta, có những lúc nó sẽ bùng lên dữ dội, nó sẽ giúp ta hiểu và đánh giá chính ta và những người xung quanh ta, từ đó ta sẽ được cải tạo, sẽ nâng con người chúng ta lên.

Đoạn văn 2:

Đối diện với thơ ca ta đối diện với một đại dương mênh mông cảm xúc. Biển sống động bồi hồi, có lúc tưởng phẳng lặng mà cuộn trào bao đợt sóng ngầm, có lúc trào dâng sôi nổi. Biển thơ nâng con thuyền tới một bến bờ rực rỡ ánh sáng. Thơ cho ta vị ngọt của đời, giúp ta thấy rõ rằng: "Không có chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra".

Đoạn văn 3:

Nói rằng nhân tố làm nên chất thơ là tình cảm mà không là lí trí hoặc những cái khác thì quả không thuyết phục. Có những câu thơ triết luận rất hay làm bừng sáng một vấn đề nhận thức mới mẻ. Có những câu thơ giàu tính đối thoại, tranh biện. Tuy nhiên ẩn chứa bên trong những suy tư, những triết lí của câu thơ đấy phải là một sự xúc cảm, một sự xúc động sâu xa về đời sống, về nhân tình thế thái của nhà văn và chính cái đó gây tác động sâu xa với người đọc. Vậy, xét cho cùng con đường chủ yếu làm nên thơ, nên sự tác động của thơ là tình cảm, cảm xúc.

Em hãy cho biết:

– Luận cứ được đưa ra trong từng lập luận để phục vụ cho kết luận.

– Những luận cứ của lập luận nào là phù hợp với kết luận cần hướng tới hơn cả?

BÀI TẬP 5

Cho lập luận sau:

Tất cả những đau thương ấy là vì đâu? Thúy Kiều và Nguyễn Du nói là vì số mệnh. Nhưng số mệnh ở đây lại hiện ra dưới hình thức những con người. Bọn người ấy khá đông. Đầy đọa Kiều không phải chỉ có một người như trường hợp Thạch Sanh hay Ngọc Hoa, Phạm Tải. Đầy đọa Kiều là cả một xã hội.

Em hãy cho biết:

– Vì sao người viết lại kết luận được rằng "Đầy đọa Kiều là cả một xã hội"?

– Luận cứ có giá trị nhất giúp tác giả dẫn tới kết luận đó?

BÀI TẬP 6

Em hãy chỉ ra những luận cứ đồng hướng và những luận cứ nghịch hướng trong lập luận sau:

Độ ấy Thơ Mới vừa ra đời. Thế Lữ như vầng sao đột ngột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam. Dầu sau này danh vọng Thế Lữ có mờ đi ít nhiều, nhưng người ta

không thể không nhìn nhận ra cái công của Thế Lữ đã dựng nền Thơ Mới ở xứ này.Thế Lữ không bàn về Thơ Mới, không bênh vực cho Thơ Mới, không bút chiến, không diễn thuyết, Thế Lữ chỉ lặng lẽ, điềm nhiên bước những bước vững vàng mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ xưa phải tan vỡ. Bởi vì không có gì khiến người ta tin ở Thơ Mới hơn là đọc những bài Thơ Mới hay.

BÀI TẬP NHẬN BIẾT KẾT LUẬN

BÀI TẬP 7

Em hãy chỉ ra kết luận trong lập luận dưới đây:

Quyền tự do là của qúy báu nhất của loài người. Không có tự do người ta cũng chỉ sống như súc vật. Tự do đây không phải là muốn làm gì thì làm: một thứ tự do vô tổ chức và vô ý thức. Sở dĩ như vậy là vì loài người sống thành đoàn thể, sống thành xã hội cho nên phải hiểu tự do có nghĩa là muốn làm gì thì làm nhưng là làm theo lẽ phải, theo lí trí, để không phạm tới sự tự do của người khác và không phạm tới quyền lợi chung của tập thể.

(*Theo* Nghiêm Toản)

BÀI TẬP 8

Em hãy đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Làm con mà biết yêu mến cha mẹ, ân cần đến cha mẹ

thì cha mẹ cũng đã vui lòng lắm rồi. Nhưng muốn cho cha mẹ được vui lòng hơn nữa, thì con phải vâng lời dạy bảo. Ý mình muốn làm gì, mà cha mẹ bảo đừng, mình cũng phải thôi; ý mình không muốn làm, mà cha mẹ bảo làm, mình cũng phải làm. Ta phải biết rằng cha mẹ ngăn cấm điều gì cũng là muốn cho mình được hay. Vậy mình vâng lời cha mẹ, tức là ích lợi cho mình. Cũng ví như ông thầy thuốc bắt người ốm phải kiêng nhịn việc gì là để chữa cho người ấy mau khỏi.

(Quốc văn giáo khoa thư)

Theo em:

– Tác giả muốn dẫn người đọc đến kết luận gì qua lập luận này?

– Kết luận đó được thể hiện rõ nhất ở câu nào?

BÀI TẬP 9

Em hãy đọc:

Chớ nên ham mê cờ bạc

Tính ham mê cờ bạc là một tính rất xấu, nó làm cho người ta phải nhiều sự thiệt hại và mất cả phẩm giá. Ai đã mắc phải tính xấu ấy thì chẳng mấy người tránh khỏi sự nghèo khó túng bấn, rồi sinh ra gian lận điên đảo, vì cờ bạc là một cách ăn chơi tổn hại nhiều tiền. Họa là mới có khi được, mà được thì xa phí hết ngay. Còn khi thua thì nhiều, mà thua mãi thì thành ra công nợ có khi đến nỗi vong gia thất thổ, phải đi ăn mày ăn xin, ăn trộm ăn cắp, làm những điều hèn hạ xấu xa. Đã cờ bạc thì còn danh giá gì! Dẫu ông gì bà gì, mà đã ngồi vào đám bạc thì cũng thành ra đê tiện.

Ai cũng gọi là con bạc, đồ cờ bạc. Bởi thế cho nên các anh phải giữ gìn, đừng bắt chước những phường cờ bạc, đừng có tập nhiễm lấy cái thói xấu ấy.

(*Theo* Quốc văn giáo khoa thư)

– Em hãy xác định kết luận của lập luận.

– Có thể coi câu "Đã cờ bạc thì còn danh giá gì" là kết luận chung mà bài hướng đến được không? Vì sao?

BÀI TẬP 10

Em hãy đọc lập luận sau:

... Cách nhau mười lăm năm, Kim Trọng nghe lại tiếng đàn của Thúy Kiều và so sánh "Xưa sao sầu thảm nay sao vui vầy". Nhưng có đúng là khúc nhạc đoạn đầu "sầu thảm" và khúc nhạc đoạn cuối "vui vầy" không? *Sầu thảm* và *vui vầy*, theo tôi chỉ là chủ quan của chàng Kim lúc ấy mà thôi. Thật ra lần đầu tiên Thúy Kiều đánh đàn cho Kim Trọng nghe thì còn gì hạnh phúc bằng? Nếu có buồn thì đó là cái buồn của người đang yêu và được yêu mà thôi. Cái buồn của những người đang hưởng hạnh phúc nhưng lại sợ hạnh phúc nửa chừng tan vỡ. Còn cái vui của tiếng đàn khi tái hợp thì chỉ là cái vui của những người hết thời "hoa đương phong nhị, trăng vòng tròn gương". Cái vui của lí trí đứng đắn, cái vui đã có "khóc thầm" bay rồi. Làm gì có cái vui của tiếng đàn lần thứ nhất với "tiếng hạc bay qua", với "tiếng suối mới sa nửa vời"? Cho nên có thể nói cùng là hai khúc nhạc tình yêu nhưng cái buồn trong khúc nhạc yêu đương đầu tiên là cái buồn mà vui, còn cái vui trong khúc nhạc yêu đương lần sau là cái vui mà có pha buồn.

(*Theo* Tế Hanh)

Em hãy :

– Xác định câu kết luận của lập luận.

– Những luận cứ được sử dụng trong quá trình lập luận.

BÀI TẬP 11

Sau đây là một đoạn văn bản về ***mối quan hệ giữa nghề nghiệp và thời cơ:***

Người ta làm nghề gì, ai chẳng muốn cho nghề ấy được phát đạt, thịnh vượng. Song gặp thời thì hay, lỡ thời hóa dở. Như thế thì cái thời cũng là quan hệ với nghề của mình lắm. Khốn cái thời là tự ở đâu đâu chớ không tự mình gây được. Cho nên có lắm người làm nghề, không thành nghề, thường nói rằng: "mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên" nghĩa là người chỉ mưu tính công việc, còn công việc nên hay không nên là do tại trời. Song, người có gan dù cho lỡ thời cũng cứ vững dạ mà giữ lấy nghề, vì nghề chắc đã thành thì tất cũng có chốn dụng, chẳng chóng thì chầy, chẳng nhiều thì ít. Chớ cứ nay làm nghề này, mai xoay nghề khác, như hòn đá lăn mãi không bao giờ mọc rêu, thì chỉ nhọc xác, già người mà vẫn không ăn thua gì cả.

(Cổ học tinh hoa)

Em hãy nêu và phân tích kết luận của lập luận?

BÀI TẬP 12

Thơ Mới không nói đến đấu tranh cách mạng, đó là nhược điểm lớn. Thơ Mới nói chung buồn. Thơ Mới thiếu khí

phách Cách mạng, nhưng Thơ Mới là một phong trào văn học phong phú, một phong trào sáng tạo dồi dào có nhiều yếu tố tích cực. Lòng yêu quê hương đất nước, yêu sự sống, yêu con người, yêu tiếng Việt thiết tha. Thơ Mới đã trau dồi tiếng Việt, là cho ngôn ngữ thơ Việt Nam uyển chuyển và hiện đại, biểu hiện được tất cả các màu sắc tâm hồn của người Việt Nam ở thế kỉ này. Nếu không có phong trào Thơ Mới thì cũng không có ngôn ngữ Thơ Mới vừa súc tích, sắc bén vừa uyển chuyển, mượt mà chứa đựng nhiều năng lượng trữ tình cho những nhà thơ các thế hệ ra đời sau Cách mạng Tháng Tám để biểu hiện tư tưởng và tình cảm của mình. Vì vậy, có thể nói Thơ Mới xứng đáng được mệnh danh là "một thời đại trong thi ca" (Hoài Thanh), một thời đại phong phú, dồi dào sức sáng tạo của hồn thơ dân tộc, của tiếng nói Việt Nam.

(*Theo* Huy Cận)

Em hãy:

– Chỉ ra kết luận của lập luận

– Chỉ ra mối quan hệ của các luận cứ và kết luận?

BÀI TẬP 13

Trong đoạn văn, câu chốt thường chứa đựng ý bao trùm của cả đoạn văn và có thể coi đó là kết luận mà người viết hướng tới. Có những đoạn văn không có câu chốt, người đọc phải tự rút ra kết luận.

Dựa vào điều đó, em hãy phân tích tính chất của kết luận ở hai đoạn văn sau:

Đoạn 1: Ca dao của ta dùng rất nhiều hình ảnh để nói lên cái đẹp và đức tính tốt, hay có khi cũng nói về những cái xấu nhưng không muốn nói thẳng. Nhờ phương pháp hình

tượng hóa nên lời của ca dao Việt Nam tuy trong sáng, giản dị mà rất hàm súc. Thí dụ như người con gái không được chủ động trong việc hôn nhân tự mình ví với hạt mưa:

Thân em như hạt mưa rào
Hạt rơi xuống giếng hạt vào vườn hoa

(Vũ Ngọc Phan –
Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam)

Đoạn 2: Có thể nói ca dao đã ghi lại tất cả các chặng đường của tình yêu, các khía cạnh của tình yêu, các trạng thái tình cảm của nam nữ thanh niên với những trắc trở khó khăn do đời sống và chế độ phong kiến gây nên. Ca dao trữ tình là một thiên tình ca muôn điệu.

BÀI TẬP 14

Em hãy nêu kết luận của lập luận sau:

Trong lòng không có lửa, làm sao có thể viết lên những bài có sức chiến đấu cao? Cái tâm không lành, làm sao truyền cảm? Nếu tâm ta chưa thật sáng, còn chông chênh vì bị chi phối bởi những điều tầm thường, làm sao mong mỏi những điều ta viết ra sẽ khách quan, trung thực và thật sự hữu ích cho đời.

BÀI TẬP NHẬN BIẾT CÁCH THỨC LẬP LUẬN

BÀI TẬP 15

Em hãy chỉ ra cách lập luận trong các đoạn văn sau:

Đoạn văn 1:

Tiếng nói cũng vậy, nó phải phản ánh đời sống và phục vụ đời sống hàng ngày, cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng, cuộc chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta hiện nay, đời sống chính trị văn hóa và văn học nghệ thuật. Thế nào là phản ánh cuộc sống? Đó là diễn tả ý nghĩ và tình cảm của người nghe, người đọc. Muốn vậy phải dùng tiếng nói của dân tộc, lời nói, cách nói thông thường nhất, mộc mạc nhất không chỉ có lợi ích là dễ hiểu, mà còn có thể gây cảm xúc mạnh mẽ cho người nghe, người đọc. Cho nên phải chống mạnh mẽ hơn nữa cái tật hay "nói chữ" mà Bác Hồ thường phê bình: "Đã dốt lại hay nói chữ"! "Đúng quá, chính vì dốt mà hay nói chữ".

(Phạm Văn Đồng)

Đoạn văn 2:

Nhưng có người còn tự hỏi rằng: Tại sao người trong một nước phải đoàn kết với nhau? Một điều thật dễ hiểu. Bởi lẽ mỗi chúng ta cùng chung một dòng giống, cùng chung một dân tộc, một tiếng nói, cùng sống chung một lãnh thổ. Những điểm chung đó là sợi dây ràng buộc, giúp những người trong một nước phải gắn bó với nhau. Chúng ta thử nghĩ nếu không may đất nước bị lâm nguy, chẳng lẽ tất cả chúng ta được an vui, sinh tồn? Hoặc khi có thiên tai, lũ lụt xảy ra thì tất cả chúng ta sẽ cùng nhau hứng chịu. Do đó, người trong một nước phải yêu thương đùm bọc lẫn nhau. Đó là tình nghĩa đồng bào cùng sống trên một lãnh thổ. Chính tình cảm thiêng liêng đó đã giúp cách mạng Việt Nam vượt qua mọi phong ba bão táp và cập bến vinh quang như hiện nay.

(Vũ Tiến Quỳnh)

Đoạn văn 3:

Cha mẹ là người nuôi dưỡng con cái, công lao đó to lớn đến dường nào. Mẹ ta mang nặng đẻ đau, khi bé thì mẹ ta cho ta bú mớm, đến khi lớn lên thì cha mẹ nuôi dưỡng chăm sóc khi ta khoẻ mạnh cũng như lúc ta ốm đau. Làm sao mà có thể kể xiết những nỗi vất vả cực nhọc, gian nan mà cha mẹ ta đã từng trải qua để nuôi ta khôn lớn.

(Vũ Tiến Quỳnh)

Đoạn văn 4:

Văn học dân gian không những đẹp ở nhiều khía cạnh nội dung mà còn đẹp ở nghệ thuật thể hiện. Những chi tiết vừa hồn nhiên vừa giản dị, vừa tưởng tượng phóng khoáng phi thường trong thần thoại, truyền thuyết và cổ tích; những câu chuyện ngụ ngôn hàm súc, dí dỏm, những truyện cười giàu chất trí tuệ trong kho tàng truyện cổ dân gian; những lời hay ý đẹp, những hình tượng bình dị mà óng ả, những tình cảm đằm thắm thuần nhị và chân thành trong vườn nghệ thuật ca dao dân ca... những "hòn ngọc quý" ấy sẽ mãi mãi hấp dẫn độc giả mọi thế hệ, làm giàu thế giới mơ ước của trẻ thơ mà không một loại hình tiểu thuyết nào có thể thay thế được!

BÀI TẬP 16

Có hai đoạn văn sau:

Đoạn văn 1:

Trăng đã đi vào rất nhiều bài thơ của mọi thế hệ thi sĩ. Trăng cũng đã đi vào thơ Bác ở nhiều bài thơ thuộc những giai đoạn khác nhau. Trăng đã là ánh sáng, là thanh bình, là

hạnh phúc, là ước mơ, là niềm an ủi, là người bạn tâm tình của Bác. Ánh trăng làm cho cái đẹp của cảnh vật trở nên êm đềm, sâu sắc, làm cho cảm nghĩ của con người thêm thâm trầm, trong trẻo. Trong thơ Bác, ánh trăng luôn tràn đầy.

Đoạn văn 2:

Chí Phèo đã chết, chết trên ngưỡng cửa trở về cuộc sống. Anh phải chết vì xã hội không cho anh được sống. Và cũng chính vì anh không tìm ra đường sống. Kẻ thù đã bị đền tội, nhưng "tre già măng mọc, thằng ấy chết còn có thằng khác". Cuộc sống vẫn tối sầm.

(Nguyễn Hoành Khung)

Theo em, cách lập luận ở hai đoạn văn trên có những điểm nào giống nhau? Từ đó chỉ ra cách lập luận cụ thể của từng đoạn văn.

BÀI TẬP 17

Em hãy phân tích quan hệ của các luận cứ và kết luận trong đoạn văn sau để thấy được cách lập luận của đoạn văn:

(1) Chúng ta chống bệnh chủ quan, chống bệnh hẹp hòi đồng thời cũng phải chống thói ba hoa. (2) Vì thói này cũng hại như hai bệnh kia. (3) Vì ba thói đó thường đi với nhau. (4) Vì thói ba hoa còn tức là bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi cũng chưa khỏi hẳn.

(Hồ Chủ Tịch)

BÀI TẬP 18

Hai đoạn văn dưới đây đều được viết theo kiểu quy nạp

nhưng có sự khác nhau trong cách lập luận. Em hãy chỉ ra sự khác nhau đó.

Đoạn văn thứ nhất:

Trong hàng nghìn năm dưới ách thống trị của phong kiến ngoại bang xâm lược... văn học bác học cổ điển của ta có những tác phẩm tiến bộ mang cốt cách dân tộc, nhưng vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng thống trị ngoại bang... Trong gần một thập kỉ dưới ách áp bức bóc lột của thực dân Pháp, văn nghệ bác học của ta bị lai căng, nhưng vẫn có những tác phẩm tiến bộ. Tuy nhiên, nền văn nghệ bác học đó cũng không tích cực bằng văn nghệ của quần chúng... Vì vậy, muốn phát huy truyền thống dân tộc tốt đẹp, lành mạnh, phong phú và sâu sắc thì trước hết phải chú trọng đến văn nghệ của quần chúng.

Đoạn văn thứ hai:

Đứa trẻ ra đời bởi một tình yêu gắng gượng trong một gia đình không có hạnh phúc. Người bố phẫn chí, lặng lẽ trả thù số phận bằng những khói thuốc phiện, người mẹ trẻ trung tuy khao khát hạnh phúc chân thật, nhưng cũng đành chịu cúi đầu trước lễ giáo phong kiến, âm thầm như chiếc bóng dưới chân tường. Gia đình sa sút rồi sụp đổ hẳn. Bố chết. Mẹ ngược xuôi tần tảo. Đứa trẻ mồ côi cha, xa tình mẹ, phải sống bơ vơ đói rách, lêu lổng, trong sự lườm nguýt đay nghiến của họ hàng và thái độ dửng dưng của xã hội. Có thể nói "Những ngày thơ ấu" (Nguyên Hồng) chủ yếu là những kỉ niệm đau buồn, tủi cực của một đứa trẻ, sinh ra trong một gia đình bất hoà, phá sản và truy lạc, sớm phải sống bơ vơ, lêu lổng.

BÀI TẬP 19

*Dưới đây là đoạn văn viết về nhân vật chị Dậu trong **Tắt đèn**:*

Chị Dậu là một trong những nhân vật đẹp nhất về người nông dân trong văn học nước ta. Chị đã từng được ví như đóa sen quê nở trên đầm bùn của xã hội thực dân-phong kiến. Mặc dù bị bọn cường hào, địa chủ, quan lại áp bức, bóc lột nặng nề, mặc dù phải chịu những nỗi khổ đau cùng cực, song chị vẫn giữ trọn những phẩm chất quý báu của người phụ nữ Việt Nam. Với tác phẩm *Tắt đèn*, Ngô Tất Tố đã làm cho hình ảnh của chị mãi mãi sống trong tâm trí của chúng ta.

Em có nhận xét gì về cách lập luận của đoạn văn?

BÀI TẬP 20

Em hãy chỉ ra sự khác nhau trong cách lập luận của hai đoạn văn sau:

Đoạn văn 1:

Phong cảnh trong Truyện Kiều thường được miêu tả qua một vài nét chấm phá mang nhiều ý nghĩa tượng trưng. "Chim én đưa thoi", đó là dấu hiệu của mùa xuân. Mùa hè hiện ra qua tiếng quyên kêu: "Dưới trăng, quyên đã gọi hè", hay vào lúc mà "đào đà phai thắm, sen đà nở xanh". Và khi "sân ngô cành biếc đã chen lá vàng", ấy là lúc mùa thu đã tới. Nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du thật tinh tế, gợi cảm biết bao!

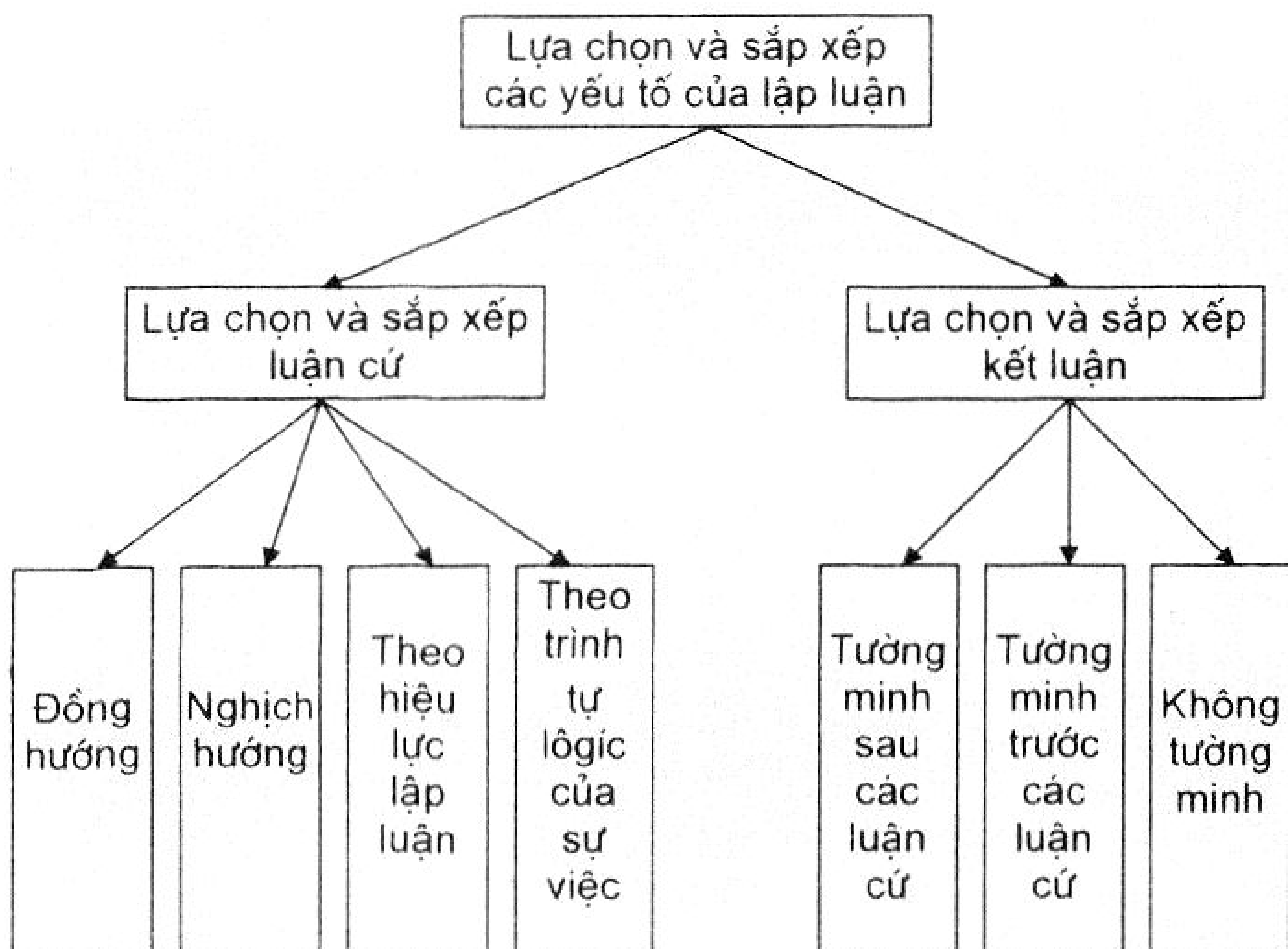
Đoạn văn 2:

Bằng ngọn bút tài tình, các nhà thơ lớn đã làm lòng ta rung động trước bao khung cảnh thiên nhiên. Mùa xuân, với sắc hoa lê trắng điểm tô cho màu cỏ xanh non, hiện lên rất đẹp trong thơ Nguyễn Du. Còn Nguyễn Khuyến, chỉ bằng vài nét bút đơn sơ, giản dị, đã diễn tả thật tuyệt vời hình ảnh của mùa thu trên nông thôn miền Bắc.

BÀI TẬP NHÓM II

LUYỆN LỰA CHỌN VÀ SẮP XẾP CÁC YẾU TỐ CỦA LẬP LUẬN

MÔ HÌNH HỆ THỐNG BÀI TẬP NHÓM II



MỤC ĐÍCH LUYỆN TẬP

– Hiểu được thế nào là luận cứ đồng hướng, nghịch hướng và giá trị của chúng trong lập luận.

– Biết cách lựa chọn, sắp xếp và thể hiện các luận cứ phù hợp với kết luận của lập luận.

– Biết cách thể hiện kết luận tường minh và không tường minh trong một lập luận.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG TRƯỚC KHI LUYỆN TẬP

1. Luận cứ đồng hướng và nghịch hướng

Để lập luận cần phải có luận cứ. Số lượng luận cứ trong một lập luận có thể ít, có thể nhiều. Tuy nhiều, nhưng không phải bất kì luận cứ nào cũng có giá trị như nhau đối với kết luận.

Thực tế cho thấy, có luận cứ đạt được sự phù hợp cao đối với kết luận, có giá trị lớn trong việc thuyết phục người đọc tin vào kết luận, khẳng định kết luận, nhưng cũng có luận cứ có giá trị thấp hơn, tính thuyết phục yếu hơn đối với kết luận. Tuy nhiên, dù có giá trị nhiều hay ít thì cả hai luận cứ loại này đều được gọi là những *luận cứ đồng hướng* với kết luận.

Nhưng không phải trong bất kì một lập luận nào, tất cả các luận cứ cũng đều là đồng hướng. Có những trường hợp luận cứ đi ngược chiều với kết luận, phủ nhận nội dung nêu ra trong kết luận, làm giảm giá trị của lập luận. Những luận cứ như vậy được gọi là *luận cứ nghịch hướng* với kết luận. Tuy nhiên, trong văn nghị luận, do tính chất tranh luận

mạnh mẽ của loại văn này nên việc đưa ra các luận cứ nghịch hướng có tác dụng ngăn ngừa sự "cãi lại", sự lật lại vấn đề của người tranh luận và giúp cho người đọc thêm cơ sở tin tưởng vào kết luận mà người nói, người viết đưa ra.

Ví dụ:

Trong xã hội Truyện Kiều, đồng tiền đã thành một sức mạnh tác quái rất ghê. Nguyễn Du không phải không nhắc đến tác dụng tốt của đồng tiền. Có tiền Thúc Sinh, Từ Hải mới chuộc được Kiều, Kiều mới cứu được cha và sau này mới báo được ơn cho người này, người nọ. Đó là những khi đồng tiền nằm trong tay người tốt. Nhưng chủ yếu Nguyễn Du vẫn nhìn về mặt tác hại. Vì Nguyễn Du thấy rõ cả một loạt hành động gian ác bất chính đều là do đồng tiền chi phối. Quan lại vì tiền mà bất chấp công lí; sai nha vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người; Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm; Khuyển, Ưng vì tiền mà làm những điều ác. Cả xã hội chạy theo tiền.

(Hoài Thanh)

Kết luận mà lập luận hướng tới chính là "*Trong xã hội Truyện Kiều, đồng tiền đã thành một sức mạnh tác quái rất ghê*", "*Cả xã hội chạy theo tiền*", nghĩa là nói tới mặt tác hại, mặt tiêu cực của đồng tiền. Nhưng trong số những luận cứ đưa ra trong quá trình lập luận đã có những luận cứ đi ngược lại, làm giảm hiệu lực của kết luận này, đó là "*Nguyễn Du không phải không nhắc đến tác dụng tốt của đồng tiền*", "*Có tiền Thúc Sinh, Từ Hải mới chuộc được Kiều, Kiều mới cứu được cha và sau này mới báo được ơn cho người này, người nọ*". Những luận cứ đó chính là những luận cứ nghịch hướng.

2. Sắp xếp luận cứ và kết luận

Trong lập luận, khi có từ hai luận cứ trở lên, bắt đầu

xuất hiện vấn đề sắp xếp trật tự các luận cứ. Luận cứ đưa ra trong quá trình lập luận không phải là sự liệt kê dễ dãi, tuỳ tiện mà đó là sự sắp xếp có định hướng nhằm làm tăng hiệu quả của lập luận. Giá trị của một luận cứ không phải chỉ được thể hiện ở nội dung chứa đựng trong luận cứ mà còn bộc lộ cả ở vị trí sắp xếp của chúng trong lập luận.

Thông thường, trong lập luận, các luận cứ đồng hướng được sắp xếp ở gần vị trí của kết luận hơn so với các luận cứ nghịch hướng. Còn trong số các luận cứ đồng hướng, luận cứ nào có giá trị đối với kết luận hơn lại được sắp xếp ở vị trí gần kết luận hơn. Như vậy, trong quá trình lập luận, việc sắp xếp vị trí của luận cứ phụ thuộc vào sự tác động mạnh hay yếu của luận cứ đối với kết luận. Luận cứ càng mạnh càng cần đứng gần vị trí của kết luận hơn. Đảo lại vị trí của luận cứ trong lập luận sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến giá trị của kết luận.

Giả sử trong lập luận vừa dẫn trên, ta đảo lại vị trí của luận cứ nghịch hướng xuống gần kết luận, còn luận cứ đồng hướng phải xa kết luận hơn " *Trong xã hội Truyện Kiều, quan lại vì tiền mà bất chấp công lí; sai nha vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người; Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm; Khuyển, Ưng vì tiền mà làm những điều ác. Nguyễn Du vẫn nhìn (đồng tiền) về mặt tác hại, vì Nguyễn Du thấy rõ cả một loạt hành động gian ác bất chính đều là do đồng tiền chi phối tuy Nguyễn Du không phải không nhắc đến tác dụng tốt của đồng tiền. Có tiền Thúc Sinh, Từ Hải mới chuộc được Kiều, Kiều mới cứu được cha và sau này mới báo được ơn cho người này, người nọ. Đó là những khi đồng tiền nằm trong tay người tốt... Đồng tiền đã thành một sức mạnh tác quái rất ghê. Cả xã hội chạy theo tiền.*". Lúc này ta thấy giá trị thuyết phục của kết luận giảm đi nhiều.

Trong khi lập luận cũng cần chú ý việc lựa chọn số

lượng các luận cứ đồng hướng và nghịch hướng sao cho phù hợp. Nếu như lập luận bao gồm toàn bộ các luận cứ đồng hướng thì việc lựa chọn số lượng luận cứ đúng và đủ là cần thiết. Bởi vì trong trường hợp này nếu các luận cứ lựa chọn chưa thật tốt, chưa thật đầy đủ chỉ làm giảm đi mà không làm mất đi giá trị của kết luận. Nhưng khi có thêm các luận cứ nghịch hướng, mà những luận cứ nghịch hướng đó lại nhiều hơn số lượng các luận cứ đồng hướng thì kết luận bị mất đi giá trị mà không còn là việc giảm giá trị nữa.

Kết luận đứng ở vị trí nào trong đoạn văn nghị luận là tuỳ thuộc vào cách thức lập luận được người viết lựa chọn. Đối với cách lập luận diễn dịch, kết luận sẽ đứng đầu đoạn văn. Đối với cách lập luận quy nạp, hoặc tổng phân hợp, kết luận sẽ đứng cuối đoạn văn. Kết luận đứng ở vị trí nào sẽ kéo theo việc sắp xếp các luận cứ đồng hướng và nghịch hướng có trong lập luận đó. Bởi vậy việc lựa chọn cách thức lập luận sẽ quyết định vị trí sắp xếp của luận cứ và kết luận trong quá trình lập luận.

BÀI TẬP

LỰA CHỌN VÀ SẮP XẾP LUẬN CỨ

BÀI TẬP 21

*Cho sẵn kết luận "**Truyện Kiều là bản cáo trạng xã hội phong kiến thối nát**" và các luận cứ:*

(1) Truyện Kiều là bức tranh chân thực về một xã hội bề ngoài thì "bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng" nhưng bên trong thì mục ruỗng thối tha.

(2) Một xã hội mà từ quan lại đến bọn ma cô đều ngang nhiên đầy đọa người trong trắng vô tội.

(3) Một xã hội chạy theo đồng tiền.

(4) Đồng tiền chà đạp lên công lí, hạnh phúc, nhân phẩm.

(5) Đồng tiền xô đẩy những con người trong trắng vào vũng bùn nhơ nhớp.

(6) Hồ Tôn Hiến ngang nhiên ép gả Kiều cho một tên thổ quan.

(7) Sở Khanh lừa lọc, Mã Giám Sinh chiếm đoạt, mụ Tú Bà đánh đập, Hoạn Thư sỉ nhục Kiều- một con người có phẩm giá và tài năng.

(8) Một xã hội mà những người chiến đấu vì công lí, vì tự do như Từ Hải thì bị coi là giặc cỏ, bị hàm oan "chết đứng", còn những kẻ như Tú Bà, Bạc Hà, Bạc Hạnh thì ngang nhiên đầy đọa người lương thiện.

Em hãy:

– Lược bỏ bớt những luận cứ không cần thiết và giải

thích lí do.

– Chọn ra hai luận cứ trong số các luận cứ đã có mà em cho là đủ để làm rõ kết luận.

BÀI TẬP 22

*Cho trước kết luận: "**Thơ là tình cảm, là cảm xúc**". Những câu sau đây có thể coi là những luận cứ của kết luận trên:*

(1) Thơ không hướng tới mục đích tạo hình nhưng không thể không cần đến chi tiết.

(2) Tuy nhiên chi tiết trong thơ là loại chi tiết rất chọn lọc từ cuộc sống, từ cội nguồn cảm xúc của nhà văn.

(3) Chi tiết trong thơ có khả năng rung động lòng người, gợi lên những ý nghĩa biểu tượngvừa cụ thể, vừa khái quát.

(4) Chi tiết của thơ xét cho cùng là chi tiết có giá trị biểu hiện là chủ yếu.

Em hãy cho biết:

– Nếu để nguyên trật tự các luận cứ (1), (2), (3), (4) như trên hiệu quả lập luận của đoạn văn đã đảm bảo chưa? Có cách sắp xếp khác không? Cho ví dụ.

– Nếu phải thêm vào một luận cứ thì nên thêm vào loại luận cứ lí lẽ hay luận cứ sự kiện chi tiết và thêm ở vị trí nào?

BÀI TẬP 23

*Sau đây là các luận cứ chưa được chọn lọc, sắp xếp của kết luận: "**Tình yêu là tình cảm cao đẹp mang lại sức mạnh cho con người**".*

(1) Không có tình yêu thì cuộc sống sẽ thành đêm tối.

(2) Con người có rất nhiều tình cảm đẹp: tình bạn, tình đồng chí, tình quê hương,... nhưng tình cảm đặc biệt nhất là tình yêu.

(3) Tình yêu sẽ làm cho chúng ta yêu đời, yêu người hơn.

(4) Rômeô và Juliet; Kim Trọng và Thúy Kiều là những người dám chống mọi thế lực để yêu nhau, để bảo vệ tình yêu cao đẹp.

(5) Tình yêu giúp cho con người vượt qua mọi trở lực, xây dựng cuộc sống cao quý có ý nghĩa.

(6) Trên đời không có tình cảm nào đẹp bằng tình yêu.

Em hãy lược bỏ luận cứ nào mà em thấy không phù hợp hoặc không cần thiết, giải thích lí do vì sao?

BÀI TẬP 24

Cho sẵn các luận cứ đồng hướng và một kết luận sau:

(1) Xuân Diệu tận dụng mọi cơ hội để được tiếp xúc với bạn đọc ở mọi nơi, mọi lúc để thoả mãn niềm khát khao giao cảm mãnh liệt với đời.

(2) Thơ chưa đủ thoả mãn niềm khát khao giao cảm với đời, Xuân Diệu còn sáng tác văn xuôi, bút kí, tùy bút, truyện ngắn, nghiên cứu phê bình văn học.

(3) Xuân Diệu khai thác triệt để mọi cách để tiếp xúc với đời để đáp ứng nhu cầu giao cảm với đời.

(4) Xuân Diệu làm thơ để thả hồn vào thế giới, tìm đến với những tâm hồn đồng điệu.

Em hãy sắp xếp các luận cứ theo giá trị tăng dần đối với kết luận và giải thích lí do.

BÀI TẬP 25

Cho sẵn các luận cứ:

(1) Có thể nói rằng sách là thầy, là bạn của ta.

(2) Sách nâng đỡ suy nghĩ của ta, động viên khích lệ chúng ta.

(3) Sách mở ra một thế giới bao la vô tận trước mắt ta trong đó có bao điều mới lạ mà ta chưa hiểu; nhiều tình cảm cao quý mà ta mong muốn; nhiều nhân vật mà ta yêu quý.

(4) Khi buồn, khi vui, khi cần tìm một lời giải đáp cho cuộc sống ta đều có thể tìm đến với sách.

(5) Ta có thể học trong cuộc sống nhưng cũng có thể học trong trang sách.

(6) Muốn trưởng thành chúng ta phải tôn trọng giá trị của sách và ngày ngày phải miệt mài đọc sách.

Em hãy sắp xếp, chuyển đổi các luận cứ sau theo những cách khác nhau để chứng minh cho kết luận: "*Sách là người thầy, người bạn của ta*".

BÀI TẬP 26

*Cho sẵn kết luận của đoạn văn: "**Nghệ thuật là sự sáng tạo đích thực**".*

Có những cách triển khai lập luận bằng hệ thống luận cứ được sắp xếp như sau:

Cách thứ nhất:

(1) Tác phẩm là đứa con tâm huyết của nhà văn. (2) Mỗi tác phẩm phải mang phong cách sắc thái riêng của mỗi nhà văn. (3) Văn chương không chấp nhận những nhà văn có trái tim lạnh lùng. (4) Văn chương tối kị sự công thức, đơn điệu và sáo mòn. (5) Nhà văn phải luôn đào sâu suy nghĩ trước cuộc sống muôn màu muôn vẻ để phát hiện ra sự phong phú đa dạng của nó, lấy nó làm cơ sở sáng tạo ra cái đẹp.

Cách thứ hai:

– Bỏ luận cứ (3).

– Xếp 4 luận cứ còn lại theo trật tự: (1), (5), (2), (4).

Cách thứ ba:

Tác phẩm văn chương đích thực phải là một sáng tạo nghệ thuật đích thực của nhà văn. Sáng tạo không có nghĩa là "bắt chước một vài kiểu mẫu có sẵn"; là sao chép, mô phỏng hiện thực cuộc sống cho dù sự mô phỏng đó rất thành thạo. Văn chương tối kị sự công thức, sáo mòn. Sáng tạo của nhà văn thể hiện ở chỗ biết đào sâu suy nghĩ, biết tìm tòi và mang lại cho tác phẩm những cái mới, cái độc đáo về nội dung tư tưởng và nghệ thuật biểu hiện. Xét cho cùng, tác phẩm văn chương đích thực phải "khơi được những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những gì chưa có" như Nam Cao đã nói.

1. Theo em, cách lập luận nào chặt chẽ hơn cả?

2. Để tạo hiệu quả lập luận, vấn đề trật tự sắp xếp các luận cứ quan trọng hơn hay vấn đề nội dung của các luận cứ nêu ra quan trọng hơn? Tại sao?

BÀI TẬP 27

Cho sẵn các luận cứ và kết luận sau:

(1) Nguyễn Đình Chiểu đã đấu tranh không phải chỉ để giữ mình mà để khẳng định vị trí chiến đấu của bản thân mình trong cuộc đời với tư cách người trí thức, người nghệ sĩ.

(2) Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là một cuộc đời đấu tranh vô cùng gay go và gian khổ.

(3) Đấu tranh để không bị gục ngã trước số phận khắc nghiệt và tàn bạo.

(4) Đấu tranh để chống lại những lưới bẫy của kẻ thù, những thành kiến lỗi thời của xã hội.

(5) Đấu tranh với bên ngoài, đấu tranh với cả bản thân trước những ảnh hưởng tiêu cực của nho giáo để trở thành người nghệ sĩ của nhân dân.

Em hãy sắp xếp lại trật tự các luận cứ và kết luận trên để chúng tạo thành một lập luận hoàn chỉnh.

BÀI TẬP 28

Hai đoạn văn sau nói về giá trị tố cáo của Truyện Kiều nhưng có cách sắp xếp trật tự các luận cứ khác nhau,:

Cách 1:

(1) Truyện Kiều là tấn bi kịch về cuộc đời, về thân phận người con gái tài sắc vẹn toàn. (2) Bi kịch ấy, như chúng ta đã phân tích ở trên, rõ ràng do đồng tiền đưa tới. (3) Đồng tiền đã tác yêu, tác quái trong xã hội, làm đảo ngược công lí, đã biến con người thành món hàng mua đi bán

lại, đã chà đạp lên những tình cảm thiêng liêng nhất của con người. (4) Đồng tiền đã phát huy thế lực vạn năng của nó. (5) "Tài hoa, nhan sắc, tình nghĩa, nhân phẩm, công lí đều không còn nghĩa gì trước thế lực của đồng tiền. Tài tình, hiếu hạnh như Kiều cũng chỉ là một món hàng, không hơn không kém". (6) Chủ đề về đồng tiền đã bao phủ trong toàn bộ tác phẩm. (7) Người đọc thấy ghê tởm với cái thực trạng xã hội phong kiến thế kỉ XVIII với vị trí ngự trị của đồng tiền, đồng tiền điều hành tất cả. (8) Giá trị tố cáo của Truyện Kiều chính là ở chỗ đó.

Cách 2:

(1) Truyện Kiều là tấn bi kịch về cuộc đời, về thân phận người con gái tài sắc vẹn toàn. (2) Bi kịch ấy, như chúng ta đã phân tích ở trên, rõ ràng do đồng tiền đưa tới. (3) Chủ đề về đồng tiền là chủ đề nổi bật và xuyên suốt toàn bộ tác phẩm. (4) Người đọc thấy ghê tởm cái xã hội phong kiến thế kỉ XVIII với vị trí ngự trị của đồng tiền, đồng tiền điều hành tất cả.(5) Đồng tiền đã phát huy thế lực vạn năng của nó. (6) Đồng tiền đã tác oai, tác quái trong xã hội, làm đảo ngược công lí, đã biến con người thành món hàng mua đi bán lại, đã chà đạp lên những tình cảm thiêng liêng nhất của con người. (7) "Tài hoa, nhan sắc, tình nghĩa, nhân phẩm, công lí đều không còn nghĩa gì trước thế lực của đồng tiền. (8) Tài tình, hiếu hạnh như Kiều cũng chỉ là một món hàng, không hơn không kém". (9) Giá trị tố cáo của Truyện Kiều chính là ở chỗ đó.

Em hãy cho biết, khi đổi vị trí của các luận cứ, ý nghĩa khẳng định của kết luận có gì thay đổi? Giải thích rõ sự thay đổi đó.

BÀI TẬP 29

*Để thuyết phục người đọc về kết luận: "**Nam Cao viết về người nông dân rất chân thực, sâu sắc**", một bạn học sinh đã xếp trật tự các luận cứ như sau:*

(1) Tác giả đi vào phân tích để chỉ ra những bế tắc hằn sâu trong nếp cảm nhận, suy nghĩ của nhiều cảnh ngộ, số phận bất hạnh của số đông nông dân thời trước cách mạng.

(2) Tác giả đã phản ánh khá chân thực những nỗi thống khổ cùng cực của người nông dân vùng Bắc bộ.

(3) Ông không viết về họ với con mắt giễu cợt, với trái tim ghẻ lạnh.

(4) Ông phát hiện những nét phẩm chất, đức tính đẹp ẩn náu đằng sau cái bề ngoài xấu xí, quê mùa cũng như đằng sau cái khốn khổ lầm than của họ.

(5) Đáng nói nhất là Nam Cao đã phản ánh được những bi kịch của người nông dân.

(6) Ông cũng lí giải một cách thuyết phục bi kịch của tâm hồn người trí thức bấy giờ.

Em hãy phân tích và sắp xếp lại các luận cứ để việc chứng minh cho kết luận trên đạt hiệu quả cao nhất.

BÀI TẬP 30

Cho sẵn một kết luận và nhiều luận cứ, trong đó có một số luận cứ nghịch hướng với kết luận:

(1) Vũ Trọng Phụng đã thành công xuất sắc trong tiểu thuyết hoạt kê "Số đỏ".

(2) Tuy nhiên, tác phẩm này đã có lúc phải gánh chịu

những lời đánh giá hẹp hòi, định kiến.

(3) Một số nhà nghiên cứu nước ngoài lại thích "Số đỏ" hơn cả "Giông tố" và "Vỡ đê".

(4) Có người trong lúc kết án tác phẩm của Vũ Trọng Phụng "khiêu dâm" đã xếp "Số đỏ" cùng với "Lục xì", "Làm đĩ".

(5) Lại có người thu hẹp nội dung "Số đỏ"vào việc phê phán phong trào Âu hoá, vui vẻ, trẻ trung của nhóm "Ngày nay"

(6) Lại có người do không hiểu nghệ thuật phóng đại trong biếm họa, đã coi Xuân tóc đỏ là một con rối do Vũ Trọng Phụng giật dây đi ngật ngưỡng giữa cuộc đời đen bạc.

(7) Bài viết này muốn góp phần trả lại cho "Số đỏ" cái giá trị đích thực của nó, cái vị trí quan trọng của nó trong toàn bộ văn nghiệp của Vũ Trọng Phụng.

Em hãy sắp xếp các luận cứ đã cho phù hợp với kết luận và giải thích lí do.

BÀI TẬP 31

Sau đây là một đoạn văn giải thích:

(1) Nhưng điều thú vị là Bác không làm văn mà văn vẫn đến với Người. (2) Bởi vì xét đến cùng, tâm hồn cao đẹp, biểu hiện chân thật vẫn là thứ văn cao nhất xưa nay. (3) Mà tâm hồn Bác thì là cả một công trình nghệ thuật tuyệt vời, nơi gặp gỡ của những tinh hoa nhân loại từ cổ chí kim từ Đông sang Tây.

(*Theo* Nguyễn Đăng Mạnh)

– *Nếu bỏ câu (3) thì lập luận của đoạn văn có bị kém*

sức thuyết phục không, vì sao?

– Hãy viết thêm vào một hoặc hai câu để đoạn văn trên có thêm các luận cứ thực tế.

BÀI TẬP 32

Trong thư Lại dụ Vương Thông, Nguyễn Trãi đã chỉ ra sáu điều phải thua của bọn giặc Minh; và đó cũng là những luận cứ của lập luận:

(1) Nước lụt chảy tràn, tường rào đổ lở, lương cỏ thiếu thốn, ngựa chết quân ốm.

(2) Xưa Đường Thái bắt Kiến Đức (viện binh của Thế Sung) mà Thế Sung phải ra hàng. Nay những nơi quan ải hiểm yếu đều có quân và voi đồn giữ, nếu viện binh đến, thế tất phải thua; viện binh đã thua, bọn các ông tất bị bắt.

(3) Ở nước các ông quân mạnh ngựa tốt nay đóng cả ở miền Bắc để phòng bị quân Nguyên, không rỗi nhìn đến miền Nam.

(4) Luôn động can qua, liên tiếp đánh dẹp, người không sống vui, nhao nhao thất vọng.

(5) Gian thần chuyên chính, chúa yếu giữ ngôi, xương thịt hại nhau, gia đình (hoàng tộc nhà Minh) sinh biến.

(6) Nay ta dấy nghĩa binh, trên dưới cùng lòng, anh hùng gắng sức, quân sĩ càng luyện, khí giới càng tinh, vừa cày ruộng vừa đánh giặc; quân sĩ trong thành (của các ông) thì mỏi mệt, tự chuốc diệt vong.

– Vì sao hai luận cứ (1) và (2); ba luận cứ (3), (4), (5) phải đi liền nhau? Chỉ rõ tác dụng của cách sắp xếp như vậy.

– Nếu cho luận cứ (6) xếp lên đầu hoặc vào vị trí ở giữa các luận cứ khác thì đoạn văn có còn chặt chẽ không, vì sao?

BÀI TẬP 33

Cho sẵn đoạn văn sau:

(1) Các cụ ưa những màu đỏ choét, ta lại ưa những màu xang nhạt. (2) Các cụ bâng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya, ta nao nao vì tiếng gà lúc đúng ngọ. (3) Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ các cụ coi như đã làm một việc tội lỗi, ta thì cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. (4) Cái ái tình của các cụ là sự hôn nhân nhưng với ta thì trăm hình muôn trạng,...

(*Theo* Lưu Trọng Lư)

– Nếu bỏ bớt số câu để đoạn văn trên còn lượng câu tối thiểu nhưng vẫn giữ được cách lập luận chung thì kết quả số câu còn lại theo em là bao nhiêu?

– Vì sao đoạn văn đó lại dễ dàng lược bỏ số câu nhiều đến thế?

– Em thử rút ra kết luận chung nhất cho đoạn văn và thử xem nó có phù hợp với đoạn khi đã lược bỏ không, Nếu phù hợp thì vì sao?

BÀI TẬP 34

(1) Rồi Hớn kể cho tôi nghe về sự ăn chơi ở Sài Gòn. (2) Sài Gòn có nhiều nhà hàng ăn chơi sang trọng mới mọc lên. (3) Người nước người đầu tư vào mọi lĩnh vực, Massage ta, Massage Tây đủ cỡ... (4) Chuyện người ta làm ăn không nói làm gì. (5) Nhưng khổ cho Hớn vì có nhà hàng nào lạ, đắt tiền mới khai trương là mấy ông bạn hàng quốc doanh có quan hệ làm ăn với Hớn lại điện thoại đến gợi ý chiêu đãi. (6) Nhiều khi không phải chỉ chiêu đãi mình ông ta mà còn bao

cả bạn bè họ hàng ông ấy. (7) Còn vợ con họ thì phải phong bì đều đều mỗi tháng. (8) Thời buổi này cánh tư nhân muốn làm ăn với doanh nghiệp nhà nước đều phải "nôn đậm", không thế thì bị "cắt cầu, rút ván"

(*Dẫn theo* Nguyễn Đức Dân)

Dựa vào đoạn văn trên, em hãy tạo ra một số luận cứ và xếp chúng theo trật tự để làm rõ vì sao Hớn khổ

BÀI TẬP 35

Có người đã liệt kê được một số luận cứ sau:

(1) Nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối.

(2) Nghệ thuật phải là tiếng đau khổ thoát ra từ những kiếp lầm than.

(3) Tiểu thuyết là sự thực ở đời.

(4) Tác phẩm văn học có phải ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình.

(5) Thơ là "đem gấm vóc phủ lên trên xã hội đã điêu tàn".

– Em hãy chỉ ra những luận cứ nghịch hướng với kết luận?

– Chọn và sắp xếp số luận cứ còn lại để làm rõ kết luận: Nghệ thuật có giá trị phải là nghệ thuật hiện thực và nhân đạo.

BÀI TẬP LỰA CHỌN VÀ SẮP XẾP KẾT LUẬN

BÀI TẬP 36

Sau đây là những luận cứ của một lập luận:

Người ta sinh ra đâu có phải là đã hiểu sự việc, ai mà chẳng có điều băn khoăn khó hiểu. Cái nào không biết mà không đi hỏi thầy thì không bao giờ hiểu được điều đó. Người sinh ra trước ta thì những điều họ biết vốn là sớm hơn ta, ta cần phải học họ. Người sinh ra sau ta nếu có điều hiểu biết sớm hơn ta, ta cũng phải học hỏi ở họ. Ta tôn là thầy để học cái đạo lí mà họ đã hiểu được, dù là họ sinh trước hay sau ta.

Giả sử có những kết luận:

(1) Thầy giáo là người truyền đạo lí, giải đáp những vấn đề khó khăn thắc mắc.

(2) Ai có học vấn thì người đó là thầy mà ta phải học.

(3) Bất kể là ai, già hay trẻ hễ có học vấn thì đó là người thầy mà ta phải học.

Theo em, kết luận nào là phù hợp hơn cả với các luận cứ trong lập luận? Nếu kết luận đó được trình bày thành một câu chủ đề của đoạn văn thì đưa vào vị trí nào trong đoạn là thích hợp nhất? Tại sao?

BÀI TẬP 37

Hãy chuyển đổi vị trí kết luận của đoạn lập luận sau và

so sánh hiệu quả lập luận của đoạn văn đó với đoạn văn đã cho.

Một nét đặc trưng dễ nhận thấy trong tư duy nghệ thuật của Chế Lan Viên là sự chú trọng khai thác những mặt tương quan đối lập. Nhà thơ nhìn sự vật trong các mặt đối lập, đặt các hiện tượng tương phản bên nhau, làm nổi rõ bản chất và quy luật phát triển của nó, gây được hứng thú thẩm mĩ bất ngờ. Tư duy thơ của Chế Lan Viên thường xem xét sự vật trong những mối quan hệ đối lập: quá khứ – tương lai; dân tộc – nhân loại; cái bi – cái hùng; yêu thương – căm thù; tĩnh – đậm; còn – mất...

BÀI TẬP 38

Vì vậy, với tư cách là một khối tự nhiên thô mộc, khiếm khuyết về hình thể, Thị Nở đã bảo toàn cho mình những phẩm chất "nhân chi sơ tính bản thiện" của giống người: thiên lương, thiên chức, thiên năng – lớp bản chất nằm ở bề sâu khuất chưa bị tha hóa. Cho nên, Thị Nở đã thoát ra khỏi cái lốt bọc xấu xí ấy để trở thành một người đàn bà đáng kính. Thế mới biết Nam Cao thương nhân vật của mình biết mấy. Chủ nghĩa nhân đạo của Nam Cao quả là to lớn và thật khác người.

Em hãy chỉ ra câu kết của đoạn văn và cho biết nếu đảo vị trí của câu kết thì hiệu quả lập luận của đoạn văn có thay đổi không, giải thích rõ lí do?

BÀI TẬP 39

Đọc thơ Nguyễn Trãi, nhiều khi người đọc khó mà biết có đúng là thơ Nguyễn Trãi không. Đúng là thơ Nguyễn Trãi

rồi thì cũng không phải là dễ mà hiểu đúng. Lại có khi chữ hiểu đúng, câu hiểu đúng mà toàn bài không hiểu. Không hiểu vì không biết chắc chắn bài thơ viết ra lúc nào trong cuộc đời Nguyễn Trãi. Cùng một bài thơ nếu viết năm 1420 thì một ý nghĩa, nếu viết năm 1430 thì ý nghĩa lại khác hẳn.

(*Theo* Hoài Thanh)

Lập luận trên có kết luận không tường minh, em hãy viết thêm kết luận tường minh để giúp mọi người hiểu rõ lập luận hơn.

BÀI TẬP 40

*Cho sẵn kết luận tường minh: "**Có thể nói trên đời này có bao nhiêu cách để tiếp xúc với đời, Xuân Diệu đều không bỏ qua và đều khai thác triệt để**" và các luận cứ sau:*

(1) Niềm khát khao giao cảm với đời của Xuân Diệu, dĩ nhiên được thể hiện rất rõ trong thơ ông.

(2) Ông cần đến thơ để thả hồn mình vào thế giới, tìm đến những tâm hồn đồng điệu.

(3) Nhưng thơ chưa thoả mãn nhu cầu ấy.

(4) Nó lớn hơn, rộng hơn nên tràn ra ngoài thơ ông thành văn xuôi, bút kí, tuỳ bút, truyện ngắn, thành cả nghiên cứu phê bình văn học,...

(5) Nó tràn ra cả ngoài sự nghiệp viết văn, làm sách của ông nữa, thành những cuộc nói chuyện trực tiếp với công chúng: nói ở hội nghị, nói trên đài phát thanh, nói trong Nam, ngoài Bắc, trong nước, ngoài nước, nói với đủ loại người.

Em hãy sắp xếp kết luận vào vị trí thích hợp trong lập luận và giải thích lí do.

BÀI TẬP 41

Lập luận sau có kết luận không tường minh:

Thương chồng ốm đau mà bị đánh đập, cùm kẹp, chị Dậu lấy thân mình che chở cho chồng trước đòn roi tàn nhẫn của bọn lính tráng. Phải bán con chị như đứt từng khúc ruột nhưng cũng chẳng qua là vì một suất sưu của chồng. Đến khi bị giải lên huyện, ngồi trong quán cơm mà chị vẫn nghĩ đến chồng, đến cái Tỉu, thằng Dần, cái Tí.

Một bạn học sinh cho rằng có thể viết thêm một trong ba kết luận tường minh như sau vào vị trí đầu lập luận trên:

(1) Có thể nói, chị Dậu là một người phụ nữ rất mực yêu thương chồng con.

(2) Là người thương yêu chồng con, chị Dậu đã quên hết bản thân mình

(3) Tấm lòng yêu thương chồng con hết mực của chị Dậu thật đáng trân trọng biết bao!

Theo em, ý kiến của bạn học sinh đó đúng hay sai? Em hãy phân tích để làm sáng tỏ điều đó?

BÀI TẬP 42

Hãy viết thêm kết luận tường minh cho các lập luận sau:

Lập luận1:

Thông qua văn học, chúng ta nhận thức được nhiều điều bổ ích về con người, về cuộc sống trong quá khứ cũng như trong hiện tại. Đọc ca dao, tục ngữ hay thần thoại, cổ tích, chúng ta hình dung được tổ tiên, ông cha ta xưa sinh sống ra sao trong suốt mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước. Những ước mơ, khát vọng chinh phục thiên nhiên; những bài học về đạo lí, kinh nghiệm sống ở đời được gửi gắm qua các loại hình văn học từ truyền miệng đến chữ viết,... cứ thấm dần vào máu thịt qua năm tháng, tạo nên đời sống tinh thần phong phú cho mỗi con người.

Lập luận 2:

Chúng ta học văn tức là học tiếng nói dân tộc, tiếng mẹ đẻ thân yêu. Bạn thử nghĩ xem, sẽ như thế nào khi một người Việt lại không rành tiếng Việt? Điều đó sẽ gây trở ngại lớn trong học tập cũng như trong giao tiếp hàng ngày. Việc học văn sẽ giúp chúng ta có được kĩ năng sử dụng thành thạo ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Hai kĩ năng này liên quan chặt chẽ và là cơ sở để chúng ta học tốt các môn khác. Có thể nói không có một lĩnh vực khoa học nào không cần đến ngôn ngữ làm phương tiện, dù dưới hình thức này hay hình thức khác, dù ít hay nhiều.

BÀI TẬP 43

Cho sẵn các luận cứ và kết luận của lập luận như sau:

(1) Chị Dậu là một trong những hình ảnh đẹp nhất về người nông dân trong văn học nước ta.

(2) Với tác phẩm *Tắt đèn*, Ngô Tất Tố đã làm cho hình ảnh của chị mãi mãi sống trong tâm trí của chúng ta.

(3) Chị đã từng được ví như đóa sen quê nở trên đầm bùn của xã hội thực dân – phong kiến.

(4) Mặc dù bị bọn cường hào, địa chủ, quan lại áp bức, bóc lột nặng nề, mặc dù phải chịu những nỗi khổ đau cùng cực, song chị vẫn giữ trọn những phẩm chất quý báu của người phụ nữ Việt Nam.

Em hãy sắp xếp kết luận ở vị trí thích hợp nhất để tạo thành lập luận hoàn chỉnh.

BÀI TẬP 44

Không chỉ ngoan ngoãn, thông minh, A Khâm còn sống rất tình cảm. Lúc còn bé, mới đến đơn vị, A Khâm sống với anh Phát như một em bé ngoan. Nó cũng biết làm nũng, biết mừng vui, hờn giận. Anh Phát chỉ lơ là một chút với nó là nó buồn, giận dỗi, luẩn quẩn ở cửa phòng trạm trưởng như muốn mách lại.

Lập luận trên có kết luận đứng ở vị trí trước luận cứ. Theo em, có thể đưa kết luận đó xuống vị trí sau luận cứ được không? Tại sao?

BÀI TẬP 45

Các luận cứ của một lập luận được viết như sau:

Thực ra, tình bạn là một trong những tình cảm tốt đẹp của con người. Những lúc chúng ta phải sống trong cảnh vắng vẻ, cô đơn, chúng ta cảm thấy cần có những người bạn thân để trao đổi, giãi bày tâm sự. Một người bạn tốt có thể

giúp đỡ ta, an ủi ta, khuyến khích ta. Ta cần đến bạn và ta cũng cần cho bạn nữa.

(Trần Thanh Đạm)

Em hãy chọn một trong hai kết luận sau để đưa vào vị trí trước các luận cứ mà em cho là phù hợp hơn và giải thích lí do:

– Con người ta sống phải có bạn bè.

– Nhiều người nghĩ rằng sống không có bạn bè, không có tình bạn cũng không sao.

BÀI TẬP 46

Cho sẵn đoạn văn sau:

(1) Cái điều đáng qúy ở người quân tử là biết thời thông biến, lượng sức chữa mình. (2) Bây giờ giá có người đem quả trứng chim chống đỡ núi Thái, lấy càng bọ ngựa ngăn cản bánh xe mà lại tự cho là sức có thừa thì thật là ngu quá vậy. (3) Lũ ngươi có vài trăm quân giữ thành trơ trọi mà lại muốn kháng cự với ta thì có gì khác thế không?

Trong các kết luận sau, kết luận nào là phù hợp với lập luận trên, vì sao?

a) Lũ các ngươi quả thật là bọn ngu dốt

b) Các ngươi khác gì tự chuốc lấy bại vong.

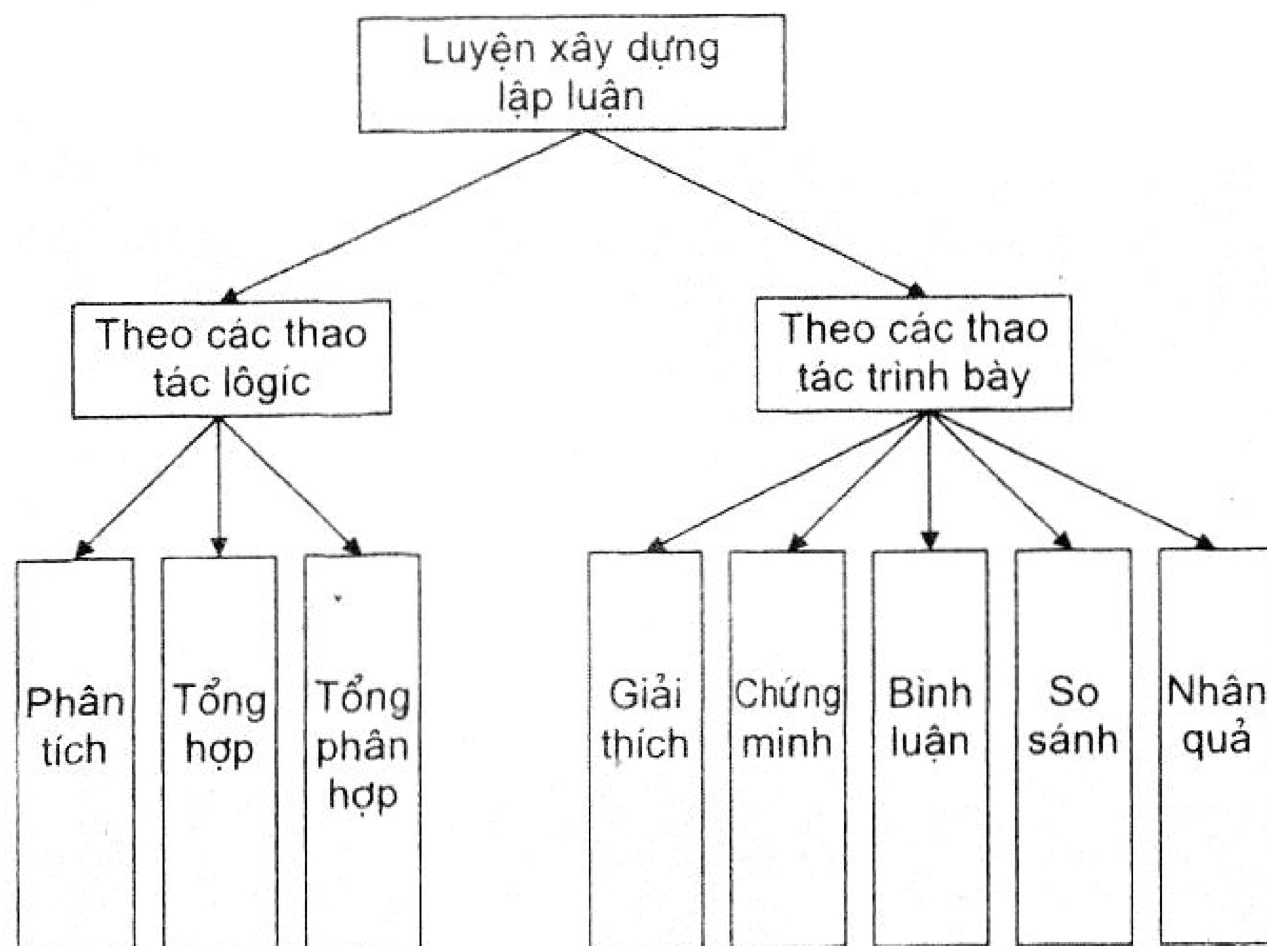
c) Các ngươi quả là người không biết thời thế, không tự lượng sức mình.

d) Tình thế của các ngươi chỉ dẫn đến thất bại.

BÀI TẬP NHÓM III

LUYỆN XÂY DỰNG LẬP LUẬN

MÔ HÌNH HỆ THỐNG BÀI TẬP NHÓM III



MỤC ĐÍCH LUYỆN TẬP

– Từ các nội dung đã được chuẩn bị trước, học sinh biết cách tổ chức thành một lập luận hoàn chỉnh theo các thao tác lôgíc. Cụ thể là:

+ Xây dựng được lập luận trong đoạn văn theo cách *phân tích*.

+ Xây dựng được một lập luận trong đoạn văn theo cách *tổng hợp*.

+ Xây dựng được một lập luận trong đoạn văn theo cách *tổng hợp – phân tích – tổng hợp* (tổng phân hợp)

+ *Biết cách chuyển đổi* từ kiểu lập luận này sang kiểu lập luận khác theo các thao tác lôgíc.

– Từ các nội dung đã được chuẩn bị trước, học sinh biết cách tổ chức thành một lập luận hoàn chỉnh theo các thao tác trình bày. Cụ thể là:

+ Xây dựng được lập luận trong đoạn văn theo cách *giải thích*.

+ Xây dựng được lập luận trong đoạn văn theo cách *chứng minh*.

+ Xây dựng được lập luận trong đoạn văn theo cách *bình luận*.

+ Xây dựng được lập luận trong đoạn văn theo cách *so sánh*.

+ Xây dựng được lập luận trong đoạn văn theo cách *nhân quả*.

+ *Biết cách chuyển đổi* từ kiểu lập luận này sang kiểu lập luận khác theo các thao tác trình bày.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG TRƯỚC KHI LUYỆN TẬP

1. Các thao tác lôgíc

Thao tác lôgíc là thao tác của hoạt động tư duy dùng để nhận thức hiện thực, để tìm ra chân lí, cũng tức là để tìm ra các ý kiến, tìm ra các luận điểm và xác lập mối quan hệ giữa các ý kiến.

Khi nói tới thao tác lôgíc, chúng ta thường đề cập tới các thao tác *diễn dịch và quy nạp, phân tích và tổng hợp*. Các thao tác này một mặt là thao tác dùng để nhận thức hiện thực, mặt khác lại là các thao tác dùng để trình bày nhận thức của chúng ta về hiện thực. Nhưng xét dưới góc độ tư duy lôgíc thì chỉ có *diễn dịch và quy nạp* mới thực sự là các thao tác dùng để phát hiện, tìm tòi, nhận thức cái mới. Còn các thao tác *phân tích và tổng hợp* chủ yếu là thao tác dùng để trình bày các ý kiến của chúng ta về hiện thực. Vì vậy, việc luyện tập xây dựng lập luận theo các thao tác của tư duy lôgíc được nói tới trong nhóm bài tập này chủ yếu hướng đến việc rèn luyện cách lập luận theo hai thao tác phân tích và tổng hợp.

a) Phân tích

Đó là sự phân chia đối tượng thành những bộ phận nhỏ, những khía cạnh nhỏ để lần lượt khảo sát, xem xét.

Loài người từ lâu đã nhận ra rằng bất cứ đối tượng nào cũng đều do nhiều bộ phận hợp thành. Mỗi bộ phận đó lại có những tính chất riêng, đặc trưng riêng để phân biệt nó với các bộ phận khác. Bởi vậy, để hiểu biết sâu về bản chất của đối tượng, ta cần phải biết rõ ràng, cụ thể về từng bộ phận hợp thành ấy. Để đạt được điều đó, chúng ta phải phân tích.

Việc phân chia đối tượng thành những phần nhỏ hơn

không thể tiến hành tuỳ tiện mà cần phải tuân theo một số nguyên tắc nhất định:

– Phải đảm bảo sự phân chia *phản ánh đúng nhất tổ chức* của đối tượng. Phân chia không đúng bản chất của đối tượng sẽ dẫn đến chỗ làm cho nhận thức của con người cũng sẽ bị lầm lẫn, sai lạc.

– Phải đáp ứng tốt nhất cho *mục đích của lập luận*. Mỗi đích lập luận có cách phân chia riêng. Không thể có cách chia chung cho mọi mục đích. Ví dụ, với mục đích tìm hiểu về cơ thể con người, sinh học đã chia con người thành: đầu, mình và tứ chi. Trong khi đó cũng với mục đích miêu tả con người, văn học lại chia thành: ngoại hình và nội tâm. Sự phân chia như vậy là phù hợp với mục đích của việc trình bày.

– Phải phân chia *theo cùng một tiêu chí*, nghĩa là đều phải dựa vào một cơ sở phân chia thống nhất từ bước chia đầu tiên tới bước chia cuối cùng. Trong quá trình phân chia, tiêu chí này không được thay đổi.

– Phải phân chia *theo nguyên tắc cấp bậc*, nghĩa là việc phân chia đối tượng không được nhảy vọt, không được vượt cấp. Bắt đầu chia cái toàn thể thành các bộ phận nhỏ. Sau đó các bộ phận nhỏ lại được chia thành các bộ phận nhỏ hơn. Các bộ phận nhỏ hơn lại được tiếp tục phân chia thành các bộ phận nhỏ hơn nữa. Cứ như vậy, việc phân chia được tiến hành tới khi kết thúc.

b) Tổng hợp

Đó là việc hợp các bộ phận nhỏ lại thành cái chung, cái toàn thể.

Kết quả của sự phân tích mới chỉ cho phép ta hiểu một cách riêng lẻ, đơn lập, chưa cho sự hiểu biết chỉnh thể, trọn vẹn về đối tượng. Muốn hiểu đối tượng trong sự thống nhất

hữu cơ của những cái đơn lẻ kia, ta cần tổng hợp lại. Chỉ khi đã phân tích, rồi sau đó nhìn nhận lại đối tượng với cái nhìn chung trong mối quan hệ giữa các yếu tố bộ phận, ta mới có sự hiểu biết đầy đủ, đúng đắn và toàn diện về bản chất của đối tượng.

Để sự tổng hợp được chính xác, cần phải tuân theo nguyên tắc:

– Chỉ tổng hợp cái chung, cái đồng nhất trong từng bộ phận.

– Chỉ tổng hợp những cái bộ phận thuộc từng cấp bậc.

Như vậy, khi phân tích cần coi đối tượng là một chỉnh thể để làm căn cứ. Còn khi tổng hợp ta lại cần lấy sự phân tích để làm cơ sở: tổng hợp cái chung trong các bộ phận nhỏ cấu thành bộ phận lớn, rồi tổng hợp những cái chung trong bộ phận lớn thành cái chung trong bộ phận lớn hơn. Phân tích và tổng hợp là một cặp thao tác thường đi sóng đôi với nhau, quy định lẫn nhau.

c) Tổng phân hợp

Lập luận theo cách tổng phân hợp được hiểu là cách thức trình bày lập luận theo kiểu tổng hợp, phân tích rồi lại tổng hợp. Vì là cách trình bày nên *tổng hợp và phân tích* cũng được hiểu đơn giản hơn *quy nạp và diễn dịch*. Nếu quy nạp và diễn dịch là những thao tác dùng để nhận thức, khám phá chân lí thì tổng hợp chỉ là việc nêu vấn đề tổng quát, còn phân tích chỉ là việc nêu các ý kiến bộ phận trong việc trình bày nhận thức của chúng ta về hiện thực.

Lập luận tổng phân hợp thường được bắt đầu bằng việc nêu một nội dung, một vấn đề mang ý nghĩa tổng quát, sau đó là việc phân tích nhỏ nội dung tổng quát thành nội dung bộ phận để xem xét, cuối cùng là việc khái quát, nâng cao hoặc mở rộng nội dung đã được nêu ra trong quá trình phân

tích. Cách lập luận như vậy cần phải sử dụng các thao tác: tổng hợp (tổng), phân tích (phân) và tổng hợp (hợp) nên được gọi tắt là lập luận tổng phân hợp.

2. Các thao tác trình bày

a) Giải thích

Giải thích là làm sáng rõ một vấn đề gì đó để giúp người khác hiểu một cách rõ ràng hơn, sâu sắc hơn.

Việc giải thích có thể được tiến hành bằng nhiều cách:

– Giải thích bằng cách nêu nguyên nhân xuất hiện của vấn đề.

– Giải thích bằng cách làm sáng tỏ các khía cạnh khác nhau của vấn đề.

– Giải thích bằng cách xem xét mối quan hệ giữa các khía cạnh khác nhau của cùng một vấn đề.

– Giải thích bằng cách chỉ ra tác động qua lại giữa vấn đề được xem xét với các vấn đề khác.

Ví dụ, trong dịp nhận giải Nôben về phát minh ra pênêxilin (1945), ông A.Fleming đã giải thích nguyên nhân dẫn đến thành công trong nghiên cứu của ông như sau:

Cuộc đời tôi là một chuỗi "nếu như". *Từ nhỏ, tôi chỉ mong muốn làm một ông chủ trại như bố tôi và không chịu học* nếu như *mẹ tôi không bắt tôi phải sống ở Luân Đôn. Tôi sẽ trượt trong kì thi vào Đại học Y,* nếu như *tôi không phải là một thanh niên giỏi bơi lội, có thể đại diện cho nhà trường trong những kì thi ôlympic thể thao của sinh viên. Tôi sẽ suốt đời làm một thầy thuốc nông thôn,* nếu như *giáo sư Wright không chọn tôi làm phụ tá cho ông tại phòng thí nghiệm riêng, nơi tôi tìm ra pênêxilin. Phát minh này tôi dự tính phải 15 – 20 năm mới triển khai được trong thực tế,* nếu như *chiến tranh thế giới không xảy ra, thương vong nhiều đến*

mức các loại thuốc chưa kiểm tra cũng được phép sử dụng, thì pênêxilin chưa chứng minh được công hiệu của mình và bản thân tôi chưa được giải Nôben.

(Hóa học ngày nay – Số 3–1993)

Các giải thích trên của nhà khoa học A.Fleming là cách giải thích theo kiểu nêu ra hàng loạt nguyên nhân nối tiếp nhau trong việc dẫn đến thành công trong nghiên cứu khoa học của ông.

b) Chứng minh

Chứng minh là làm sáng tỏ vấn đề bằng các dẫn chứng và lí lẽ để người đọc, người nghe tin vào vấn đề trình bày.

Khi chứng minh, ta có thể dùng dẫn chứng (con số, sự việc, sự kiện...), dùng lí lẽ hoặc có thể dùng kết hợp cả dẫn chứng và lí lẽ. Dẫn chứng có thể đưa theo trình tự thời gian, không gian, hoặc đưa theo tầm quan trọng của từng sự việc đối với vấn đề cần chứng minh. Còn lí lẽ phải đưa sao thật chặt chẽ, phù hợp với mục đích chứng minh.

Ví dụ:

Một số truyện và kí của ta đã khắc họa thành công nhiều điển hình toàn diện mang rõ nét tính cách nhân vật anh hùng của thời đại. Anh Núp trong "Đất nước đứng lên", chị Sứ trong "*Hòn Đất*", chị Út trong "*Người mẹ cầm súng*"...

(*Theo* Văn học 12)

c) Bình luận

Bình luận là bày tỏ ý kiến về một vấn đề, đánh giá bản chất, ý nghĩa của vấn đề, khẳng định tính đúng sai, mở rộng vấn đề để giải quyết một cách triệt để và toàn diện.

Việc bình luận thường được sử dụng kết hợp cả bình và luận để vấn đề đưa ra được chặt chẽ và có sức thuyết phục.

Ví dụ:

Trong bài thơ Theo chân Bác, Tố Hữu viết:

Ba mươi năm ấy chân không nghỉ
Mà đến bây giờ mới tới nơi

và :

Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước
Mà lòng phơi phới dậy tương lai

Có thể nói đây là những lời thơ hay, ngang tầm với sự nghiệp hùng vĩ của chúng ta. Do đâu mà có được những lời thơ ấy? Do tài năng? Do thành thực? Tôi nghĩ trước hết là do chỗ đứng, do cách nhìn. Cách nhìn có trách nhiệm cao của người đang đứng vững nơi đầu sóng ngọn gió.

(*Theo* Hoài Thanh)

d) So sánh

Có hai cách dùng so sánh để lập luận:

+ *Lập luận bằng cách so sánh tương đồng* là cách lập luận đi từ cái đã biết để suy ra cái chưa biết mà mọi người đều phải thừa nhận cái chưa biết vì giữa cái chưa biết với cái đã biết có những nét tương tự nhau.

Ví dụ:

Bài thơ hay cũng như hòn ngọc quý, bông hoa đẹp; phải chăng còn hơn thế, vì ngọc cũng có lúc phải mòn, hoa cũng có khi tàn héo, nhưng thơ hay thì còn sống mãi. Ngọc đã quý, vẫn cần bàn tay mài giũa; hoa đã đẹp, vẫn cần bàn tay gọt tỉa, trưng bày; thơ dù hay vẫn cần đến những lời bình tri âm tri kỷ. Những lời bình hay có khi đem lại hiệu quả không ngờ, như tạo thêm cho thơ một vầng hào quang, như giúp đời phát hiện một vì sao xa bị mây mù che khuất.

(*Theo* Sổ tay người yêu thơ
– ĐHSP T.p. HCM)

+ *Lập luận bằng cách so sánh tương phản* là cách lập luận theo kiểu đối chiếu đối tượng này với đối tượng khác trong sự tương phản lẫn nhau để nhằm khẳng định một trong hai đối tượng mà lập luận cần hướng tới.

Ví dụ:

Có thể nói rằng nhất cử, nhất động của Từ đều vượt khuôn khổ thường tình. Khi Từ ra đi, hình ảnh của Từ là cánh chim hồng lướt gió tung mây, không phải là lớp bụi hồng cuốn vó chinh an họ Thúc. Khi Từ nổi giận, đó là sấm sét đùng đùng nổi dậy, không phải là lời quát tháo ồn ào của viên tri phủ lập nghiêm. Đến khi giã từ cuộc sống, Từ lại không chịu nằm dài trên đất như kiểu thế nhân mà trồng thẳng đứng thành một trụ đá cột đồng không ai lay chuyển.

(Vũ Hạnh – *Đọc lại Truyện Kiều*)

e) Nhân quả

Nhân quả là cách thức lập luận đi từ nguyên nhân tới kết quả, hoặc đi từ kết quả rồi chỉ ra nguyên nhân hoặc chỉ ra mối quan hệ nhân quả theo cách liên hoàn.

Liên hệ nhân quả là mối liên hệ tất yếu và có tính quy luật của sự vật và hiện tượng. Không sự vật, hiện tượng nào xuất hiện mà lại không do sự tác động, kích thích của sự vật hay hiện tượng khác. Sự vật, hiện tượng trực tiếp quyết định sự nảy sinh, sự hình thành của sự vật, hiện tượng khác thì đó là *nguyên nhân*. Còn sự vật, hiện tượng do tác động của sự vật, hiện tượng khác mà xuất hiện thì đó là *kết quả*. Nguyên nhân làm nảy sinh kết quả nên nguyên nhân là cái có trước, kết quả là cái có sau.

Lập luận nhân quả, thực chất là lập luận quy nạp. Người đọc, người nghe đã công nhận nguyên nhân thì tất sẽ công nhận kết quả. Cái kết quả rút ra được trong quá trình

lập luận nhân quả đó cũng chính là kết luận cần đạt tới của lập luận.

Theo cách lập luận nhân quả, phần mở đầu đoạn văn có thể sẽ là những câu nêu nguyên nhân, hoặc cũng có thể là những câu nêu kết quả. Khi phần mở đầu nêu nguyên nhân thì đó chính là phần luận cứ của lập luận. Còn khi phần mở đầu nêu kết quả thì đó chính là phần kết luận của lập luận.

BÀI TẬP

LUYỆN XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN THEO CÁC THAO TÁC LÔGÍC

BÀI TẬP 47

*Cho trước kết luận: "**Nói đến nghệ thuật Truyện Kiều là nói đến nghệ thuật sáng tạo ra một thế giới có thật**" và các luận cứ:*

Trong Truyện Kiều, nhiều con người, nhiều cảnh vật, nhiều tâm trạng được Nguyễn Du thể hiện một cách thành công. Đó là thân hình đồ sộ, đẫy đà của Tú Bà; dáng dấp hào hoa, phong nhã của Kim Trọng; cái lẩm nhẩm gật đầu ám muội của Sở Khanh; cái cười sảng khoái của Từ Hải; bộ mặt đen sì, ngơ ngẩn vì tình của Hồ Tôn Hiến. Hay sự tinh tế của ánh trăng đến những rung cảm sâu thẳm trong lòng người đều được Nguyễn Du thể hiện chính xác.

Em hãy dựa vào đó xây dựng thành lập luận hoàn chỉnh theo kiểu diễn dich, quy nạp và tổng – phân – hợp.

BÀI TẬP 48

Đoạn văn nêu câu hỏi sau đây nhằm để giải thích

1) Nhưng sức công phá của trái bom "Giông tố" chủ yếu phóng ra ở chỗ nào?

2) Tôi cho rằng hai vụ bê bối chính của Nghị Hách: một

là trong quan hệ xã hội, hai là trong quan hệ gia đình.

(Nguyễn Đăng Mạnh)

– Căn cứ vào tính chất của nội dung, em hãy tạo thêm hai luận cứ nhỏ hơn để làm rõ ý của câu (2) và giải thích tác dụng của hai luận cứ đó.

– Nếu có điều kiện hãy cụ thể hóa một trong hai luận cứ trên bằng một đoạn văn diễn dịch.

BÀI TẬP 49

Cho trước một kết luận: "Nghệ thuật thơ trong *Nhật ký trong tù* thật là phong phú".

Em hãy tìm những luận cứ phục vụ cho kết luận và xây dựng hoàn chỉnh lập luận theo kiểu diễn dịch.

BÀI TẬP 50

Cho sẵn một kết luận và một số luận cứ đồng hướng sau:

(1) Còn Sông Đà còn trữ tình như một thiếu nữ khuê các, đẹp một vẻ đẹp vừa thơ mộng vừa kiêu sa.

(2) Phát hiện ra vẻ đẹp của con sông Đà chính là Nguyễn Tuân đã phát hiện ra chất vàng của thiên nhiên Tây Bắc.

(3) Đọc văn miêu tả sông Đà, người đọc liên tưởng như đó là một con người thống nhất giữa hai con người.

Dựa vào đó, em hãy sắp xếp và viết thêm luận cứ đồng hướng để xây dựng thành một lập luận hoàn chỉnh có cách trình bày quy nạp. Giải thích rõ lí do?

BÀI TẬP 51

Hãy xây dựng cho lập luận sau đây một kết luận tường minh, đưa vào các vị trí có thể trong lập luận và cho biết kiểu lập luận trong đoạn văn mới đó:

Đúng là người thầy có vai trò rất lớn trong sự thành đạt, trong sự "làm nên" của người học trò nhưng không phải là quyết định tất cả. Người học trò còn có nỗ lực chủ quan, có sự phấn đấu của bản thân để tiếp thu kiến thức, học hỏi tay nghề. Có những điều học hỏi được có khi không phải do ông thầy dạy cho mà do tự mình tiếp nhận được do cuộc sống, gia đình, bạn bè,... chỉ bảo nữa.

(Vũ Tiến Quỳnh)

BÀI TẬP 52

Hãy sắp xếp và viết thêm kết luận tường minh để các luận cứ đồng hướng và nghịch hướng sau trở thành một lập luận có cách trình bày quy nạp hoặc diễn dịch:

(1) Truyện Kiều cũng nói lên lòng xót thương vô hạn của Nguyễn Du đối với những tầng lớp người bị áp bức, đau khổ.

(2) Nhưng qua Truyện Kiều, Nguyễn Du đã mô tả một cách sâu sắc xã hội phong kiến thối nát của thời đại ông, đã tố cáo, phê phán những thủ đoạn tàn nhẫn bất công chà đạp lên vận mệnh con người.

(3) Truyện Kiều còn bị hạn chế trong ý thức hệ phong kiến mà biểu hiện tập trung nhất là tư tưởng định mệnh.

BÀI TẬP 53

Em hãy viết thêm vào phần cuối lập luận sau đây một câu nữa sao cho phù hợp với câu đầu của lập luận để tạo thành một lập luận có cách trình bày theo kiểu tổng – phân – hợp:

Chí Phèo là một trong những truyện ngắn thành công nhất của Nam Cao về đề tài nông dân. Khác với đa số truyện ngắn khác của Nam Cao, *Chí Phèo* phản ánh xã hội nông thôn trực tiếp trên bình diện đấu tranh giai cấp. Qua hình tượng Chí Phèo, một trường hợp nông dân lưu manh hoá, Nam Cao không những miêu tả sâu sắc, cảm động cuộc sống đày đọa của người nông dân bị đè nén, bóc lột đến cùng cực, mà còn dõng dạc khẳng định nhân phẩm của họ trong khi họ bị xã hội vùi dập đến mất cả hình người, tính người.

BÀI TẬP LUYỆN XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN THEO CÁC THAO TÁC TRÌNH BÀY

BÀI TẬP 54

Dưới đây là một đoạn văn diễn dịch:

(1) *Nguyễn Tuân là một con người rất mực tài hoa*. (2)

Tuy chỉ viết văn nhưng ông còn am hiểu nhiều môn nghệ thuật khác: hội họa, điêu khắc, sân khấu, điện ảnh. (3) Ông là một diễn viên kịch nói có tài và là một diễn viên điện ảnh đầu tiên ở nước ta. (4) Ông thường vận dụng con mắt của nhiều ngành nghệ thuật khác nhau để tăng cường khả năng quan sát, diễn tả của nghệ thuật văn chương.

(Văn 12 – Ban KHXH)

– Hãy chỉ ra vấn đề khái quát nhất mà đoạn văn hướng tới và phân tích sơ lược cách diễn dịch của tác giả.

– Viết một đoạn văn có cách lập luận tương tự để làm sáng rõ một kết luận nào đó về văn học.

BÀI TẬP 55

Cũng là cách diễn dịch, nhưng đoạn văn dưới đây lại cụ thể hóa vấn đề cần làm rõ thêm một mức độ bằng cách triển khai các mặt theo nhiều tầng phân tích:

(1) Thế Lữ là khởi điểm của những khởi điểm. (2) Ông không chỉ là người mở đầu, vị chủ tướng của phong trào Thơ Mới mà còn là người khai sơn phá thạch cho nền kịch nói Việt Nam, cây bút đầu tiên ở một số trường hợp đến nay là duy nhất của một vài thể loại văn xuôi nghệ thuật như truyện trinh thám, truyện đường rừng, truyện khoa học... (3) Nhưng không ở đâu cốt cách người đi tiên phong của Thế Lữ là được bộc lộ đầy đủ như ở Thơ Mới. (4) Có lẽ thơ, thứ nghệ thuật đầy tính chủ quan này đã cho phép tác giả bộc lộ cái tôi của mình một cách trọn vẹn bằng việc đưa ra một quan niệm nghệ thuật mới về con người.

(Đỗ Lai Thúy)

– Nêu giá trị của cách lập luận này?

– Hãy viết một đoạn văn theo cách lập luận tương tự để làm sáng rõ một kết luận nào đó về Nguyễn Du hoặc Truyện Kiều.

BÀI TẬP 56

Cho một số câu chủ đề sau đây, hãy viết thành các đoạn lập luận theo kiểu diễn dịch:

1) Văn học dân gian thấm đẫm tinh thần lạc quan của người bình dân xưa.

2) Với Truyện Kiều, Nguyễn Du là một bậc thầy về nghệ thuật: tả cảnh, tả tình, dựng truyện, miêu tả tâm lí.

BÀI TẬP 57

Lập luận dưới đây được viết theo kiểu quy nạp nhân quả. Em hãy viết một lập luận với nội dung tự chọn có kiểu kết cấu và cách trình bày tương tự

Biện luận sở dĩ có sức hấp dẫn mạnh mẽ với nhiều người là bởi vì: *Thứ nhất*, mục đích của biện luận là tìm tòi chân lí, bởi vậy, những ai quan tâm đến phải trái thẳng cong của sự vật đều coi trọng tác dụng của biện luận. *Thứ hai*, biện luận là đỉnh cao của tài ăn nói, nó đòi hỏi người nói trong mọi tình huống phải tuỳ cơ ứng biến, tư duy sắc bén, đối đáp trôi chảy. Đây là sự đọ sức của con người về mặt trí tuệ. *Thứ ba*, biện luận đồng thời cũng là sự đọ sức của ý chí, phẩm chất, khí tiết của con người. Bởi vậy, chúng ta nói biện luận là cuộc tranh đua tổng hợp các tài năng của con người.

(*Theo* Nguyễn Quốc Siêu)

BÀI TẬP 58

Cho sẵn hai đoạn văn sau đây:

Đoạn văn 1:

(1) Một chữ "*thương*" trở đi trở lại trong thơ. (2) Trong câu chuyện của người Huế, chữ *thương* với cái nghĩa là *yêu thương* cũng thường trở đi trở lại như vậy. (3) Cố nhiên không phải chỉ nói mà thôi, trong quan hệ đối với người và cả đối với cảnh, với vật nữa cũng rất đậm đà cái tình yêu thương ấy. (4) Cho nên tiếng nói yêu thương của Tố Hữu là một tiếng nói rất Việt Nam mà cũng rất Huế.

(*Theo* Hoài Thanh)

Đoạn văn 2:

Cũng là hình thái nói, nhưng có cách nói tuỳ tiện (gọi là khẩu ngữ); có cách nói trau dồi. (2) Trong cách nói trau dồi này có cách nói thông thường, văn nghệ hoặc khoa học. (3) Ở hình thái viết cũng vậy, có cách viết hệt như khẩu ngữ, có cách viết thông thường, văn nghệ hoặc khoa học. (4) Đó là các dạng khác nhau trong việc vận dụng các phương tiện của ngôn ngữ toàn dân, gọi là các phong cách.

(*Theo* Nguyễn Kim Thản, Nguyễn Trọng Báu)

Hãy phân tích cách lập luận của mỗi đoạn văn nói trên.

BÀI TẬP 59

Em hãy viết thành đoạn văn có cách lập luận quy nạp để làm sáng rõ kết luận sau:

Trong thơ Bác, ánh trăng luôn tràn đầy

BÀI TẬP 60

Từ những hiểu biết của bản thân về các tác phẩm văn học Việt Nam được học ở phổ thông, em hãy viết một đoạn văn ngắn theo cách lập luận quy nạp để thuyết phục người đọc về kết luận:

Văn học là tiếng kêu đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than.

BÀI TẬP 61

Những câu sau đây nằm trong đoạn văn của Hoài Thanh viết về các nhà Thơ Mới và đã được chép không theo trật tự vốn có của nó:

(1) Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. (2) Tiếng Việt họ nghĩ là tấm lụa đã hứng vong hồn của thế hệ đã qua. (3) Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. (4) Bi kịch ấy họ gửi cả vào tiếng Việt. (5) Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tâm hồn bạch chung để gửi nỗi băn khoăn riêng.

Hãy xếp lại trật tự các câu để tạo thành đoạn văn có lập luận diễn dịch.. Sau đó chuyển thành đoạn văn có lập luận quy nạp.

BÀI TẬP 62

Đoạn văn dưới đây được lập luận theo kiểu chứng minh. Em hãy viết một đoạn văn khác về Truyện Kiều có cách lập luận tương tự.

Mọi người dân Việt Nam đều say mê Truyện Kiều. Từ những nhà nho trước đây như Mộng Liên Đường, Chu Mạnh Trinh là những người học rộng, biết nhiều đến những cụ già hiện nay trình độ văn hóa còn thấp kém, thế nhưng không ai không thuộc dăm ba câu Kiều, thậm chí có người thuộc cả quyển Kiều. Từ những người chiến sĩ cách mạng bị vào tù ra tội mà vẫn luôn nhớ mang trong mình quyển Kiều, coi nó như một người bạn tri âm đến các anh chiến sĩ hải đảo, biên phòng ngày nay bộn bề trăm công, nghìn việc, thế mà cứ lúc rảnh rỗi lại ngồi ngâm nga đôi ba câu Kiều hoặc chơi trò "đố Kiều" thành thạo. Rồi ngay cả những em bé mới tới tuổi đến trường, đã có em đòi ông bà, cha mẹ đọc Kiều, kể Kiều cho nghe. Sức hấp dẫn của Truyện Kiều thật là kì diệu

BÀI TẬP 63

Sau đây là cách lập luận tổng phân hợp:

(1) Trong hoàn cảnh "trăm dâu đổ đầu tằm" ta thấy chị Dậu là một người phụ nữ đảm đang tháo vát. (2) Một mình chị phải giải quyết mọi khó khăn đột xuất của gia đình, phải đương đầu với thế lực tàn bạo: quan lại, cường hào, địa chủ và tay sai của chúng. (3) Chị có khóc lóc, có kêu trời nhưng chị không nhắm mắt khoanh tay mà tích cực tìm cách cứu được chồng ra khỏi cơn hoạn nạn. (4) Hình ảnh của chị Dậu hiện lên vững chãi như một chỗ dựa chắc chắn của gia đình.

(*Theo* Nguyễn Đăng Mạnh)

Có thể biến đổi đoạn văn trên thành đoạn văn lập luận theo cách diễn dịch hoặc cách quy nạp được không?

Em hãy trình bày cụ thể cách chuyển đó.

BÀI TẬP 64

Theo cách lập luận tổng phân hợp, em hãy viết một đoạn văn bàn về vấn đề văn học hoặc xã hội có kết luận phủ định một quan niệm sai nào đó.

BÀI TẬP 65

Lập luận dưới đây được viết theo kiểu so sánh kết hợp với bình luận. Em hãy viết một lập luận có cách trình bày tương tự.

Nói tới lí tưởng và cuộc sống, người ta thường ví cuộc sống như con thuyền căng buồm ra khơi và lí tưởng như bánh lái bẻ hướng cho con thuyền. Hành trình vạn dặm phải dựa vào bánh lái để giữ phương hướng. Có bánh lái thì con thuyền mới cưỡi sóng vượt gió thẳng tiến tới bến bờ thuận lợi. Không có bánh lái, con thuyền sẽ bị trôi dạt vật vờ vô định trên sóng biển mênh mông. Thế mới biết, quan hệ giữa lí tưởng và cuộc sống chặt chẽ biết bao.

(*Dẫn theo* Nguyễn Quốc Siêu)

BÀI TẬP 66

Lập luận dưới đây được viết theo kiểu bình luận. Em hãy viết một lập luận có kiểu trình bày tương tự.

"Bình Ngô đại cáo" là áng văn chương yêu nước bất hủ của Nguyễn Trãi, là niềm tự hào của văn học cổ Việt Nam. Tư tưởng chủ đạo của toàn bộ áng văn chương này là niềm tự hào dân tộc của một đất nước đã giành được thắng lợi vẻ vang, đem lại hoà bình, độc lập cho toàn dân sau cuộc kháng chiến 10 năm chống giặc Minh đầy gay go gian khổ nhưng

cũng đầy chiến công hiển hách. Lời lẽ bài cáo vừa rắn rỏi mạnh mẽ, vừa sống động, cụ thể, vừa hào hùng, khoáng đạt. "Bình Ngô đại cáo" đúng là một áng "thiên cổ hùng văn" có một không hai trong nền văn học yêu nước truyền thống của dân tộc.

(*Theo* Đỗ Quang Lưu)

BÀI TẬP 67

Cho trước kết luận: "Chí Phèo có một tính cách đa dạng, nhiều mâu thuẫn."

Em hãy viết thành một lập luận theo kiểu chứng minh hoặc bình luận.

BÀI TẬP 68

Cho trước luận điểm: "Phê phán thói "sính" dùng từ ở một số người.

Em hãy:

– Viết một lập luận kiểu chứng minh

– Viết một lập luận kiểu giải thích

– Viết một lập luận kiểu bình luận

BÀI TẬP 69

Cho đoạn văn sau:

(1) Nguyễn Khuyến giễu cợt sự đậu đạt mà bất lực của mình, không làm được việc gì ích quốc lợi dân. (2) Sự bất như

ý của họ Nguyễn là vì quyền lợi chung của dân tộc. (3) Trần Tế Xương giễu cợt sự ăn chơi liều lĩnh, ngông nghênh của riêng mình. (4) Sự bất như ý của họ Trần là vì quyền lợi cá nhân của tác giả. (5) Do đó ý thơ của họ Nguyễn có phần khoan dung và ý thơ của họ Trần có tính cách hằn học chua chát hơn.

– Vì sao nói đây là đoạn văn lập luận quy nạp nhưng cũng có thể nói đây là đoạn so sánh tương phản?

– Dựa vào mối quan hệ lập luận giữa các câu (1) với (2) hoặc (3) với (4), em hãy viết một đoạn văn để làm rõ một tính chất nào đó của thơ Tú Xương.

BÀI TẬP 70

Có đoạn văn như sau:

(1) Những vần thơ Bác để lại cho chúng ta càng nghĩ càng thấy quý. (2) Lỗ Tấn nói: "Từ trong mạch nước phun ra đều là nước, từ trong mạch máu phun ra đều là máu". (3) Mỗi bài thơ trong tập Nhật kí trong tù kia, dù chỉ là sản phẩm bất đắc dĩ – "nhân vị tù trung vô sở vi" – chẳng phải vẫn là máu thịt, tâm hồn của Bác còn lưu lại muôn đời đó sao?

(Nguyễn Đăng Mạnh)

– Có người gọi đây là đoạn văn lập luận nêu câu hỏi nhưng cũng có người gọi đây là đoạn văn lập luận so sánh tương tự. Theo em, ý kiến nào đúng hơn, vì sao?

– Dựa vào cách lập luận trên, vận dụng ý sau đây của người khác đã nói: Mọi cái đều sợ thời gian nhưng bản thân

thời gian lại sợ những kiệt tác vô giá; em hãy tạo một đoạn văn để nói về một tác giả hoặc một tác phẩm đã học mà em thấy thích nhất.

BÀI TẬP 71

Cả hai đoạn văn sau đây đều cùng viết về thơ văn Tú Xương:

Đoạn 1:

(1) Ông nịnh vợ! (2) Vì bà Tú là một người vợ hiền, chiều chuộng ông rất mực, là nguồn sống của gia đình ông; hai bàn tay tần tảo không những nuôi đủ "năm con với một chồng" mà còn cung cấp cho ông đủ điều kiện vật chất để ông giữ được phong cách con người lịch sự ra vẻ "phong lưu suốt cả đời"

(*Theo* Tú Mỡ)

Đoạn 2:

(2) Xét về thơ ca của Trần Tế Xương thì ta thấy lời thơ mạnh mẽ và tự nhiên. (2) Sở dĩ như vậy là vì nhà thơ đã biết tìm thấy thi hứng trong rất nhiều trường hợp mà nhà thơ khác không làm được. (3) Thi hứng đã có thì lời thơ tất phải mạnh mẽ và tự nhiên.

(*Theo* Nguyễn Xuân Hiếu
– Trần Mộng Chu)

– Chỉ ra sự giống và khác nhau trong cách lập luận của hai đoạn văn trên?

– Nếu bỏ câu thứ ba của đoạn 2 thì sức thuyết phục của

lập luận sẽ kém đi như thế nào?

– Hãy thêm vào một hoặc hai câu để đoạn 1 có cách lập luận giống đoạn 2.

BÀI TẬP 72

Nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo viết:

(1) Người làm thơ thì hể hả vì thơ được tự do công bố trước bàn dân thiên hạ. (2) Bàn dân thiên hạ lại chẳng mấy ai ngó ngàng đến thơ. (3) Nhưng các nhà thơ đích thực vẫn không chịu lùi, họ lặng lẽ sáng tạo và lặng lẽ tuyên bố. (4) Nguyễn Khoa Điềm là một nhà thơ như vậy – một nhà thơ không chịu lùi.

– Lập luận chủ yếu của đoạn văn trên là so sánh tương phản hay so sánh tương tự (loại suy)?

– Nếu đây là đoạn văn của một học sinh phổ thông thì theo em nên thay đổi lại cách lập luận không, hay chỉ thay đổi một số từ ngữ, vì sao?

– Mô phỏng theo cách viết trên, em hãy tạo một đoạn văn mở đầu bài làm để giới thiệu về một nhà văn hoặc nhà thơ.

BÀI TẬP 73

Có một đoạn văn như sau:

(1) Tôi cho việc ngày nay với việc ngày trước khác nhau lắm. (2) Họ Hồ thì dối trời hại dân mà tôi thì kính trời thuận dân; lẽ thuận nghịch không giống nhau là một. (3) Quân của họ Hồ trăm vạn người trăm vạn lòng, mà quân của tôi bất

quá vài mươi vạn, nhưng ai cũng một lòng; cái đó không giống nhau là hai.

(Nguyễn Trãi)

Em hãy lựa chọn và thực hiện một trong hai yêu cầu sau:

– Dựa vào cách lập luận trên để viết một đoạn văn để giải thích lí do của hai bạn (tên do em tự đặt) cùng học một lớp với những thầy, cô như nhau, bỏ ra thời gian học như nhau nhưng kết quả khác xa nhau.

– Có thể dùng cách viết đó để tạo một đoạn văn về chuyện hai anh em ở truyện Cây khế.

BÀI TẬP 74

Sau đây là hai đoạn văn được lập luận theo phương pháp nêu câu hỏi:

Đoạn 1:

(1) Nhưng sức công phá của trái bom "Giông tố" chủ yếu phóng ra ở chỗ nào? (2) Tôi cho rằng hai vụ bê bối chính của Nghị Hách: một là trong quan hệ xã hội ; hai là trong quan hệ gia đình.

(Nguyễn Đăng Mạnh)

Đoạn 2:

(1) Tôi nghe nói điều tín là vật báu của nước. (2) Người ta mà không có điều tín thì lấy cái gì mà làm việc? (3) Mới đây được ngài gửi thư và sai người tới ước hoà tôi đã nhất nhất nghe theo. (4) Nay ở trong thành vẫn còn đào hào cắm chông, dựng rào đắp luỹ, phá đồ đồng cũ để đúc binh khí. (5)

Thế là các ngài định đem quân về nước chăng? (6) Hay giữ bền thành trì chăng?

(Nguyễn Trãi)

– Hãy chỉ ra sự khác nhau trong cách nêu câu hỏi của hai đoạn trên?

– Từ đó thử trả lời vì sao có thể gọi đoạn 1 là đoạn giải thích và đoạn 2 lại là đoạn bình luận.

– Thêm vào một câu hỏi và đặt cuối đoạn 2 sao cho người đọc dễ nhận ra cái ý kết luận chứa trong toàn bộ đoạn văn đó?

BÀI TẬP 75

Cho trước một đoạn văn sau:

(1) Múc một gáo nước, biển cả không vì thế mà vơi; thêm một gáo nước biển cả không vì thế mà đầy. (2) Người từng trải không vì công nhỏ mà vội mừng, cũng không vì thất bại mà nản chí. (3) Cho nên ai muốn trưởng thành thì phải khiêm tốn và bền gan.

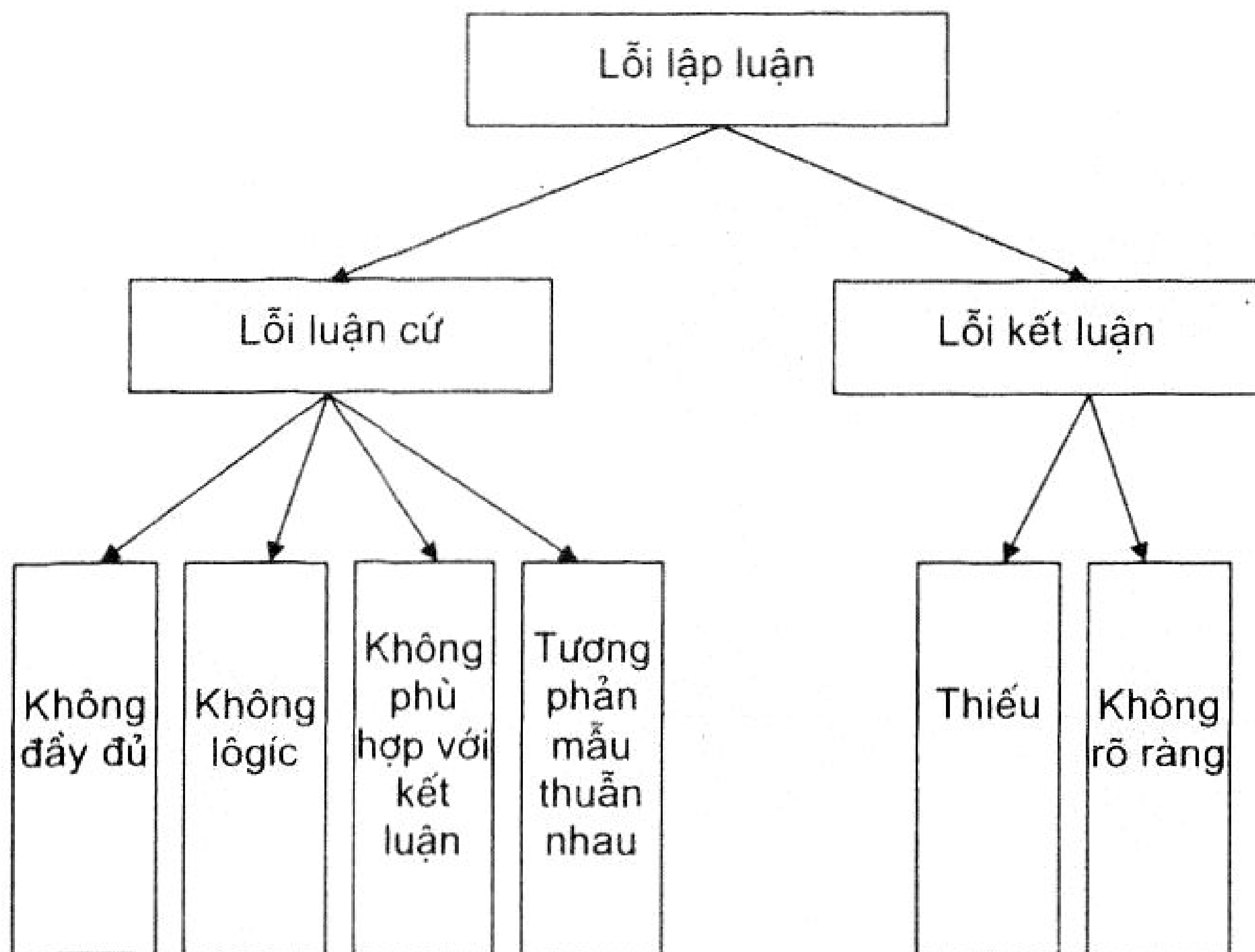
Triết lí chứa đựng trong lập luận trên có phù hợp với nhiều việc ở đời không?

Nếu phù hợp, em hãy tạo một đoạn văn có cách lập luận tương tự để phát biểu quan niệm của em đối với sự học tập và tu dưỡng của bản thân.

BÀI TẬP NHÓM IV

LUYỆN CHỮA LỖI LẬP LUẬN

MÔ HÌNH HỆ THỐNG BÀI TẬP NHÓM IV



MỤC ĐÍCH LUYỆN TẬP

– Biết cách phát hiện và phát hiện chính xác các lỗi lập luận trong một đoạn văn.

– Từ việc phát hiện lỗi về lập luận, đề ra được biện pháp chữa lỗi đó một cách phù hợp và có hiệu quả.

NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG TRƯỚC KHI LUYỆN TẬP

Luận cứ không đầy đủ

Người xưa có câu: "*Nói có sách, mách có chứng*" nhằm đề cao giá trị của những lí lẽ, những dẫn chứng, cũng tức là những luận cứ đưa ra nhằm bảo vệ một kết luận nào đó. Chỉ khi nào có lí lẽ, có dẫn chứng thì khi đó kết luận mới có sức thuyết phục.

Bất kì một lập luận nào cũng cần phải có luận cứ để làm cơ sở rút ra kết luận. Có kết luận chỉ cần một luận cứ là đủ rút được kết luận. Nhưng cũng có những kết luận cần phải có một số lượng luận cứ nhất định, có thể là ba, bốn hoặc nhiều hơn nữa mới có thể rút được kết luận. Trong những trường hợp này chỉ cần thiếu một luận cứ là có thể dẫn đến chỗ kết luận trở nên không rõ ràng, mang tính áp đặt và vì thế kết luận sẽ không có giá trị. Những trường hợp thiếu luận cứ mà vẫn cứ đưa ra kết luận như vậy được coi là một loại lỗi. Đó là lỗi lập luận do luận cứ không đầy đủ.

Để chữa lỗi này, người viết chỉ cần bổ sung thêm vào lập luận một số lượng luận cứ nhất định nào đấy phù hợp với kết luận để số lượng luận cứ được đầy đủ hơn.

Luận cứ sắp xếp lộn xộn

Luận cứ trong lập luận không phải là sự liệt kê các ý một cách tuỳ tiện. Một luận cứ không phải thích đặt vị trí này thì đặt, thích đặt vị trí khác thì đặt. Mỗi luận cứ có một giá trị khác nhau đối với kết luận vì thế mỗi luận cứ cũng có một vị trí khác nhau trong quá trình lập luận.

Hơn nữa, luận cứ lại gồm hai loại: đồng hướng và nghịch hướng. Không thể đặt luận cứ đồng hướng xa kết luận, trong khi đó lại đặt luận cứ nghịch hướng gần kết luận. Sắp xếp vị trí luận cứ một cách lộn xộn sẽ làm cho kết luận bị giảm giá trị hoặc mất hẳn giá trị. Vì vậy, có thể coi việc sắp xếp luận cứ không tính đến giá trị của luận cứ đối với kết luận là sự sắp xếp lộn xộn, là một loại lỗi trong lập luận.

Ngoài ra, việc sắp xếp luận cứ lộn xộn còn thể hiện ở việc sắp xếp luận cứ không phù hợp với quy luật của tư duy lôgic, không phù hợp với sự vận động, tồn tại của bản thân đối tượng được trình bày.

Để chữa lỗi này cần phải xác định chính xác luận cứ nào là luận cứ đồng hướng, nghịch hướng; luận cứ nào là luận cứ có giá trị, luận cứ nào không có giá trị.., rồi trên cơ sở đó sắp xếp lại vị trí cho vừa phù hợp với giá trị của luận cứ, vừa phù hợp với cách thức lập luận.

Luận cứ không phù hợp với kết luận

Mối quan hệ giữa luận cứ và kết luận có thể coi là mối quan hệ giữa nguyên nhân và kết quả. Nguyên nhân nào thì kết quả ấy. Không thể có trường hợp nguyên nhân này mà lại dẫn đến một kết qủa khác. Vì vậy cũng có thể nói rằng luận cứ như thế nào sẽ dẫn đến một kết quả như thế nấy, hay nói một cách khác kết luận phải suy ra từ luận cứ, bất

nguồn từ luận cứ. Giữa luận cứ và kết luận cần có sự tương ứng nhau. Nếu luận cứ đưa một đằng mà kết luận lại rút ra một nẻo thì chẳng khác nào việc "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược", luận cứ và kết luận "quay lưng" lại với nhau, không tạo thành được một giá trị thống nhất. Vì vậy, có thể coi đấy là một loại lỗi: lỗi do luận cứ không phù hợp.

Để chữa lỗi này có thể tiến hành theo hai cách:

– Giữ nguyên kết luận và tìm các luận cứ khác cho phù hợp.

– Giữ nguyên các luận cứ và rút kết luận khác sao cho phù hợp với luận cứ.

Các luận cứ mâu thuẫn nhau

Trong lập luận, nếu chứa đựng đồng thời cả luận cứ mang giá trị khẳng định kết luận lẫn những luận cứ phủ nhận giá trị của kết luận (không phải là luận cứ nghịch hướng vì được sử dụng một cách không có chủ đích) thì những luận cứ đó là những luận cứ mâu thuẫn nhau. Điều này có nghĩa là trong lập luận cùng lúc chứa đựng *những luận cứ nói thế này lẫn những luận cứ nói thế khác*.

Để chữa lỗi này cần kiểm tra lại các luận cứ để đảm bảo sự thống nhất hướng đích với kết luận (trừ trường hợp dùng luận cứ nghịch hướng) và phù hợp với cách thức lập luận.

Thiếu kết luận

Cần phân biệt lỗi thiếu kết luận với việc thể hiện kết luận không tường minh. Kết luận không tường minh là kết luận được sắp xếp theo dụng ý định trước của tác giả. Còn thiếu kết luận là thể hiện sự sơ suất hoặc thể hiện sự non kém trong lập luận của người viết. Vì vậy, trong trường hợp

này, người đọc không thể suy ra được kết luận, suy ra được hướng đích mà lập luận cần đạt tới như trong trường hợp kết luận không tường minh. Bởi thế, thiếu kết luận là thiếu hẳn một yếu tố của lập luận nên bị coi là một loại lỗi.

Để chữa lỗi loại này cần xem xét lại các luận cứ để sao các luận cứ tập trung hơn, làm nổi rõ hướng đích của lập luận. Chỉ khi rõ hướng đích của lập luận thì kết luận của lập luận mới hiện ra, dù kết luận đó có xuất hiện hay không xuất hiện.

Kết luận không rõ ràng

Kết luận không rõ ràng là kết luận:

– Không làm nổi rõ hướng đích lập luận cần đạt tới.

– Phân tán, thiếu sự tập trung vào một đích nhất định.

Để chữa lỗi này cần xác định hướng đích lập luận rõ ràng rồi sau đó dựa vào hướng đích ấy để viết lại kết luận cho rành mạnh, tập trung.

BÀI TẬP

BÀI TẬP 76

Trong bài làm văn, một bạn học sinh viết:

"Qua bài thơ "Bạn đến chơi nhà" Nguyễn Khuyến đã thể hiện một tình bạn sắt son, đáng quý. Tình bạn ấy không phải đo bằng "mâm cao cỗ đầy" mà là sự chân thành, bộc trực, thẳng thắn. Tất cả những lí do đưa ra đều rất hóm hỉnh nhưng qua đấy đã thể hiện được tấm lòng của họ đối với nhau. Chỉ bằng một tấm lòng tri kỉ "ta với ta" khiến cho mọi sự giàu – nghèo, sang – hèn trở nên vô nghĩa. Ta có cảm tưởng như có lúc Nguyễn Khuyến ngại với bạn bè về tính "xuề xòa" của mình".

Theo em, đoạn văn trên có mắc lỗi về lập luận không? Nếu có, em hãy chỉ ra lỗi và nêu cách chữa giúp bạn.

BÀI TẬP 77

Em hãy chỉ ra lỗi của những lập luận sau, tại sao?

Đoạn văn 1:

Trong lịch sử chống ngoại xâm, chúng ta thấy dân tộc ta anh hùng hào kiệt thời nào cũng có. Hai Bà Trưng phất ngọn cờ hồng khởi nghĩa đánh tan quân Thái thú Tô Định, buộc hắn phải trốn vào đám loạn quân rút chạy về nước. Đất nước sau hơn hai thế kỉ bị quân phong kiến nước ngoài đô hộ

đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Vua quan nhà Trần, với tên tuổi rạng ngời lịch sử như Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Bình Trọng,... đã đánh tan quân xâm lược nhà Nguyên.

Đoạn văn 2:

Từ tuổi thơ đã phải bơ vơ đi ở hết cho nhà này đến nhà nọ, rồi lớn lên lại phải làm canh điền cho Bá Kiến, Chí Phèo sống một cuộc sống lao động cực khổ, tối tăm, tuy vậy Chí giàu lòng tự trọng, biết điều hay lẽ phải. Chí thực sự là người lương thiện như những người lương thiện khác.

BÀI TẬP 78

Em hãy chữa lại những lỗi của hai lập luận ở bài tập 68 để chúng trở thành những lập luận hoàn chỉnh.

BÀI TẬP 79

Em hãy đọc lập luận sau:

(1) Số 0 không phải tự nhiên có, mà là một phát minh lớn của loài người. (2) Vào thế kỉ thứ 4 trước Công nguyên, các nhà bác học Babilon (phía nam Irắc ngày nay) lần đầu tiên nghĩ ra số 0. (3) Họ sử dụng nó trong cách đếm hết sức đặc biệt: Hàng đơn vị không gồm 10 con số mà là những 60. (4) Vào khoảng 600 năm sau Công nguyên, các nhà bác học Ấn Độ cũng nghĩ ra số 0. (5) Họ truyền nó cho người ARập cùng với cách viết hàng chục, hàng trăm (hệ đếm thập phân). (7) Đến lượt mình, người ARập lại truyền số 0 cùng các chữ số khác đã được cải biên cho người châu Âu. (9) Điều

này xảy ra vào khoảng năm 1000. (10) Đó chính là mười con số mà chúng ta thường dùng ngày nay: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9.

(Huy Toàn – *Số 0 không nhỏ*)

Có một bạn học sinh cho rằng có thể đảo vị trí các câu trong lập luận theo trật tự : (1), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (2), (3), nội dung của lập luận vẫn không thay đổi. Theo em, ý kiến đó có đúng không? Em hãy đưa ra ý kiến của mình.

BÀI TẬP 80

Em hãy phát hiện lỗi của lập luận dưới đây và chữa lại cho đúng.

Buổi sớm nắng sáng. Những cánh buồm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh. Chiều nắng tàn, mát dịu. Biển xanh veo màu mảnh chai. Núi xa pha màu tím hồng. Những con sóng nhè nhẹ liếm lên bãi cát, bọt sóng màu bưởi đào. Mặt trời xế trưa bị mây che lỗ đỗ. Những tia nắng dát vàng một vùng biển tròn, làm nổi bật những cánh buồm duyên dáng như ánh sáng chiếc đèn sân khấu khổng lồ đang chiếu cho các nàng tiên biển múa vui.

BÀI TẬP 81

Theo em, trong lập luận dưới đây có luận cứ nào không phù hợp với kết luận. Tại sao?

Văn xuôi của ta từ Cách mạng Tháng Tám đến nay đã khắc họa nhiều hình ảnh con người mới trong lao động sản

xuất. Đó là những người nông dân Liên khu V đã dùng sức người kéo bừa thay trâu, quyết tâm giữ vững sản xuất trong hoàn cảnh bị giặc Pháp thường xuyên càn quét khủng bố (*Con trâu* – Nguyễn Văn Bổng). Đó là chú bé Luỹ liên lạc đã dũng cảm xông xáo trong đồn giặc và hy sinh anh dũng (*Xung kích* – Nguyễn Đình Thi). Đó là những nam nữ thanh niên gan góc nhảy xuống sông ken thân mình làm con đê sống ngăn sóng biển hung dữ (*Bão biển* – Chu Văn). Đó là những người dân Tây Nguyên phải lấy đá thay rìu chặt cây để khai hoang trồng rẫy, từng bước tổ chức lại cuộc sống của mình, kiên quyết bám rẫy, bám làng không chịu đi theo địch (*Đất nước đứng lên* – Nguyên Ngọc). Đó là những con người hiểu rõ giá trị sức lao động của mình:

"Bàn tay ta làm nên tất cả
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm"
(*Bài ca vỡ đất* – Hoàng Trung Thông)

BÀI TẬP 82

Từ cổ chí kim, nguồn cảm hứng viết về thiên nhiên vẫn là vô tận. Thiên nhiên không chỉ gợi cho các thi sĩ thảnh thơi "ngồi uống trà thưởng nguyệt" mà thiên nhiên còn đến với người bạn tù đang tay cùm chân xích kia. Vì vậy mà người tù mở hết lòng để đón nhận, để thưởng thức cái đẹp. Đó là người tù Hồ Chí Minh – người duy nhất của nhân loại ngồi tù mà vẫn cảm nhận được cái đẹp của thiên nhiên.

Một bạn học sinh cho là đoạn văn trên mắc lỗi và đã chữa lại như sau:

Từ cổ chí kim, nguồn cảm hứng viết về thiên nhiên vẫn là vô tận. Thiên nhiên không chỉ gợi cho các thi sĩ thảnh thơi

"ngồi uống trà thưởng nguyệt" mà thiên nhiên còn đến với người bạn tù đang tay cùm chân xích kia. Vì vậy mà người tù mở hết lòng để đón nhận, để thưởng thức cái đẹp. Đó là người tù Hồ Chí Minh – người chiến sĩ cộng sản có một tâm hồn rất thi sĩ.

Theo em, bạn chữa lại như vậy có đúng không? Tại sao?

BÀI TẬP 83

Em hãy chỉ ra lỗi của lập luận sau và đề xuất cách chữa mà em cho là phù hợp hơn cả.

(1) Lòng yêu nước cuồn cuộn chảy trong huyết quản vua tôi thời Trần đã làm nên một thời đại lịch sử đẹp – một thời đại rực sáng với hai chữ "Sát Thát" và "Hào khí Đông A". (2) Hẳn chúng ta vẫn nghe âm vang câu nói dõng dạc, hiên ngang của vị tướng tài ba Trần Bình Trọng: "Ta thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc". (3) Lòng yêu nước thiết tha của vị tướng già Trần Quốc Tuấn khiến ông viết nên "Hịch tướng sĩ văn" bất hủ. (4) Mặt khác, lòng yêu nước thiết tha, cháy bỏng đã được các vị bô lão hô vang trong hội nghị Diên Hồng: "Đánh! Đánh!...". (5) Vì ngày đêm lo lắng cho vận mệnh đất nước mà Phạm Ngũ Lão mong mỏi gặp Trần Quốc Tuấn để bày tỏ nỗi lòng, bàn mưu giúp nước. (6) Với lòng yêu nước sục sôi, nóng lòng muốn tham gia luận bàn việc nước mà chàng thiếu niên 16 tuổi Trần Quốc Toản bóp nát trái cam vua ban lúc nào không biết. (7) Nhân dân cũng một lòng ủng hộ kháng chiến, sẵn sàng bỏ "vườn không nhà trống" để dụ quân địch theo mưu kế của triều đình.

BÀI TẬP 84

Dưới đây là hai đoạn văn mắc lỗi lập luận. Em hãy chỉ ra lỗi đó và phân tích nguyên nhân mắc lỗi.

Đoạn văn 1:

Bên cạnh con cò, con trâu được nói nhiều hơn cả trong ca dao, dân ca Việt Nam. Con trâu không mấy lúc thảnh thơi, cho nên khi nghĩ đến cuộc đời nhọc nhằn của mình, người nông dân thường nghĩ đến con trâu. Con cò tuy có vất vả, tuy có lúc phải lặn lội bờ sông nhưng có lúc còn được bay lên mây xanh. Con cò, con vạc, con nông là những con vật rất gần gũi với người dân lao động. Chúng mang những đức tính cần cù, chịu khó của người nông dân chân lấm tay bùn. Những lúc cần bộc bạch nỗi niềm, người nông dân thường dùng những con vật đó ra để tâm sự, để giãi bày nỗi lòng mình.

Đoạn văn 2:

Trong tác phẩm "Chí Phèo", Nam Cao đã vẽ lên bộ mặt của con quỷ dữ ở làng Vũ Đại – Chí Phèo. Nhắc đến Chí Phèo là người ta lại nhớ đến một người say, một kẻ chuyên nghề đâm thuê, chém mướn và rạch mặt ăn vạ. Dường như suốt cả cuộc đời Chí không có ước mơ và thèm khát đến cuộc sống gia đình. Có một lần, sau khi tỉnh rượu, nằm trong nhà lắng nghe tiếng chim hót, tiếng người đi chợ,... Chí chợt mong muốn được quay lại làm người. Đã có lúc Chí cũng ước mơ một gia đình nho nhỏ: chồng làm thuê cuốc mướn, vợ dệt vải xe tơ... Vậy mà tất cả điều đó của Chí đều không được xã hội thừa nhận.

BÀI TẬP 85

Trên cơ sở chỉ ra và phân tích lỗi của hai lập luận ở bài tập 75, em hãy đề xuất cách chữa và viết lại sao cho chúng trở thành hai lập luận hoàn chỉnh.

BÀI TẬP 86

Ca dao có nhiều câu ca ngợi cảnh đẹp đất nước. Nếu Lạng Sơn – nơi biên giới phía Bắc – hấp dẫn người ta bởi "có phố Kì Lừa, có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh" thì kinh thành Thăng Long – nơi phồn hoa đô hội – lại có sức lôi cuốn bởi "phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ". Ca dao đưa chúng ta theo: "Đường vô xứ Nghệ quanh quanh. Non xanh nước biếc như tranh họa đồ" để đến với xứ Huế đẹp và thơ, đắm mình trong đêm "lờ đờ bóng ngả trăng chênh" với "giọng hò xa vọng thắm tình nước non". Rồi xa nữa là "Nhà Bè nước chảy chia hai. Ai về Gia Định Đồng Nai thì về". Có thể nói đất nước ta hiện lên qua những vần ca dao thân thuộc, đâu đâu cũng đẹp, mỗi miền có một vẻ đẹp riêng biệt, kì thú. Tình yêu đất nước, tình cảm gia đình, tình yêu lứa đôi thể hiện trong ca dao cũng thật đậm đà, sâu nặng.

Một bạn học sinh nhận xét rằng đoạn văn trên là một lập luận hoàn chỉnh. Em hãy cho biết ý kiến của em!

BÀI TẬP 87

Em hãy phân tích luận cứ và kết luận của lập luận sau để phát hiện lỗi và cách chữa:

Tác phẩm *Chí Phèo* không chỉ có sự sáng tạo về nội dung mà còn có cả sự sáng tạo về mặt hình thức. Đọc kĩ tác phẩm ta thấy Chí Phèo là một truyện ngắn mà lại xây dựng được cả ba thì của thời gian: quá khứ, hiện tại và tương lai. Điều này có lẽ chưa một tác phẩm truyện ngắn đương thời nào có thể làm được. Tác phẩm Chí Phèo không chỉ là sự phản ánh quá trình người nông dân bị lưu manh hóa và bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người mà còn là một sự phát hiện và khẳng định bản chất lương thiện của họ ngay cả khi họ đã đánh mất cả nhân hình lẫn nhân tính.

(*Bài làm của học sinh*)

BÀI TẬP 88

Cho đoạn văn:

(1) Bất kì trong hoàn cảnh nào, tâm hồn Xuân Diệu cũng khát khao giao cảm với đời trong niềm khao khát đến mê say. (2) Vì thế ông luôn "thức nhọn giác quan" để đón nhận và hưởng thụ mọi ngon ngọt của cuộc đời. (3) Sống gần gũi, hoà nhập với đời, Xuân Diệu đã phát hiện ra nhiều điều mới mẻ, lí thú trong thế giới xung quanh mà người thường khó phát hiện được. (4) Những điều hấp dẫn ấy đã được ông gửi gắm vào những bài thơ tình mãnh liệt, cháy bỏng. (5) Ông chính là nhà thơ lớn nhất của tình yêu, của tuổi trẻ. (6) Độc giả thêm mến yêu và khâm phục tài sáng tác sung mãn, dồi dào của ông.

Hãy chỉ ra kết luận và các luận cứ trong đoạn văn trên và cho biết: Các luận cứ đó có phù hợp với kết luận không? Tại sao?

BÀI TẬP 89

(1) Trong văn học hiện thực giai đoạn 1930 – 1945, chẳng những phải có ngòi bút lạnh lùng mà còn phải có trái tim nhân đạo, chính là nơi xuất phát, nơi bắt nguồn sáng tác những nhân vật hiện thực cũng là thiên chức của nhân vật trong bất kì hoàn cảnh nào. (2) Một Chí Phèo được miêu tả với khuôn mặt của quỷ dữ nhưng bên trong lại ẩn chứa những ước mơ trong sáng, bình dị. (3) Một Thị Nở xấu "ma chê quỷ hờn" có dòng giống ma hủi cũng đầy ắp tình thương đã giang tay ra đón nhận Chí Phèo, thắp sáng lương tri trong lòng Chí.

(Bài làm của học sinh)

Lỗi về lập luận chủ yếu của đoạn văn trên là kết luận không rõ ràng, rành mạch gây sự khó hiểu cho người đọc. Em hãy viết lại câu kết luận cho chính xác, phù hợp với luận cứ trong lập luận.

BÀI TẬP 90

(1) Trong thơ Chế Lan Viên ta luôn tìm thấy hình bóng một con người mải mê đi tìm kiếm trong đống tháp Chàm đổ nát hình ảnh của đất nước Chiêm Thành oai hùng và lừng lẫy xưa kia. (2) Trong thơ Thế Lữ, đó là một nỗi đau đáu khôn nguôi, một nỗi niềm hoài tiếc về quá khứ huy hoàng, thịnh trị – một quá khứ "chưa từng thấy bao giờ" (*Nhớ rừng*). (3) Nhà thơ Vũ Đình Liên thì tiếc nuối cho nghệ thuật viết chữ nho, câu đối – một phong tục đẹp, một nét văn hóa điển hình đang bị mai một dần trong hiện tại. (4) Nhà thơ Nguyễn Tuân trong tập "Vang bóng một thời" đã ca ngợi những thú chơi tao nhã, rất mực hào hoa như thả thơ, ướp hương cuội, viết chữ của các văn nhân, nho sĩ thời xưa.

Vì sao đoạn văn trên lại thiếu sức thuyết phục và thu hút người đọc? Từ đó em hãy chữa lại để đoạn văn hoàn chỉnh.

BÀI TẬP 91

Có hai bạn đã đưa ra ý kiến của mình để giải thích: Hoa hậu là người như thế nào?

Bạn A: – (1) Hoa hậu tất nhiên phải là người đẹp nhất. (2) Họ hơn hẳn những người khác, có thân hình cân đối hài hoà, có khuôn mặt đẹp và xinh tươi. (3) Họ ăn mặc, đi đứng, cười cũng phải đẹp hơn người khác, ai cũng phải công nhận. (4) Theo mình hoa hậu là người đẹp nhất.

Bạn B: – (1) Không, theo mình hoa hậu phải là người thông minh nhất, lịch sự nhất. (2) Họ phải thể hiện mắt sáng, thông minh, tinh nghịch. (3) Khi nói chuyện phải linh hoạt. (4) Họ trả lời các câu hỏi phải đúng nhưng đặc biệt phải thông minh làm ta khâm phục. (5) Thực tế nhiều hoa hậu mà ta biết đều trả lời thông minh vô cùng.

Có người cho rằng ý kiến của cả hai bạn đều chưa thuyết phục lắm. Em hãy phân tích để làm rõ lí do.

Ý kiến của em về vấn đề trên như thế nào, hãy viết ra bằng một đoạn văn ngắn.

BÀI TẬP 92

Đọc đoạn lập luận sau:

(1) Thơ Hồ Xuân Hương là tiếng nói mãnh liệt về tình

yêu đầy khát vọng hạnh phúc của phụ nữ. (2) Bà viết về thân phận dở dang của cô gái "chưa chồng mà chửa mới ngoan". (3) Bà còn viết về cảnh người đàn bà làm lẽ "cố đấm ăn xôi" rất thương cảm. (4) Bà thương họ mà cũng để thương mình sao chịu số kiếp ba chìm bảy nổi. (5) Cảm thông trắc ẩn là âm điệu chính của tiếng thơ Hồ Xuân Hương.

– Các luận cứ ở câu (2), (3), (4) quan hệ gì với câu (1)?

– Vì sao câu (2). (3), (4) tương đối phù hợp với câu (5) nhưng đây vẫn là đoạn mắc lỗi về lập luận?

BÀI TẬP 93

(1) Với đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" Nguyễn Du đã chứng tỏ là bậc thầy về miêu tả tâm lí nhân vật. (2) Nguyễn Du cho ta thấy nỗi buồn, niềm lo âu, phấp phỏng mỗi lúc mỗi xoáy sâu hơn. (3) Hình ảnh cánh buồm cô đơn thấp thoáng, hoa trôi man mác vô định là tượng trưng cho nỗi buồn, cho thân phận nàng. (4) Còn khi Hoạn Thư, Tú Bà hành hạ nàng tủi nhục "một mình năm canh", và khi đánh đàn cho Hồ Tôn Hiến thì nỗi đau của nàng rỏ máu năm đầu ngón tay. (5) Rõ ràng qua một vài nét chấm phá ở một số câu thơ, tác giả lột tả được tâm trạng nhân vật và chứng tỏ ông là bậc thầy về miêu tả tâm lí nhân vật.

– Vì sao đoạn văn trên chưa thuyết phục người ta tin rằng đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" đã chứng tỏ Nguyễn Du là bậc thầy về miêu tả tâm lí nhân vật?

– Hãy bỏ những câu không cần thiết và thêm vào một hoặc hai câu để đoạn văn hoàn chỉnh và chặt chẽ hơn về lập luận.

BÀI TẬP 94

(1) Qua Truyện Kiều, Nguyễn Du đã khái quát lên nỗi đau của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. (2) Đau đớn cho mỗi cuộc đời nên câu thơ của Nguyễn Du "còn đọng nỗi đau nhân tình". (3) Là con người tài sắc tột bậc, tưởng cuộc đời xuôi chèo mát mái, có ai ngờ Kiều phải trôi nổi 15 năm ròng rã. (4) Nguyên nhân là do đồng tiền. (5) Nàng đau đớn cho mối tình không trọn vẹn, nàng đành ra đi với Mã Giám Sinh. (6) Gặp Thúc Sinh, nàng thoát khỏi lầu xanh lại rơi vào nanh vuốt Hoạn Thư. (7) Đó là nỗi đau của người trong xã hội bất công tàn ác. (8) Thật cay đắng biết bao cho số phận người con gái, ngay cả sự trinh bạch cũng phải xin chữa. (9) Cái xã hội ấy thật là độc địa cay nghiệt nên con người phải mãi mãi đau thương.

– Hãy chỉ ra những điểm không chặt chẽ và luẩn quẩn trong lập luận của đoạn văn.

– Để phục vụ tốt nhất cho kết luận nêu ở câu đầu, em phải viết lại đoạn văn này như thế nào?

BÀI TẬP 95

(1) Thơ Xuân Diệu là tiếng nói sôi nổi thiết tha về cuộc sống. (2) Trong thơ ông, ta bắt gặp một Xuân Diệu với niềm khát khao đến mãnh liệt được hóa mình vào trong thiên nhiên "Ta muốn ôm cả sự sống bắt đầu mơn mởn". (3) Không chỉ vậy, ông còn cho ta một định nghĩa về tình yêu "Yêu là chết ở trong lòng một ít". (4) Không những thế, ông còn chỉ ra biết bao là cung bậc của tình yêu. (5) Thanh niên ta say mê thơ tình yêu của "ông hoàng về thơ tình yêu". (6) Từ đó ta khẳng định rằng thơ Xuân Diệu là nỗi khát khao giao cảm với đời.

– Các luận cứ đã nêu có đủ để rút ra kết luận ở câu cuối không?

– Hãy bỏ đi những luận cứ không phù hợp và viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh, phù hợp với kết luận trên.

BÀI TẬP 96

(1) Câu ca dao "*Một cây làm chẳng nên non / Ba cây chụm lại nên hòn núi cao*" đã khẳng định sức mạnh của tập thể, của khối đoàn kết nhất trí. (2) Từ xưa tới nay, Việt Nam liên tục đánh bại nhiều kẻ thù hung bạo từ quân Nam Hán, Nguyên Mông đến Pháp, Mỹ... cũng là do dân ta anh hùng và đoàn kết. (3) Ngày nay chúng ta làm nên những việc to lớn, cải cách xã hội, xây dựng những công trình đồ sộ nếu không có sức mạnh cả nước, toàn dân thì cũng không thể thành công. (4) Tất nhiên, những con người vĩ đại luôn luôn làm ra lịch sử vì họ có một tài năng phi thường, một sức mạnh phi thường.

– Có bạn cho rằng đoạn văn trên mắc lỗi về lập luận nhưng không chỉ ra được chỗ sai. Em hãy chỉ ra giúp bạn.

– Để chữa lại lỗi trên, có bạn cho rằng cần giữ nguyên các câu đã viết rồi thêm vào một số câu cần thiết nữa để tạo thành đoạn văn bình luận. Em hãy viết lại đoạn văn theo cách mà bạn mình đã nêu.

BÀI TẬP 97

(1) "Chị ngã em nâng" nghĩa là gì? (2) "Chị" và "em" ở đây là chị em trong một nhà, chị em bè bạn. (3) "Ngã" là sự khó khăn của con người vấp phải, đó là "ngã" về thể chất hoặc về tinh thần. (4) Trong cuộc sống ai mà chẳng có lúc

khó khăn, đau ốm, buồn bã. (5) "Nâng" là nâng đỡ, giúp đỡ. (6) Do đó, câu tục ngữ "Chị ngã em nâng" có một ý nghĩa sâu sắc của nó.

Đoạn văn trên đã giúp em hiểu ý nghĩa của câu tục ngữ "Chị ngã em nâng" chưa? Nếu chưa, theo em nên đưa ra thêm những sự giải thích nào nữa để người đọc có thể hiểu đầy đủ và sâu sắc hơn ý nghĩa của câu tục ngữ này?

BÀI TẬP 98

(1) Do bị bóc lột, tâm hồn, tính cách lương thiện của Chí Phèo bị mất đi, trở thành một người bất lương, bị xã hội khinh rẻ. (2) Chí rạch mặt ăn vạ chửi bới nên bị mọi người coi thường. (3) Chí cũng muốn làm người lương thiện. May thay nhờ gặp Thị Nở nên Chí không bị khinh rẻ nữa. (4) Chí khao khát sống hiền lành, thế rồi do căm tức bọn người bóc lột, Chí Phèo đến nhà Bá Kiến đâm hắn và tự đâm mình. (5) Chí chết đi càng khẳng định bi kịch của một người bị xã hội khinh rẻ. (6) Chí Phèo tiêu biểu cho người cố nông bị bần cùng hoá, lưu manh hóa.

– Em hãy chỉ ra chỗ không phù hợp giữa luận cứ và kết luận trong đoạn lập luận trên, nói rõ tại sao?

– Chữa lại thành lập luận hoàn chỉnh.

BÀI TẬP 99

(1) Người nghệ sĩ bao giờ cũng là người giàu thương cảm. (2) Nguyễn Du đã phải đau đớn thương Kiều mà thốt lên: "*Đau đớn thay phận đàn bà / Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*". (3) Nếu như bọn Tú Bà, Mã Giám Sinh là

phường buôn thịt, bán người; Hoạn Thư, Sở Khanh lừa đảo đày đọa nàng Kiều mà không chút thương tâm thì ta thấy nhà thơ hiện lên cao quý vô cùng.

– Hãy chỉ ra lỗi của đoạn lập luận trên.

– Hãy chữa lại và viết thành một đoạn lập luận hoàn chỉnh.

BÀI TẬP 100

Trong một giờ làm văn miệng, thầy giáo đưa ra câu hỏi: *Thế nào là một người học sinh học giỏi?* Có hai bạn thảo luận với nhau như sau:

A: – Theo mình, một người học giỏi là một người phải khiêm tốn.

B: – Mình cho rằng một người học giỏi là phải biết nhiều.

A: – Nếu biết nhiều mà không khiêm tốn học hỏi thêm nữa thì làm sao học được điều hay, lẽ phải ở những người khác.

B: – Nhưng khiêm tốn, không bộc lộ điều mình biết thì làm sao chứng minh được là mình giỏi.

A: – Vậy để chứng minh mình giỏi đâu phải chỉ là biết nhiều mà phải là biết như thế nào, điều biết có đúng không, sâu sắc không, tức là không phải biết nhiều mà là hiểu nhiều.

B: – Hiểu nhiều mà còn khiêm tốn đi hỏi thêm, học thêm thì liệu có tăng thêm điều hiểu biết không?

A: – Không phải thế, khiêm tốn khác với giả vờ không

biết mà trái lại để tìm thêm những điểm nắm chưa vững, chưa sâu.

B: – Dù sao, như vậy khiêm tốn chỉ là điều kiện để học giỏi chứ không phải chứng tỏ là học giỏi.

Theo em, hai bạn học sinh đó đều đúng chỗ nào và sai chỗ nào khi đưa ra ý kiến của mình và khi bàn về ý kiến của người khác?

GIẢI BÀI TẬP

BÀI TẬP NHẬN BIẾT LUẬN CỨ

BÀI TẬP 1

Những luận cứ tác giả dùng để lập luận trong đoạn văn là:

(1) Quan lại vì tiền mà bất chấp công lí.

(2) Sai nha vì tiền mà tra tấn cha con Vương Ông.

(3) Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Bà, Bạc Hạnh vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người.

(4) Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm.

(5) Khuyển Ưng vì tiền mà lao vào tội ác.

Một số đoạn văn tham khảo:

Đoạn văn 1

Lòng yêu nước trong thơ Tố Hữu trước hết là lòng yêu những người lao động và chiến đấu của đất nước. Hầu hết những nhân vật được biểu hiện lên trong tập thơ là những người nông dân lao động, từ anh bộ đội nghỉ chân trên lưng đèo Nhe, anh pháo binh vác voi ra trận, bà mẹ trên nhà sàn Việt Bắc đến bà bủ nằm ổ chuối khô, hay chị phụ nữ phá đường.

Gợi ý:

Luận cứ được tác giả sử dụng trong lập luận:

– *anh bộ đội nghỉ chân trên lưng đèo Nhe*

– *anh pháo binh vác voi ra trận*

– *bà mẹ trên nhà sàn Việt Bắc*

– *bà bủ nằm ổ chuối khô, hay chị phụ nữ phá đường*

Đoạn văn 2

Hình thức nghệ thuật bao giờ cũng có hai mặt cơ bản: mặt cụ thể cảm tính và mặt quan niệm. Bất cứ tác phẩm văn học có giá trị nào cũng đem lại cho ta một cuộc sống trong những đường nét, màu sắc, âm thanh, chi tiết cụ thể sinh động, gắn liền với nội dung của tác phẩm đó. Thiếu phương diện này, nghệ thuật căn bản không thể tồn tại. Nhưng đồng thời, đằng sau hình thức cảm tính kia, ngoài nội dung cuộc sống và tư tưởng mà tác giả muốn nói lên, còn có một quan niệm làm cơ sở cho tiếng nói ấy, tạo cái lí, cái lôgíc bên trong của hình thức nghệ thuật. Cuộc sống không thể được phản ánh vào nghệ thuật bên ngoài cái lí của hình thức đó.

(Trần Đình Sử)

Gợi ý:

Đây là đoạn văn bình luận được triển khai bằng một lập luận diễn dịch song song. Câu đầu "*Hình thức nghệ thuật bao giờ cũng có hai mặt cơ bản: mặt cụ thể cảm tính và mặt quan niệm*" là câu chủ đề, nêu ý khái quát của đoạn văn. Nội dung của câu này được giải thích bằng hai luận cứ song song:

Luận cứ 1 gồm câu 2: *Bất cứ tác phẩm văn học có giá trị nào cũng đem lại cho ta một cuộc sống trong những đường nét, màu sắc, âm thanh, chi tiết cụ thể sinh động, gắn liền*

với nội dung của tác phẩm đó và câu 3: *Thiếu phương diện này, nghệ thuật căn bản không thể tồn tại:* chỉ rõ mặt nội dung cụ thể , cảm tính của hình thức nghệ thuật tác phẩm.

Luận cứ 2 gồm câu 4: *Nhưng đồng thời, đằng sau hình thức cảm tính kia, ngoài nội dung cuộc sống và tư tưởng mà tác giả muốn nói lên, còn có một quan niệm làm cơ sở cho tiếng nói ấy, tạo cái lí, cái lôgíc bên trong của hình thức nghệ thuật* và câu 5: *Cuộc sống không thể được phản ánh vào nghệ thuật bên ngoài cái lí của hình thức đó*: chỉ rõ mặt nội dung quan niệm của hình thức nghệ thuật tác phẩm.

BÀI TẬP 2

1. Ý kiến đầu tiên khẳng định: nhà máy chế tạo ôtô là quan trọng nhất. Để khẳng định điều đó, người nói đã đưa ra những luận cứ sau đây:

– Không có ôtô thì không đi đâu xa được (nghĩa là đi đâu xa mọi người cũng đều cần đến ôtô).

– Không có ôtô buýt chở người đi làm,

– Không có ôtô tải chở hàng đi khắp các công trường nhà máy.

– Không có xe chữ thập đỏ lao vun vút đưa bác sĩ tới những nơi cấp cứu.

– Không có xe cứu hoả phóng như bay tới những chỗ có đám cháy...

2. Ý kiến thứ hai không tán thành với ý kiến đầu tiên vì người nói cho rằng nhà máy ôtô ngừng làm việc, tạm nghỉ sản xuất thì điều này không ai cảm thấy ngay tức thì.

Để khẳng định nhà máy chế tạo đồng hồ là nhà máy quan trọng nhất, ý kiến thứ hai đã nêu ra những luận cứ sau:

– Nếu không có chiếc đồng hồ báo thời gian thì mọi việc sẽ bị rối loạn.

– Công nhân đi làm muộn.

– Chúng ta sẽ đến lớp không đúng giờ.

– Tàu hỏa, ôtô, máy bay,... đều không chạy theo thời gian biểu.

– Biết bao sự cố sẽ xảy ra.

3. Ý kiến thứ ba không tán thành với hai ý kiến trên, vì ý kiến này cho rằng nếu nhà máy đồng hồ và nhà máy chế tạo ôtô nghỉ việc không phải là vô thời hạn, ngừng không lâu, mấy ngày thôi, thì chả ai thấy điều đó cả.

Để khẳng định nhà máy điện là quan trọng nhất, ý kiến thứ ba đã đưa ra những luận cứ sau:

– Nhà máy quan trọng nhất phải là nhà máy không thể ngừng một phút, thậm chí không thể ngừng một giây.

– Nhà máy điện làm việc suốt ngày đêm, không nghỉ chủ nhật, không nghỉ ngày lễ, ngày tết, thậm chí không nghỉ cả ăn trưa, ăn tối.

– Không có điện thì không một nhà máy nào có thể làm việc được, cả nhà máy ôtô lẫn nhà máy chế tạo đồng hồ. Mọi sinh hoạt bình thường của nhân dân bị đảo lộn: quạt không chạy, bếp điện không làm việc, đèn không sáng, vô tuyến tắt ngấm.

Một số đoạn văn tham khảo

Đoạn văn 1

Con người của Bác, đời sống của Bác giản dị như thế nào mọi người chúng ta đều biết: bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, lối sống. Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn Bác

không để rơi vãi một hột cơm; ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm tất. Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ. Cái nhà sàn của Bác vẻn vẹn chỉ có vài ba phòng, và trong lúc tâm hồn Bác lộng gió thời đại, thì cái nhà nhỏ đó luôn luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn, một đời sống như vậy thanh bạch và tao nhã biết bao. Bác suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc, từ việc rất lớn: việc cứu nước, cứu dân đến việc rất nhỏ, trồng cây trong vườn, viết một bức thư cho một đồng chí, nói chuyện với các cháu miền Nam, đi thăm nhà tập thể của công nhân, từ nơi làm việc đến phòng ngủ, nhà ăn... Trong đời sống của mình, việc gì Bác tự làm được thì không cần người giúp, cho nên bên cạnh Bác người giúp việc và phục vụ có thể đếm trên đầu ngón tay, và Bác đã đặt cho số đồng chí đó những cái tên mà gộp lại là ý chí chiến đấu và chiến thắng: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi!

(Phạm Văn Đồng)

Gợi ý:

Để khẳng định ý kiến của mình: *Con người của Bác, đời sống của Bác rất giản dị từ bữa cơm, đồ dùng, cái nhà, cho đến lối sống*, tác giả Phạm Văn Đồng đã sử dụng các luận cứ sau:

Đức tính giản dị biểu hiện qua bữa ăn hàng ngày của Bác: Bữa cơm chỉ có vài ba món rất giản đơn, lúc ăn Bác không để rơi vãi một hột cơm; ăn xong, cái bát bao giờ cũng sạch và thức ăn còn lại thì được sắp xếp tươm tất. Ở việc làm nhỏ đó, chúng ta càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ.

Đức tính giản dị biểu hiện qua ngôi nhà ở của Bác: Cái nhà sàn của Bác vẻn vẹn chỉ có vài ba phòng, và trong lúc tâm hồn Bác lộng gió thời đại, thì cái nhà nhỏ đó luôn luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn, một đời sống như vậy thanh bạch và tao nhã biết bao.

Đức tính giản dị biểu hiện qua lối sống của Bác: Bác suốt đời làm việc, từ việc rất lớn: việc cứu nước, cứu dân đến việc rất nhỏ, trồng cây trong vườn, viết một bức thư cho một đồng chí, nói chuyện với các cháu miền Nam, đi thăm nhà tập thể của công nhân, từ nơi làm việc đến phòng ngủ, nhà ăn... Trong đời sống của mình, việc gì Bác tự làm được thì không cần người giúp, cho nên bên cạnh Bác người giúp việc và phục vụ có thể đếm trên đầu ngón tay, và Bác đã đặt cho số đồng chí đó những cái tên mà gộp lại là ý chí chiến đấu và chiến thắng: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi!)

Đoạn văn 2

Qua tập truyện của Nguyễn Du, người ta thấy những cảnh đáng thương nhất trong xã hội phong kiến: một gia đình tan nát dưới chế độ bất công, mối tình duyên đứt đoạn của một cặp "đôi lứa thiếu niên", cảnh cô thiếu nữ bị mua về bán đi trên thị trường thương mại, bị đày đọa trong chốn thanh lâu, hy sinh cho thú tính của một hạng người ích kỉ, cảnh người đàn bà lấy lẽ, đi làm nô tì dưới một chế độ bán nô lệ, Kiều chính là hiện thân của một giai nhân, một thiên tài bị đày đọa qua những cảnh sống éo le, đau đớn.

(*Theo* Đặng Thai Mai)

Gợi ý:

Để khẳng định ý kiến của mình. *Qua tập truyện của Nguyễn Du, người ta thấy những cảnh đáng thương nhất*

trong xã hội phong kiến, nhà phê bình văn học Đặng Thai Mai đã nêu lên các luận cứ sau:

Hạnh phúc và tình duyên tan vỡ: một gia đình tan nát dưới chế độ bất công, mối tình duyên đứt đoạn của một cặp "đôi lứa thiếu niên"

Nhân phẩm bị chà đạp: cảnh cô thiếu nữ bị mua về bán đi trên thị trường thương mại, bị đày đọa trong chốn thanh lâu, hy sinh cho thú tính của một hạng người ích kỉ,

Tài sắc bị dập vùi: cảnh người đàn bà lấy lẽ, đi làm nô tì dưới một chế độ bán nô lệ, Kiều chính là hiện thân của một giai nhân, một thiên tài bị đày đọa qua những cảnh sống éo le, đau đớn.

BÀI TẬP 3

– *Ở đoạn văn thứ nhất*, người viết muốn nêu lên vấn đề: Có nhiều *phương tiện giúp cho con người đi lại nhanh, đỡ mệt.*

– *Ở đoạn văn thứ hai*, những luận cứ được tác giả sử dụng để chứng minh cho việc đi bộ ẩu là: *"chen lấn xô đẩy" và "chen vào giữa hai người khác đi ngược chiều"*.

– *Ở đoạn văn thứ ba*, những luận cứ được tác giả sử dụng để chứng minh cho việc đi xe ẩu là:

+ *Xe mà nhảy lên hè để đi.*

+ *Phóng nhanh, vượt ẩu, đâm vào người khác.*

+ *Phóng xe ngay trên bãi cỏ công viên.*

+ *Đua xe đánh võng.*

+ *Lái xe không có bằng, say bia, say rượu, gây tai nạn rồi bỏ chạy.*

BÀI TẬP 4

Các luận cứ trong các đoạn văn hướng tới kết luận: "*Con đường của thơ ca là tình cảm, cảm xúc*":

Đoạn văn 1:

– Đôi cánh của thơ ca chính là dòng tình cảm chân thật, đằm thắm.

– Thơ ca mang tâm trạng đến với tâm trạng

– Gợi mở trong lòng ta, có những lúc nó sẽ bùng lên dữ dội.

Đoạn văn 2:

– Thơ ca là một đại dương mênh mông cảm xúc.

Đoạn văn 3:

– Ẩn chứa bên trong những suy tư, những triết lí của câu thơ đấy phải là một sự xúc cảm, một sự xúc động sâu xa về đời sống, về nhân tình thế thái của nhà văn và chính cái đó gây tác động sâu xa với người đọc.

Như vậy, những luận cứ ở đoạn 1 là phù hợp với kết luận cần hướng tới hơn cả.

BÀI TẬP 5

– Người viết kết luận rằng " *Đầy đọa Kiều là cả một xã hội*" vì tất cả những đau thương của Kiều rút cục là do con người gây ra. Đày đọa Kiều không chỉ là một người mà là bọn người khá đông.

– Luận cứ có giá trị nhất giúp người viết kết luận là:

"Đầy đọa Kiều không phải chỉ có một người như trường hợp Thạch Sanh hay Ngọc Hoa, Phạm Tải".

Đoạn văn tham khảo:

Tả một viên quan cai trị, Nguyễn Du viết: "Trông lên mặt sắt đen sì". Có thể coi đây là một trong những câu thơ hay nhất của Truyện Kiều. Chỉ có 6 chữ nhưng chứa đựng bao nhiêu căm phẫn khinh bỉ đối với bọn thống trị. Nó có sức mạnh của một cái búa tạ đập vào mặt chúng. Tại sao lại "trông lên" mà không là "trông ngang, trông vào, trông ra"? Ở đây tác giả đứng về phía nhân dân bị áp bức mà trông lên bọn thống trị ngồi trên đầu họ nhưng rồi, đốp một cái "mặt sắt" và tiếp theo "đen sì". Thật không có chữ nghĩa nào miêu tả bọn thống trị một cách gọn mà sắc hơn. Mặt sắt lạnh lùng không còn chút tình người, đạo lí. Và đen sì đến ghê tởm. Không chỉ là nghĩa của chữ mà âm của chữ *sắt*, chữ *sì* chỉ nghe thôi cũng đủ thấy tàn ác, thấy ghê người. Tác giả "đưa lên" để "quật xuống".

(*Theo* Tố Hữu)

Gợi ý:

Trong đoạn văn này, nhà thơ Tố Hữu muốn khẳng định với người đọc rằng *"Trông lên mặt sắt đen sì".là một trong những câu thơ hay nhất của Truyện Kiều.* Để đi tới được sự khẳng định này, tác giả đã dẫn ra các luận cứ sau:

Khái quát ý nghĩa chung của câu thơ: chỉ có 6 chữ nhưng chứa đựng bao nhiêu căm phẫn khinh bỉ đối với bọn thống trị. Nó có sức mạnh của một cái búa tạ đập vào mặt chúng.

Cái hay về nghĩa của những từ ngữ tiêu biểu: tại sao lại "*trông lên*" mà không là "*trông ngang, trông vào, trông ra*"? Ở đây tác giả đứng về phía nhân dân bị áp bức mà trông lên

bọn thống trị ngồi trên đầu họ nhưng rồi, đốp một cái "*mặt sắt*" và tiếp theo "*đen* sì". Thật không có chữ nghĩa nào miêu tả bọn thống trị một cách gọn mà sắc hơn. Mặt sắt lạnh lùng không còn chút tình người, đạo lí. Và đen sì đến ghê tởm.

Cái hay về âm của những từ ngữ tiêu biểu : không chỉ là nghĩa của chữ mà âm của chữ *sắt*, chữ *sì* chỉ nghe thôi cũng đủ thấy tàn ác, thấy ghê người. Tác giả "đưa lên" để "quật xuống".

BÀI TẬP 6

Những luận cứ đồng hướng trong lập luận:

– Độ ấy Thơ Mới vừa ra đời. Thế Lữ như vầng sao đột ngột hiện lên ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam.

– Thế Lữ không bàn về Thơ Mới, không bênh vực cho Thơ Mới, không bút chiến, không diễn thuyết, Thế Lữ chỉ lặng lẽ, điềm nhiên bước những bước vững vàng mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ xưa phải tan vỡ.

Luận cứ nghịch hướng trong lập luận:

Dẫu sau này danh vọng Thế Lữ có mờ đi ít nhiều, nhưng người ta không thể không nhìn nhận ra cái công của Thế Lữ đã dựng nền Thơ Mới ở xứ sở này.

BÀI TẬP NHẬN BIẾT KẾT LUẬN

BÀI TẬP 7

Kết luận trong lập luận là:

" *Quyền tự do là của quý báu nhất của loài người*".

BÀI TẬP 8

– Qua lập luận này, tác giả muốn dẫn người đọc đến kết luận: *Để cha mẹ vui lòng, con cái phải biết vâng lời dạy bảo của cha mẹ.*

– Kết luận đó được thể hiện rõ nhất ở câu: "*Nhưng muốn cho cha mẹ được vui lòng hơn nữa thì con cái phải vâng lời dạy bảo*".

BÀI TẬP 9

– Kết luận của lập luận là: *Tính ham mê cờ bạc là một tính rất xấu, nó làm cho người ta phải nhiều sự thiệt hại và mất cả phẩm giá.*

– Không thể coi câu "*Đã cờ bạc thì còn danh giá gì*" là kết luận chung mà bài văn hướng đến. Nó chỉ là một luận cứ. Lí do là bài văn nói tới nhiều tác hại của tính ham mê cờ bạc, trong đó mất phẩm giá chỉ là một tác hại.

BÀI TẬP 10

Câu kết luận của lập luận: *Cho nên có thể nói cùng là hai khúc nhạc tình yêu nhưng cái buồn trong khúc nhạc yêu đương đầu tiên là cái buồn mà vui, còn cái vui trong khúc nhạc yêu đương lần sau là cái vui mà có pha buồn.*

Những luận cứ được sử dụng trong quá trình lập luận:

+ *Cách nhau mười lăm năm, Kim Trọng nghe lại tiếng đàn của Thúy Kiều và so sánh "xưa sao sầu thảm nay sao vui vầy".*

+ *Nhưng có đúng là khúc nhạc đoạn đầu "sầu thảm" và*

khuc nhạc đoạn cuối "vui vầy" không? Sầu thảm và vui vầy, theo tôi chỉ là chủ quan của chàng Kim lúc ấy mà thôi.

+ Thật ra lần đầu tiên Thúy Kiều đánh đàn cho Kim Trọng nghe, thì còn gì hạnh phúc bằng?

+ Nếu có buồn thì đó là cái buồn của người đang yêu và được yêu mà thôi.

+ Cái buồn của những người đang hưởng hạnh phúc nhưng lại sợ hạnh phúc nửa chừng tan vỡ.

+ Còn cái vui của tiếng đàn khi tái hợp thì chỉ là cái vui của những người hết thời "hoa đương phong nhị, trăng vòng tròn gương".

+ Cái vui của lí trí đứng đắn, cái vui đã có "khóc thầm" bay rồi.

+ Làm gì có cái vui của tiếng đàn lần thứ nhất với "tiếng hạc bay qua", với "tiếng suối mới sa nửa vời"?

BÀI TẬP 11

Kết luận của đoạn văn có thể viết như sau: "Làm nghề gì, cái thời cũng rất quan trọng, đến mức "gặp thời thì hay, lỡ thời hóa dở" nhưng ta hãy cứ vững dạ mà giữ lấy nghề, vì nghề đã chắc không chóng thì chầy đều có công dụng.

Kết luận trên được rút ra trên cơ sở phân tích:

(1) Ai làm nghề gì cũng muốn nghề mình phát đạt.

(2) Nhưng gặp thời thì hay, lỡ thời hóa dở.

(3) Do đó có người thay đổi nghề "như hòn đá lăn" nên rốt cuộc hết đời vẫn chẳng có nghề nào ra nghề nào.

(4) Vì vậy, người quyết chí bền gan bao giờ họ cũng giữ lấy nghề mà họ đã theo đuổi bởi họ tin rằng nghề đã thành thì sớm hay muộn cũng có công dụng.

BÀI TẬP 12

Câu kết của lập luận là "Vì vậy, có thể nói Thơ Mới xứng đáng được mệnh danh là "một thời đại trong thi ca", một thời đại phong phú, dồi dào sức sáng tạo của hồn thơ dân tộc, của tiếng nói Việt Nam".

Mối quan hệ của các luận cứ với kết luận là quan hệ nhân quả.

(1) Tuy có nhược điểm nhưng Thơ Mới là một phong trào văn học phong phú có nhiều yếu tố tích cực.

(2) Thơ Mới thể hiện lòng yêu đất nước, yêu sự sống, yêu con người, yêu tiếng Việt thiết tha.

(3) Thơ Mới đã trau dồi tiếng Việt, làm cho ngôn ngữ thơ Việt Nam uyển chuyển, hiện đại, thể hiện được tất cả các màu sắc tâm hồn của người Việt Nam ở thế kỉ này.

(4) Thơ Mới chứa đựng nhiều năng lượng trữ tình cho những nhà thơ các thế hệ ra đời sau Cách mạng tháng Tám để biểu hiện tư tưởng và tình cảm của mình.

(5) Kết luận:...

BÀI TẬP 13

Ở đoạn văn 1, kết luận của lập luận được thể hiện rất rõ ở câu cuối: "*Ca dao trữ tình là một thiên tình ca muôn điệu*" vì câu này chứa đựng ý bao trùm của đoạn văn.

Ở đoạn văn 2, kết luận không hiện lên tập trung ở câu

nào cả. Ta phải khái quát thành một kết luận chung cho cả đoạn. Chẳng hạn: *Nhờ dùng nhiều hình ảnh theo lối hình tượng hóa mà ca dao nói được rất nhiều điều và tạo nên lời trong sáng, giản dị mà rất hàm súc.*

BÀI TẬP 14

Lập luận có kết luận hàm ẩn. Trong lập luận này, tác giả muốn đi đến kết luận: "Tác phẩm của NTT có giá trị lớn vì tác giả có cái tâm trong sáng, không hề biến thiên".

Các luận cứ đồng hướng thể hiện dưới dạng câu hỏi:

– Trong lòng không có lửa, làm sao có thể viết lên những bài có sức chiến đấu cao?

– Cái tâm không lành, làm sao truyền cảm?

– Nếu tâm ta chưa thật sáng, còn chông chênh vì bị chi phối bởi những điều tầm thường, làm sao mong mỏi những điều ta viết ra sẽ khách quan, trung thực và thật sự hữu ích cho đời.

BÀI TẬP NHẬN BIẾT CÁCH LẬP LUẬN

BÀI TẬP 15

Cách thức lập luận trong các đoạn văn là:

Đoạn văn 1: Đoạn văn được viết theo kiểu giải thích.

Đoạn văn 2: Giải thích.

Đoạn văn 3: Chứng minh.

Đoạn văn 4: Chứng minh.

Có thể tham khảo thêm một số đoạn văn mẫu sau:

Đoạn chứng minh:

1. Hồ Chí Minh là người giàu tình cảm nhân đạo, nhân đạo trong thơ thường có gốc nhân đạo ở trong đời. Hồ Chí Minh giàu tình nhân ái, luôn luôn yêu thương gần gũi con người. Cụ Béctơrăng Rutxen xem cụ Hồ Chí Minh trước hết là một nhà văn chủ nghĩa. Nhà báo Burchett viết: "Nói tới một Người mà cả cuộc đời mình để lại ân tình sâu nặng trong nhân dân thì không có ai ngoài Chủ tịch Hồ Chí Minh". Đồng chí Trường Chinh nhận xét: "Điểm nổi bật trong đạo đức của Hồ Chủ tịch là lòng thương người".

(Hà Minh Đức)

2. Chỉ với bấy nhiêu bài thôi mà tập thơ cũng đã in rõ nét phong cách Chính Hữu. Thơ Chính Hữu không ồn ào mà sâu lắng, trầm tĩnh mà thiết tha. Thơ Chính Hữu là thơ tâm tình, là những lời tâm sự chân thành. Thơ Chính Hữu không lên gân, không làm ra vẻ độc đáo, cũng không có kiểu suy nghĩ khúc mắc rắc rối mà nó chân thật bình dị như cuộc đời vậy. Thơ Chính Hữu giàu những tâm tình và nặng những suy tư.

(Diệp Minh Tuyền)

3. Trong số những nhà văn hiện thực trước cách mạng, Nam Cao là người có ý thức trách nhiệm nhất về ngòi bút của mình. Suốt cuộc đời lao động văn học, nhà văn luôn luôn suy nhĩ về "sống và viết". Nam Cao bước vào sáng tác với niềm say mê mơ mộng của một học sinh tiểu tư sản chịu ảnh hưởng sâu của phong trào lãng mạn đương thời. Nhưng anh

sớm nhận thấy tính chất giả dối, phù phiếm của thứ văn thơ "thơm tho" đó, nó rất lạc lõng và mỉa mai đối với cuộc sống lầm than của hàng triệu quần chúng nghèo khổ, của cả bản thân nhà văn. Nam Cao đã kiên quyết đoạn tuyệt với nó và tìm đến chủ nghĩa hiện thực. Với Nam Cao từ bỏ chủ nghĩa lãng mạn là từ bỏ con đường thoát li hưởng lạc ích kỉ; phản bội nhân dân lao động; lựa chọn chủ nghĩa hiện thực có nghĩa là trở về chỗ đứng của mình trong những người nghèo khổ ruột thịt.

Đoạn giải thích:

1. Trong nhà trường không phải chúng ta chỉ dạy cho học sinh các sáng tác nghệ thuật mà còn phải cung cấp cho các em những hiểu biết cũng như những kĩ năng nghị luận. Học sinh vào đời không phải có nhiều người sẽ sáng tác văn học. Phần lớn là đi vào các ngành nghề khoa học kĩ thuật, hay lao động, công tác xã hội. Những tác phẩm nghị luận mẫu mực như Tuyên ngôn độc lập sẽ là những hành trang quý báu cho các em vào đời nay mai.

(Phan Trọng Luận)

2. Nguyễn Khuyến năm lần dùng đến từ *xanh ngắt,* đặc biệt ở chùm thơ thu; cả ba bài đều dùng *xanh ngắt.* Đây không thể là điều ngẫu nhiên mà là một ám ảnh sâu sắc đối với nhà thơ. Một mặt, *xanh ngắt* vừa khái quát được cái màu xanh bất tận có thực, màu xanh có thể phân sắc thành nhiều tầng lớp được, không gì vướng cả của trời thu Việt Nam. Mặt khác, trong cái thực đã có cái hư. *Xanh ngắt* là xanh quá mức, xanh ở độ cao ngoài tầm nhìn, xanh đến mức làm nhoè cả tính từ gốc chỉ màu xanh. Vả lại, *xanh ngắt* ở đây được Nguyễn Khuyến nhìn trong một mối tương hợp, hoà điệu với

cái *trong vắt, lạnh ngắt, vắng ngắt* của ao thu, cảnh thu, hồn thu.

(Biện Minh Điền)

3. Triết lí làm cốt lõi cho thế giới quan và nhân sinh quan của Nguyễn Đình Chiểu, quán triệt toàn bộ thơ văn cũng như hành động của ông, đó là tư tưởng nhân nghĩa truyền thống. Tư tưởng nhân nghĩa với Nguyễn Đình Chiểu là một thứ chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu vì dân, vì nước, vì phẩm giá con người, chủ nghĩa nhân đạo thực tiễn gần gũi với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và xa lạ với tình thương trừu tượng khước từ đấu tranh. Nhân nghĩa không phải chỉ có yêu thương mà còn phải biết căm thù. Khi yêu thì cũng yêu hết mực mà ghét thì cũng phải "ghét cay ghét đắng, ghét vào tận tâm". Lập trường "bởi chưng hay ghét cũng là hay thương" ấy là lập trường nhân dân. Ghét áp bức bóc lột, ghét bất nhân bất nghĩa, bạo tàn như Kiệt Trụ, U Lệ làm nhân dân lầm than, khổ cực và yêu thương những người có tài vì dân vì nước.

(*Theo* Hà Huy Giáp)

BÀI TẬP 16

Cả hai đoạn văn đều được triển khai theo lối quy nạp mang ý nghĩa kết luận, đánh giá.

Đoạn văn tham khảo:

"Có người nói rằng: người thành công là do có thiên phú. Thế nhưng Traicôpxki lại nói: "Thiên tài và linh cảm không làm bạn với kẻ lười nhác". Đọc xong câu chuyện Phương Trọng Vinh do Vương An Thạch viết, ta thấy Trọng

Vinh 5 tuổi chưa hề cầm bút mà đã chỉ đâu thơ ra từ đấy ngay, đáng gọi là con người thông minh trời cho. Thế nhưng đến năm 12, 13 liền thui chột, vì không có sự phấn đấu về sau. Bởi vậy, ai đó đã có tài bẩm sinh nhưng không chịu rèn luyện thì cũng như là cái mầm cây, tuy mạnh mẽ nhưng không có đủ ánh sáng mặt trời, không đủ nước tưới và phân bón nên cũng sẽ bị thui chột đi"

(*Theo* Nguyễn Quốc Siêu)

BÀI TẬP 17

Kết luận hướng tới của đoạn văn là: Chúng ta chống bệnh chủ quan, chống bệnh hẹp hòi đồng thời cũng phải chống thói ba hoa.

Để làm sáng rõ điều đó, tác giả đã triển khai bằng phép lập luận diễn dịch theo quan hệ nhân quả. Ở đây có ba luận cứ quan hệ chặt chẽ với nhau để làm rõ nguyên nhân của việc vì sao phải chống đồng thời cả ba căn bệnh. Ba luận cứ đó được xếp theo trật tự sau:

(1) *Thói ba hoa cũng có tác hại như bệnh chủ quan hẹp hòi.*

(2) *Ba thói đó thường đi với nhau.*

(3) Vì thói ba hoa còn tức là bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi cũng chưa khỏi hẳn.

(Hồ Chủ tịch)

BÀI TẬP 18

Hai đoạn văn được viết theo kiểu quy nạp nhưng có sự khác nhau trong cách lập luận, cụ thể:

– *Đoạn thứ nhất:* Quy nạp: nhân – quả

Trong hàng nghìn năm dưới ách thống trị của phong kiến ngoại bang xâm lược, văn học bác học cổ điển của ta có những tác phẩm tiến bộ mang cốt cách dân tộc nhưng vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng thống trị ngoại bang... Trong gần một thập kỉ dưới ách áp bức bóc lột của thực dân Pháp, văn học bác học của ta bị lai căng, nhưng vẫn có những tác phẩm tiến bộ. Tuy nhiên, nền văn học bác học đó cũng không tích cực bằng văn nghệ của quần chúng... Vì vậy, muốn phát huy truyền thống dân tộc tốt đẹp, lành mạnh, phong phú và sâu sắc thì trước hết phải chú trọng đến văn nghệ của quần chúng.

Đoạn thứ hai: Quy nạp: nhận xét – đánh giá

Đứa trẻ ra đời bởi một tình yêu gắng gượng trong một gia đình không có hạnh phúc. Người bố phẫn chí, lặng lẽ trả thù số phận bằng những khói thuốc phiện, người mẹ trẻ trung tuy khao khát hạnh phúc chân thật nhưng cũng đành chịu cúi đầu trước lễ giáo phong kiến, âm thầm như chiếc bóng dưới chân tường. Gia đình sa sút rồi sụp đổ hẳn. Bố chết. Mẹ ngược xuôi tần tảo. Đứa trẻ mồ côi cha, xa tình mẹ, phải sống bơ vơ đói rách, lêu lổng trong sự lườm nguýt, đay nghiến của họ hàng và thái độ dửng dưng của xã hội. Có thể nói "Những ngày thơ ấu" (Nguyên Hồng) chủ yếu là những kỉ niệm đau buồn, tủi cực của một đứa trẻ sinh ra trong một gia đình bất hoà, phá sản và truy lạc, sớm phải sống bơ vơ, lêu lổng.

Đoạn văn tham khảo:

Có phải là linh hồn của đồng quê ta cất lên thành tiếng đó không? Có phải là linh hồn của thôn nữ ngày xưa, của những cô Tấm, những Ngọc Hoa, Cúc Hoa, những Xuý Vân

đến chết vẫn còn vương vấn trên mảnh đất này với niềm khao khát yêu thương đó chăng? Hay là chính linh hồn ta đó, hoà cùng linh hồn đất nước, cất lên thành tiếng gọi thiết tha trên đồng chiều bạt gió:

Diêu bông hời! ... ới Diêu bông!...

(Nguyễn Đăng Mạnh)

Gợi ý:

Có thể coi đây là một đoạn văn bình giảng có hình thức lập luận qui nạp theo kiểu hỏi – đáp. Về bề mặt, ta thấy đoạn văn gồm 3 câu hỏi, không có câu trả lời. Nhưng bề sâu thì ba câu vấn kia đồng thời là ba câu trả lời giả định mà cái đích là một sự qui nạp giả định ở nội dung câu 3. Nhờ hình thức này, tác giả đã nêu bật được cái "hồn" trú ẩn ở *Lá diêu bông*, cái có thể cảm thấu mà không thể lí giải hay cắt nghĩa được; cái vô ngôn, cái "siêu thơ".

Cái hay của bài thơ là chính ở cái "vô ngôn", cái "siêu thơ" ấy chăng?.

BÀI TẬP 19

Chị Dậu là một trong những nhân vật đẹp nhất về người nông dân trong văn học nước ta. Chị đã từng được ví như đóa sen quê nở trên đầm bùn của xã hội thực dân–phong kiến. Mặc dù bị bọn cường hào, địa chủ, quan lại áp bức, bóc lột nặng nề, mặc dù phải chịu những nỗi khổ đau cùng cực, song chị vẫn giữ trọn những phẩm chất quý báu của người phụ nữ Việt Nam. Với tác phẩm *Tắt đèn,* Ngô Tất Tố đã làm cho hình ảnh của chị mãi mãi sống trong tâm trí của chúng ta.

Đoạn văn được lập luận theo kiểu tổng – phân – hợp.

Có thể tham khảo thêm đoạn văn mẫu sau:

1. Số đỏ đã xây dựng được một loạt chân dung biếm họa phong phú, làm cho người đọc hình dung ra cái xã hội nhố nhăng, đồi bại thời trước. Đấy là thằng Xuân ma cà bông, bỗng chốc được xã hội này làm cho "Vua biết mặt, chúa biết tên". Đấy là mụ phó Đoan dâm đãng "thủ tiết" với hai đời chồng "mừng thầm rằng mình đã chót hư hỏng một cách có tính cách khoa học". Đấy là ông chủ hiệu may Âu hoá, là nhà thiết kế mẫu y phục đầy khêu gợi như dậy thì, ngừng tay, ỡm ờ,... Đấy còn là nhà chính trị bảo hoàng, là nhà sư Tăng Phú, là thầy thuốc Trực Ngôn đồ đệ trung thành của Phrơt. Đấy còn là bọn cảnh sát, bọn lang băm và đại diện của "Hội khai trí tiến đức", là toàn quyền và công sứ, vua ta và vua Xiêm. Tóm lại, tất cả những nhân vật nòng cốt của xã hội tư sản thành thị đều được Vũ Trọng Phụng lôi lên sân khấu trò hề "Số đỏ", tạo nên ở người đọc tiếng cười hả hê, khoái trá.

(Dẫn theo "Để học tốt văn12")

2. *Chí Phèo là một trong những truyện ngắn thành công nhất của Nam Cao về đề tài nông dân*. Khác với đa số truyện ngắn khác của Nam Cao, *Chí Phèo* đã phản ánh xã hội nông thôn trực tiếp trên bình diện đấu tranh giai cấp. Qua hình tượng Chí Phèo, một trường hợp nông dân lưu manh hoá, Nam Cao không những đã miêu tả sâu sắc, cảm động cuộc sống đày đọa của người nông dân bị đè nén, bóc lột đến cùng cực, mà còn dõng dạc khẳng định nhân phẩm của họ trong khi họ bị xã hội vùi dập đến mất cả hình người, tính người. Có thể nói *Chí Phèo đã vạch trần và phê phán mạnh mẽ cái quy luật tàn bạo, khủng khiếp trong xã hội thực dân phong kiến: con đường tha hoá những người nông dân và sự*

tàn phá tâm hồn, mất hết nhân phẩm của họ.

3. Tiếng cười trong "Tiếu lâm Việt Nam" mang rất nhiều cung bậc khác nhau. Tiếng cười ở mảng truyện về người nông dân chủ yếu để giải thoát buồn phiền, mệt nhọc cho nên cung bậc cười thật vô tư, thoải mái. Cái cười ở đây thật to, thật dữ dội, cười xong đầu óc không phải vương vấn gì cả. Ở mảng truyện về tầng lớp tiểu thương, trí thức rởm như thầy đồ, thầy lang, thầy cúng, thầy bói,... lại là nụ cười chế giễu, mỉa mai, đả kích. Cười để mà nghĩ và càng nghĩ càng cười, càng cười càng thấy chua xót hơn. Còn ở mảng truyện về bọn cường hào, quan lại, tiếng cười trở nên quyết liệt, mạnh mẽ, không khoan nhượng. Tiếng cười mang ý nghĩa chống đối, kêu gọi lật đổ, kêu gọi sự đổi thay. *Phải nói là các cung bậc cười trong truyện tiếu lâm thật phong phú, đa dạng, tiếng cười vừa là để giáo dục con người, vừa để cười cho sảng khoái, để tồn tại, để phấn đấu vươn tới cuộc sống tốt đẹp hơn.*

(*Theo* Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam)

BÀI TẬP 20

Cách lập luận của 2 đoạn văn khác nhau: Đoạn 1 được triển khai bằng lập luận tổng – phân – hợp, còn đoạn 2 được triển khai bằng lập luận diễn dịch, mặc dù hai đoạn đều là những đoạn văn chứng minh.

Ở đoạn 1, câu (1): Phong cảnh trong Truyện Kiều thường được miêu tả qua một vài nét chấm phá mang nhiều ý nghĩa tượng trưng. "Chim én đưa thoi", đó là dấu hiệu của mùa xuân *nêu nhận xét khái quát cách miêu tả phong cảnh trong Truyện kiều. Các câu (2), (3)* Mùa hè hiện ra qua tiếng

quyên kêu: "Dưới trăng, quyên đã gọi hè", hay vào lúc mà "đào đà phai thắm, sen đà nở xanh". Và khi "sân ngó cành biếc đã chen lá vàng", ấy là lúc mùa thu đã tới *là cụ thể hoá cách miêu tả đó. Câu (4)* Nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du thật tinh tế, gợi cảm biết bao! *là kết luận của đoạn văn.*

Ở đoạn 2, câu (1): Bằng ngọn bút tài tình, các nhà thơ lớn đã làm lòng ta rung động trước bao khung cảnh thiên nhiên *nêu nhận xét về sức mạnh của các cây bút miêu tả thiên nhiên tài tình. Câu (2), (3)* . Mùa xuân, với sắc hoa lê trắng điểm tô cho màu cỏ xanh non, hiện lên rất đẹp trong thơ Nguyễn Du. Còn Nguyễn Khuyến, chỉ bằng vài nét bút đơn sơ, giản dị, đã diễn tả thật tuyệt vời hình ảnh của mùa thu trên nông thôn miền Bắc *là những ví dụ về sự biểu hiện cụ thể của sức mạnh đó.*

BÀI TẬP LỰA CHỌN VÀ SẮP XẾP CÁC LUẬN CỨ

BÀI TẬP 21

– Với kết luận đã nêu có thể bỏ bớt các luận cứ: (4) *Đồng tiền chà đạp lên công lí, hạnh phúc, nhân phẩm*, (5) *Đồng tiền xô đẩy những con* người trong trắng vào vũng bùn nhơ nhớp, (6) *Hồ Tôn Hiến ngang nhiên ép gả Kiều cho một tên thổ quan. (7) Sở Khanh lừa lọc, Mã Giám Sinh chiếm đoạt, mụ Tú Bà đánh đập, Hoạn Thư sỉ nhục Kiều – một con người có phẩm giá và tài năng* vì với 4 luận cứ còn lại (1), (2), (3), (8) có thể đủ để người đọc nhận ra đấy là một xã hội thối nát.

– Có thể chọn luận cứ (2) *Một xã hội mà từ quan lại đến bọn ma cô đều ngang nhiên đầy đọa người trong trắng vô tội* và (8) *Một xã hội mà những người chiến đấu vì công lí, vì tự do như Từ Hải thì bị coi là giặc cỏ, bị hàm oan "chết đứng", còn những kẻ như Tú Bà, Bạc Hà, Bạc Hạnh thì ngang nhiên đầy đọa người lương thiện* làm thành 2 luận cứ lí lẽ

– Luận cứ (6) *Hồ Tôn Hiến ngang nhiên ép gả Kiều cho một tên thổ quan* và (7) *Sở Khanh lừa lọc, Mã Giám Sinh chiếm đoạt, mụ Tú Bà đánh đập, Hoạn Thư sỉ nhục Kiều – một con người có phẩm giá và tài năng* để làm thành 2 luận cứ thực tế, vì với các luận cứ đó đủ để làm rõ kết luận đã nêu.

Đoạn văn tham khảo:

Bộ sử kí của Tư Mã Thiên mà các nhà nho vẫn công nhận là kiểu mẫu văn hay kia nếu không phát sinh từ trong buồng gan uất ức của ông "Thái sử" kia thì ở đâu ra. Gần chúng ta hơn là các nhà tiền bối như: Nguyễn Du, Cao Bá Nhạ, Nguyễn Công Trứ, Yên Đổ, Tú Xương, Phan Sào Nam, Nguyễn Khắc Hiếu cũng vậy. Những câu văn mà hiện còn truyền tụng cũng đều biểu hiện những buồng tim đã chán chê hay tê tái với thế cuộc nhân tình. Không có một khối óc sôi nổi, không có một thế giới quan, nhân sinh quan sinh động thì không thể sản sinh được một áng danh văn.

(Đặng Thai Mai)

Gợi ý:

Đoạn văn có lập luận quy nạp nhằm làm rõ vai trò quan trọng của thế giới quan và nhân sinh quan trong sáng tạo nghệ thuật. Để đi đến kết luận đó, tác giả dùng hai luận cứ sự thực:

– Bộ sử kí của Tư Mã Thiên

– Tác phẩm của các tác giả: Nguyễn Du, Cao Bá Nhạ, Nguyễn Công Trứ, Yên Đổ, Tú Xương, Phan Sào Nam, Nguyễn Khắc Hiếu

Và một luận cứ lí lẽ: Những câu văn mà hiện còn truyền tụng cũng đều biểu hiện những buồng tim đã chán chê hay tê tái với thế cuộc nhân tình.

Luận cứ lí lẽ này nói về nguyên nhân: sở dĩ có được những kiết tác nghệ thuật vô giá là do những nhà văn, nhà thơ lớn đều có một khối óc vĩ đại và một trái tim thấm đẫm tấm lòng nhân thế.

BÀI TẬP 22

Xét về việc tổ chức các luận cứ thì cách tổ chức theo trật tự (1), (2), (3), (4) như đã cho chưa thực sự phát huy tốt hiệu lực của lập luận. Vì sau câu (1): quy về "chi tiết" để xét thì cần có câu (2) và (4) đi gần nhau để làm rõ 2 ý:

– Chi tiết của thơ là chi tiết được chắt lọc từ cội nguồn cảm xúc nhà thơ.

– Chi tiết của thơ chủ yếu hướng tới giá trị biểu hiện.

Còn câu (3) là sự cụ thể hóa hơn về giá trị của chi tiết thơ.

Vì vậy để lập luận lôgíc hơn, có thể sắp xếp các luận cứ theo trật tự (1), (2), (4), (3).

Với câu (3) *Chi tiết trong thơ có khả năng rung động lòng người, gợi lên những ý nghĩa biểu tượng vừa cụ thể, vừa khái quát* ta có được một sự xác thực hơn. Muốn cụ thể hơn nữa ta nên thêm vào một luận cứ thực tế và đặt liền sau câu (3).

Đoạn văn tham khảo:

Trước hết ta cần hiểu *cần, kiệm* là gì? (2) Cần là chăm chỉ siêng năng, luôn chịu khó làm việc. (3) *Cần* là không lười biếng, trốn tránh công việc. (4) Còn *kiệm* là tiết kiệm, là biết chắt chiu, dành dụm. (5) Trong sinh hoạt hàng ngày, kiệm là biết tiêu dùng hợp lí, chi tiêu đúng lúc, đúng chỗ, không phung phí của cải, tiền bạc một cách lãng phí. (6) *Cần* và *kiệm* là hai mặt không thể tách rời nhau, thường bổ sung cho nhau. (7) *Cần* mà không *kiệm* thì chẳng khác gì gió vào nhà trống. (8) Nếu sản xuất được bao nhiêu lại chi dùng cả bấy nhiêu, làm được đồng nào tiêu hết đồng nấy thì làm gì còn của cải, vốn liếng để dùng khi cần thiết. (9) Còn *kiệm* mà không cần thì của cải có được là bao. (10) Nếu chỉ ngồi chắt bóp từng li, từng tí để tiết kiệm mà bản thân không cần cù lao động, sản xuất thì làm gì có của cải mà dành dụm. (11) Không có *cần* thì sẽ không có cơ sở để *kiệm*. (12) Vì vậy đã *cần* thì phải *kiệm*, muốn *kiệm* thì phải *cần*.

(Hồ Chủ tịch)

Gợi ý:

Đây là đoạn văn giải thích và bình luận về khái niệm *cần* và *kiệm*.

5 câu đầu có nội dung giải thích để người đọc rõ *cần* là gì? *kiệm* là gì? Câu đầu nêu vấn đề giải thích. Câu 2,3 giải thích nội dung ý nghĩa của từ "cần": *Cần là chăm chỉ siêng năng, luôn chịu khó làm việc. Cần là không lười biếng, trốn tránh công việc.* Câu 4 và 5 giải thích nội dung ý nghĩa của từ *"kiệm": kiệm là tiết kiệm, là biết chắt chiu, dành dụm. Trong sinh hoạt hàng ngày, kiệm là biết tiêu dùng hợp lí, chi tiêu đúng lúc, đúng chỗ, không phung phí của cải, tiền bạc một cách lãng phí.*

7 câu sau có nội dung bình luận, mở rộng sự giải thích về mối quan hệ giữa cần và kiệm; xác định một thái độ đúng đắn về cần và kiệm. Câu 6: *Cần và kiệm là hai mặt không thể tách rời nhau, thường bổ sung cho nhau* là câu giới thiệu vấn đề giải thích mở rộng đó.

Câu 7,8 làm rõ tác hại của *cần* mà không *kiệm.*

Câu 9, 10 làm rõ tác hại của *kiệm* mà không *cần*

Câu 11, 12 tạo thành một kết luận về tính tất yếu phải vừa *kiệm* vừa *cần.* Đồng thời đó có thể xem là kết luận chung của toàn đoạn văn.

Căn cứ vào sự phân tích trên, ta hoàn toàn có cơ sở để tách thành hai đoạn văn: Đoạn 1 gồm 5 câu đầu; đoạn 2 gồm 7 câu còn lại.

Lưu ý thêm: Khi gặp đoạn văn có chứa nhiều luận cứ, học sinh cần phải biết phân tích các mối quan hệ nội tại về lôgíc và về ngữ nghĩa giữa từng luận cứ hoặc từng cụm luận cứ để có cơ sở cho việc tạo những đoạn văn ngắn gọn dễ hiểu mà vẫn hoàn chỉnh.

BÀI TẬP 23

Với kết luận đã nêu, ta có thể bỏ bớt các luận cứ (1) *Không có tình yêu thì cuộc sống sẽ thành đêm tối*, (4) *Rômeô và Juliet; Kim Trọng và Thuý Kiều là những người dám chống...*, (6) *Trên đời không có tình cảm nào đẹp bằng tình yêu.* Lí do: Luận cứ (1) không phù hợp với kết luận. Luận cứ (4) nói lên những hành động bảo vệ tình yêu cao đẹp chứ không phải nói rằng tình yêu là tình cảm "cao đẹp" và "mang lại sức mạnh" nên cũng có thể lược bỏ. Luận cứ (6) chứa đựng ý đã nêu ở luận cứ (2) nên để lại sẽ trùng lặp, gây ra sự luẩn quẩn cho lập luận.

Như vậy, có thể để lại các luận cứ (2) Con người có rất nhiều tình cảm đẹp: tình bạn, tình đồng chí, tình quê hương,... nhưng tình cảm đặc biệt nhất là tình yêu . (3) Tình yêu sẽ làm cho chúng ta yêu đời, yêu người hơn. (5) Tình yêu giúp cho con người vượt qua mọi trở lực, xây dựng cuộc sống cao quý có ý nghĩa.

BÀI TẬP 24

Sắp xếp lại các luận cứ theo hiệu lực tăng dần với kết luận:

(1) Xuân Diệu làm thơ để thả hồn vào thế giới, tìm đến với những tâm hồn đồng điệu. (2) Xuân Diệu tận dụng mọi cơ hội để được tiếp xúc với bạn đọc ở mọi nơi, mọi lúc để thoả mãn niềm khát khao giao cảm mãnh liệt với đời.(3) Thơ chưa đủ thoả mãn niềm khát khao giao cảm với đời, Xuân Diệu còn sáng tác văn xuôi, bút kí, tuỳ bút, truyện ngắn, nghiên cứu phê bình văn học. (4) Xuân Diệu khai thác triệt để mọi cách để tiếp xúc với đời, để đáp ứng nhu cầu giao cảm với đời.

Đoạn văn tham khảo:

(1) Đi chệch hẳn khỏi sự đoán trước thông thường tác giả dân gian đã dùng "ánh trăng" vào chỗ vốn là của "nước" (*Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi*) nên đã làm cho khả năng đoán trước sự xuất hiện của từ *ánh trăng* rất thấp. (2) Và sự bất ngờ này làm cho lượng thông tin trong *từ ánh trăng* lớn hơn hẳn. (3) Nhưng điều quan trọng nhất là chính sự kết hợp lâm thời buộc phải chấp nhận này (*múc ánh trăng*) đã làm nảy sinh rất nhiều ý nghĩa mới mẻ và buộc ta phải nghĩ tới; làm cho sự thưởng thức trở nên thú vị hẳn. (4) Đấy chính

là lúc xuất hiện cảm xúc mang tính mĩ học.

(*Dựa theo* Nguyễn Phan Cảnh)

Gợi ý:

Đoạn văn trên có hình thức của một lập luận quy nạp. Câu 4 là một kết luận về cảm xúc mang tính mĩ học. Để đi đến kết luận đó, người tạo đoạn văn đã dùng 3 luận cứ có liên quan móc xích tăng tiến; theo đó mỗi luận cứ có được một hiệu lực lập luận tăng dần so với kết luận.

Luận cứ 3: *Nhưng điều quan trọng nhất là chính sự kết hợp lâm thời buộc phải chấp nhận này (múc ánh trăng) đã làm nảy sinh rất nhiều ý nghĩa mới mẻ, buộc ta phải nghĩ tới; làm cho sự thưởng thức trở nên thú vị hẳn.* là luận cứ có hiệu lực lập luận cao hơn cả.

BÀI TẬP 25

Để tổ chức các luận cứ phục vụ kết luận: "sách là thầy, là bạn của ta", với các luận cứ cho sẵn, ta có thể sắp xếp trật tự theo các cách sau:

Cách 1: (1), (3), (5), (2), (4), (6).

Có thể nói rằng sách là thầy, là bạn của ta. Sách mở ra một thế giới bao la vô tận trước mắt ta trong đó có bao điều mới lạ mà ta chưa hiểu; nhiều tình cảm cao quý mà ta mong muốn; nhiều nhân vật mà ta yêu quý. Ta có thể học trong cuộc sống nhưng cũng có thể học trong trang sách. Sách nâng đỡ suy nghĩ của ta, động viên khích lệ chúng ta. Khi buồn, khi vui, khi cần tìm một lời giải đáp cho cuộc sống ta đều có thể tìm đến với sách. Muốn trưởng thành chúng ta phải tôn trọng giá trị của sách và ngày ngày phải miệt mài

đọc sách.

Cách 2: (3), (5), (2), (4), (1), (6).

Sách mở ra một thế giới bao la vô tận trước mắt ta trong đó có bao điều mới lạ mà ta chưa hiểu; nhiều tình cảm cao quý mà ta mong muốn; nhiều nhân vật mà ta yêu quý. Ta có thể học trong cuộc sống nhưng cũng có thể học trong trang sách. Sách nâng đỡ suy nghĩ của ta, động viên khích lệ chúng ta. Khi buồn, khi vui, khi cần tìm một lời giải đáp cho cuộc sống ta đều có thể tìm đến với sách. Có thể nói rằng sách là thầy, là bạn của ta. Muốn trưởng thành chúng ta phải tôn trọng giá trị của sách và ngày ngày phải miệt mài đọc sách.

Cách 3: (1), (2), (5), (3), (4), (6).

Có thể nói rằng sách là thầy, là bạn của ta. Sách nâng đỡ suy nghĩ của ta, động viên khích lệ chúng ta. Ta có thể học trong cuộc sống nhưng cũng có thể học trong trang sách. Sách mở ra một thế giới bao la vô tận trước mắt ta trong đó có bao điều mới lạ mà ta chưa hiểu; nhiều tình cảm cao quý mà ta mong muốn; nhiều nhân vật mà ta yêu quý. Khi buồn, khi vui, khi cần tìm một lời giải đáp cho cuộc sống ta đều có thể tìm đến với sách. Muốn trưởng thành chúng ta phải tôn trọng giá trị của sách và ngày ngày phải miệt mài đọc sách.

Đoạn văn tham khảo:

Ý nghĩa của từ biểu thị những sự vật và hiện tượng của đời sống thực tế và đời sống tâm lí con người. (2) Người ta có thể hiểu biết về một đối tượng nào đấy không có trước mắt khi nhắc đến cái tên gọi của nó. (3) Như vậy là có mối liện hệ của từ và các đối tượng phức tạp của đời sống. (4) Từ phản ánh các đối tượng và hiện tượng của thế giới khách quan nhưng sự phản ánh này không trực tiếp, không như cái ảo

ảnh trong gương. (5) Trong khi chỉ những đối tượng riêng thì đồng thời từ lại khái quát hóa. (6) Đó là đặc điểm quan trọng nhất của từ.

(Đỗ Hữu Châu)

Gợi ý:

Đây là đoạn văn giải thích có lập luận tổng – phân – hợp. Câu 1 là một phán đoán khái quát về ý nghĩa của từ; câu 2,3,4,5 tạo nên 2 luận cứ để giải thích làm rõ kết luận khái quát nêu ở câu đầu; câu 6 là một kết luận mới rút ra sau khi đã giải thích, đã phát triển bằng những luận cứ móc xích với nhau. Từ đó, trật tự của các câu 2,3,4,5 (hay nói cách khác 2 luận cứ) không thể tùy tiện thay đổi. Nó sẽ dẫn đến kết luận cuối cùng mà nếu phát biểu đầy đủ có thể diễn đạt như sau: Đặc điểm quan trọng nhất của từ về mặt ý nghĩa là vừa chỉ đối tượng cụ thể (riêng) lại đồng thời có ý nghĩa khái quát hóa.

BÀI TẬP 26

Cách lập luận thứ ba chặt chẽ hơn cả vì nó tạo được các mối quan hệ ngữ nghĩa rất rõ mà ta có thể biểu diễn như sau:

Tác phẩm văn chương:

– là một sự sáng tạo đích thực.

– không phải là mô phỏng.

– không đi theo lối mòn công thức.

– suy nghĩ, tìm tòi mang lại cái mới, độc đáo về nội dung tư tưởng.

– tìm ra những gì chưa có.

Từ đó người đọc dễ dàng thừa nhận kết luận bằng lôgíc lập luận trên dẫn tới: Nghệ thuật là sự sáng tạo đích thực.

Các cách lập luận (1) và (2) sở dĩ không thuyết phục là vì các luận cứ trong quan hệ với nhau (do cách sắp xếp) đã không làm hiện lên mối quan hệ lôgíc ngữ nghĩa chủ yếu: tác phẩm văn chương = sự sáng tạo đích thực và sự sáng tạo đích thực = tìm ra cái mới lạ chưa có về nội dung và hình thức. Từ đó, khi lập luận, để thuyết phục người đọc, nội dung của các luận cứ rất quan trọng nhưng sự sắp xếp các luận cứ nhiều khi cũng quan trọng không kém.Vì lời lẽ hay đến mấy mà được nói ra một cách rườm rà lộn xộn thì cũng khó thuyết phục người nghe. Đây cũng là điều học sinh phải chú ý.

BÀI TẬP 27

Các luận cứ đưa ra đều hướng tới kết luận chung: "*Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là một cuộc đấu tranh vô cùng gay go và gian khổ*" nhưng sự sắp xếp các luận cứ ở đây còn lộn xộn. Vì vậy, phải sắp xếp chúng lại như sau:

Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu là một cuộc đấu tranh vô cùng gay go và gian khổ. (2) Đấu tranh để không bị gục ngã trước số phận khắc nghiệt và tàn bạo. (3) Đấu tranh để chống lại những lưới bẫy của kẻ thù, những thành kiến lỗi thời của xã hội. (4) Đấu tranh với bên ngoài, đấu tranh với cả bản thân trước những ảnh hưởng tiêu cực của nho giáo để trở thành người nghệ sĩ của nhân dân. (5) Nguyễn Đình Chiểu đã đấu tranh không phải chỉ để giữ mình mà để khẳng định vị trí chiến đấu của bản thân mình trong cuộc đời với tư cách người trí thức, người nghệ sĩ.

Đoạn văn tham khảo:

Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến nhưng đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào địa chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi nồng nàn yêu nước.

(Hồ Chí Minh)

Gợi ý:

Để làm sáng tỏ kết luận: *Đồng bào ta ngày nay có một lòng nồng nàn yêu nước, rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước*, tác giả dùng 3 luận cứ:

Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến đồng bào ở vùng tạm bị chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước ghét giặc.

Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc đặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhịn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ săn sóc yêu thương bộ đội như con đẻ của mình.

Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào địa chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ...

Tuy các luận cứ ấy có quan hệ song song nhưng theo lôgíc tiếp nhận thông thường, ta chỉ có thể sắp xếp theo trật tự: (1), (2), (3) hoặc (2), (3), (1) chứ không thể xếp tuỳ tiện: (3), (1), (2) hoặc (2), (1), (3))

BÀI TẬP 28

Ý nghĩa khẳng định của kết luận về giá trị tố cáo của *Truyện Kiều* ở hai đoạn văn khác nhau. Sự thay đổi đó là do cách sắp xếp trật tự của các luận cứ khác nhau. Đi vào cụ thể, lập luận đoạn văn 2 có hiệu quả hơn trong việc làm sáng rõ giá trị tố cáo của *Truyện Kiều*. Lí do là các luận cứ được sắp xếp theo một trật tự lôgíc vừa chặt chẽ vừa dễ tiếp nhận hơn. Sau câu (2) nói về cội nguồn của bi kịch là đồng tiền thì câu (3): "*Chủ đề về đồng tiền là chủ đề nổi bật và xuyên suốt toàn bộ tác phẩm*" là hợp lí, dễ theo dõi. Từ đó các câu tiếp theo đi vào từng phương diện tác hại hoặc biểu hiện sự tác oai, tác quái của đồng tiền. Sau khi chỉ ra hết các biểu hiện, tác giả đủ lí do để có thể đưa câu (8): "*Giá trị tố cáo của Truyện Kiều chính là ở chỗ đó*" vào vị trí cuối đoạn.

Từ cách phân tích trên, có thể thấy ở đoạn văn 1, trật tự sắp xếp như đoạn văn dưới đây mới hợp lôgíc: khái quát – cụ thể; rộng – hẹp.

Truyện Kiều là tấn bi kịch về cuộc đời, về thân phận người con gái tài sắc vẹn toàn. Bi kịch ấy, như chúng ta đã phân tích ở trên, rõ ràng do đồng tiền đưa tới. Chủ đề về

đồng tiền đã bao phủ trong toàn bộ tác phẩm Đồng tiền đã phát huy thế lực vạn năng của nó. Đồng tiền đã tác yêu, tác quái trong xã hội, làm đảo ngược công lí, đã biến con người thành món hàng mua đi bán lại, đã chà đạp lên những tình cảm thiêng liêng nhất của con người. Tài tình, hiếu hạnh như Kiều cũng chỉ là một món hàng, không hơn không kém. Tài hoa, nhan sắc, tình nghĩa, nhân phẩm, công lí đều không còn nghĩa gì trước thế lực của đồng tiền. Người đọc thấy ghê tởm với cái thực trạng xã hội phong kiến thế kỉ XVIII với vị trí ngự trị của đồng tiền, đồng tiền điều hành tất cả. Giá trị tố cáo của Truyện Kiều chính là ở chỗ đó.

BÀI TẬP 29

Để thuyết phục người đọc về kết luận: "*Nam Cao viết về người nông dân rất chân thực, sâu sắc*" ta nên bỏ luận cứ (6) và (3) vì luận cứ (3) không cần lắm, còn luận cứ (6) không phù hợp với kết luận. Số luận cứ còn lại có thể xếp theo trật tự (2), (4), (1), (5). Cụ thể:

Nam Cao viết về người nông dân rất chân thực, sâu sắc. Tác giả đã phản ánh khá chân thực những nỗi thống khổ cùng cực của người nông dân vùng Bắc bộ. Ông phát hiện những nét phẩm chất, đức tính đẹp ẩn náu đằng sau cái bề ngoài xấu xí, quê mùa cũng như đằng sau cái khốn khổ lầm than của họ. Tác giả đi vào phân tích để chỉ ra những bế tắc hằn sâu trong nếp cảm nhận, suy nghĩ của nhiều cảnh ngộ, số phận bất hạnh của số đông nông dân thời trước Cách mạng. Đáng nói nhất là Nam Cao đã phản ánh được những bi kịch của người nông dân.

BÀI TẬP 30

Những luận cứ nghịch hướng với kết luận:

– Tuy nhiên, tác phẩm này đã có lúc phải gánh chịu những lời đánh giá hẹp hòi, định kiến.

– Có người trong lúc kết án tác phẩm của Vũ Trọng Phụng "khiêu dâm" đã xếp "Số đỏ" cùng với "Lục xì", "Làm đĩ".

– Lại có người thu hẹp nội dung "Số đỏ" vào việc phê phán phong trào Âu hóa, vui vẻ, trẻ trung của nhóm "Ngày nay".

– Lại có người do không hiểu nghệ thuật phóng đại trong biếm họa, đã coi Xuân tóc đỏ là một con rối do Vũ Trọng Phụng giật dây đi ngật ngưỡng giữa cuộc đời đen bạc.

Có thể sắp xếp lại như sau:

(1) Vũ Trọng Phụng đã thành công xuất sắc trong tiểu thuyết hoạt kê "Số đỏ". (2) Một số nhà nghiên cứu nước ngoài lại thích "Số đỏ" hơn cả "Giông tố" và "Vỡ đê". (3) Tuy nhiên, tác phẩm này đã có lúc phải gánh chịu những lời đánh giá hẹp hòi, định kiến. (4) Có người trong lúc kết án tác phẩm của Vũ Trọng Phụng "khiêu dâm" đã xếp "Số đỏ" cùng với "Lục xì", "Làm đĩ". (5) Lại có người thu hẹp nội dung "Số đỏ"vào việc phê phán phong trào Âu hóa, vui vẻ, trẻ trung của nhóm "Ngày nay". (6) Lại có người, do không hiểu nghệ thuật phóng đại trong biếm họa, đã coi Xuân tóc đỏ là một con rối do Vũ Trọng Phụng giật dây đi ngật ngưỡng giữa cuộc đời đen bạc. (7) Bài viết này muốn góp phần trả lại cho "Số đỏ" cái giá trị đích thực của nó, cái vị trí quan trọng của nó trong toàn bộ văn nghiệp của Vũ Trọng Phụng.

Đoạn văn tham khảo:

Chịu ảnh hưởng của câu tục ngữ "Im lặng là vàng" có người đã cho rằng trong mọi trường hợp im lặng có giá trị hơn mọi lời nói. Sự thật không phải như vậy. Kinh nghiệm cho biết tuỳ trường hợp mà im lặng hoặc lời nói biểu hiện được giá trị hoặc ưu thế của nó. Gặp khó khăn gian khổ mà không lên tiếng oán trách hoặc thở than là thái độ thường có của người dũng cảm. Khi tư tưởng tình cảm đã đạt đến mức cao sâu tinh tế, lời nói mất hiệu lực diễn đạt và im lặng có ngôn ngữ riêng của nó. Nói như tác giả Tì Bà Hành: "Thử thời vô thanh thắng hữu thanh". Thế nhưng biết điều hay điều phải không chịu nói ra là thái độ thường thấy ở hạng người ích kỉ. Thấy tội ác nhởn nhơ bất công hoành hành mà im lặng là cầu an hèn nhát. Im lặng và lời nói đều có giá trị nếu được sử dụng đúng chỗ.

(*Theo* Trần Thanh Đạm)

Gợi ý:

Kết luận của đoạn văn hướng tới là: *Im lặng và lời nói đều có giá trị nếu được sử dụng đúng chỗ.*

Như vậy, trong đoạn văn, luận cứ : *trong mọi trường hợp im lặng có giá trị hơn mọi lời nói* là luận cứ nghịch hướng với kết luận trên.

BÀI TẬP 31

Tác giả viết đoạn văn này là để giải thích vì sao "Bác không làm văn mà văn vẫn đến với Người". Vì vậy nếu bỏ luận cứ (3) thì lập luận bị "đứt gãy" vì luận cứ (2) mới chỉ cho người ta hiểu "*tâm hồn cao đẹp, biểu hiện chân thật vẫn là thứ văn cao nhất xưa nay*" nhưng chưa đủ để thấy rằng tâm hồn của Bác là một "*tâm hồn cao đẹp*", "*nơi gặp gỡ của*

những tinh hoa nhân loại". Phải nhờ luận cứ (3) điều đó mới được cảm nhận đầy đủ và từ đấy chúng ta mới có cơ sở hơn để đi đến kết luận của toàn đoạn. Nếu thêm luận cứ mới thì cần thêm luận cứ sự thực, tức là biểu hiện cụ thể của việc "vấn vẫn đến với Người" trong thơ văn Hồ Chủ Tịch. Chẳng hạn, có thể viết thêm:

Ngay cả trong cảnh ngộ gông cùm mà thơ Bác vẫn đầy trăng và các hình ảnh thiên nhiên; ngay cả trong khi bận rộn muôn vàn việc kháng chiến mà Bác vẫn viết nên những vần thơ, vừa lãng mạn vừa thi vị biết bao. Đó không phải là những lời ca cất lên từ một trái tim, một tâm hồn giàu có hay sao?

Đoạn văn tham khảo:

(1) Nguyễn Du ghét cay ghét đắng cái bọn có quyền có thể ỉ vào đồng tiền để đẩy Kiều tới chỗ tan nát cuộc đời. (2) Nguyễn Du ghét đám sai nha bắng nhắng, hách dịch, độc ác, dơ dáy. (3) Chúng ập vào nhà họ Vương như một lũ "ruồi xanh" gây nên tai họa. (4) ở đâu chúng cũng dở trò vòi vĩnh của cải, tiền bạc. (5) Tiền bạc đã choán hết lương tri, choán hết tâm hồn chúng. (6) Chúng đâu có nghĩ đến nỗi oan ức của gia đình họ Vương. (7) Nguyễn Du cũng ghét cay ghét đắng bọn Ưng Khuyển, ghét cay ghét đắng bọn buôn thịt bán người. (8) Và cái ông quan Hồ Tôn Hiến, dưới ngòi bút của Nguyễn Du cũng chỉ là ông quan "*Lại cho mặt sắt cũng ngây vì tình*". (9) Đối với bọn này, tài tình, hiếu hạnh như Kiều cũng chỉ là một món hàng buôn qua bán lại.

Gợi ý:

Đây là đoạn văn có hình thức lập luận diễn dịch. Kết luận hướng tới là làm rõ nội dung: "*Nguyễn Du ghét cay ghét đắng cái bọn có quyền có thể ỉ vào đồng tiền để đẩy Kiều tới*

chỗ tan nát cuộc đời". Với kết luận này, nếu cần thu gọn đoạn văn thì ta chỉ cần giữ 3 luận cứ gắn với các câu:

– Nguyễn Du ghét cay ghét đắng cái bọn có quyền có thể ỉ vào đồng tiền để đẩy Kiều tới chỗ tan nát cuộc đời.

– Nguyễn Du cũng ghét cay ghét đắng bọn Ưng Khuyển, ghét cay ghét đắng bọn buôn thịt bán người.

– Và cái ông quan Hồ Tôn Hiến, dưới ngòi bút của Nguyễn Du cũng chỉ là ông quan "*Lại cho mặt sắt cũng ngây vì tình*".

Với đoạn văn này ta có thể giữ lại câu 9, vì nó có hình thức của một kết luận nhỏ về bản chất chung của những hạng người đã nêu ở 3 luận cứ trên.

BÀI TẬP 32

– Hai luận cứ (1) và (2), ba luận cứ (3), (4), (5) phải đi liền nhau trong đoạn văn là vì nó tạo nên các mối quan hệ ngữ nghĩa thích hợp dựa trên sự diễn đạt các nội dung gần gũi nhau. Cụ thể, luận cứ (1), (2) chỉ các tình thế hiện tại mà giặc Minh lâm vào (tình thế ở trong thành, tình thế nếu viện binh tới cũng bị bắt). Còn luận cứ (3), (4), (5) lại nói về việc triều chính nhà Minh trong nước lâm vào nguy cơ: không ổn về quân sự, chính trị,... nên không rỗi lo cho giặc Minh ở Đông Quan. Đó là lí do mà tác giả phải sắp xếp các luận cứ như vậy và cũng nhờ đó người đọc dễ tiếp nhận hơn.

– Nếu cho luận cứ (6) xếp lên đầu hoặc chèn vào giữa các luận cứ khác thì đoạn văn không còn chặt chẽ nữa. Lí do là các luận cứ trước nó tạo nên ý chung để nói thật rõ các tình thế giặc Minh tự lâm vào, khó thay đổi. Sau khi có được ý chung ấy rồi mới thêm luận cứ (6) nói về cái thế tất thắng của ta. Do đó tạo được quan hệ nghĩa như sau: các ông đã

thế (đã tự lâm vào thế cùng, không đánh cũng thua) nay gặp sức mạnh, sự anh hùng của nghĩa binh Lam Sơn thì tất yếu bị diệt vong. Tất nhiên điều Nguyễn Trãi mong muốn là chỉ ra cho địch thấy cái thế thua "hai năm rõ mười" đó để thuyết phục chúng đầu hàng.

BÀI TẬP 33

Đoạn văn được triển khai bằng cách lập luận tương phản. Nếu lược bỏ tối đa mà đoạn văn còn lại vẫn giữ được lập luận tương phản thì ta có thể bỏ các câu: (2) *Các cụ băng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya, ta nao nao vì tiếng gà lúc đúng ngọ. (3) Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ các cụ coi như đã làm một việc tội lỗi, ta thì cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. (4) Cái ái tình của các cụ là sự hôn nhân nhưng với ta thì trăm hình muôn trạng,...* để chỉ còn một câu (tất nhiên đó là về mặt lí thuyết).

Sở dĩ ta dễ dàng lược bỏ như vậy là vì cấu trúc so sánh tương phản nó vẫn tồn tại trong từng câu và câu nào cũng hiện lên hai đối tượng được đối chiếu.

Kết luận chung nhất là cảm xúc của các nhà thơ thuộc "Thơ Mới" có nhiều điểm mới trong cách nhìn cuộc sống. Theo lôgíc của cấu trúc này, kết luận trên có thể vẫn phù hợp với *đoạn văn đã lược bỏ*, có điều chỉ với một luận cứ thì kết luận kia chưa đủ sức thuyết phục, nên tác giả phải mở rộng thêm khuôn khổ đoạn văn.

BÀI TẬP 34

Có thể đã rút ra bốn luận cứ sau:

– Khổ vì phải chiêu đãi thường xuyên.

– Chiêu đãi không chỉ đối tác làm ăn mà cả bạn bè họ hàng của họ.

– Còn phải phong bì đều đều mỗi tháng cho cả vợ con họ nữa.

– Không đút lót nhiều, "nôn đậm" là không làm ăn nổi.

(*Theo* Nguyễn Đức Dân)

Đoạn văn tham khảo:

Ở Việt Nam chúng tôi, thơ ca không thể tách rời cuộc sống. Trước hết, nó phải có ích. Thơ ca cần thiết như mặt trời, cần thiết ánh sáng, cần thiết hoa lá, vũ khí. Ý nghĩa thơ ca theo quan điểm của tôi, ở chỗ nào? Tôi biết rằng cuộc đời của con người rất ngắn – không hơn một trăm tuổi. Không thể kéo dài cuộc sống của con người. Nhưng có thể làm cho nó sâu xa hơn, có nội dung hơn. Chỉ trong mười phút có thể sống cả một năm, có thể cả một thế kỉ nữa. Thơ ca không kéo dài cuộc sống con người nhưng nó làm cho cuộc sống có một dung tích lớn hơn. Thêm vào đó trong nước tôi, nơi mà cuộc sống và cái chết đang đan nhau, chiến tranh và hoà bình đan nhau, thơ ca đối với chúng tôi cực kì cần thiết như một người cố vấn , như người yêu, người mẹ an ủi chúng tôi. Nhân dân không thể sống không có thơ ca cũng như không có vũ khí...

(Chế Lan Viên)

Gợi ý:

Trên đây là một đoạn bình luận có hình thức của một lập luận tổng – phân – hợp nhằm làm sáng tỏ kết luận: *Ở Việt Nam, thơ ca không thể tách rời cuộc sống.* Phần khai triển gồm có 10 câu, nhưng kì thực chỉ có 3 luận cứ sau:

Thơ ca là cái có ích và cần thiết đối với cuộc sống.

Thơ ca làm cho cuộc sống mỗi con người trở nên sâu sắc hơn, có một "dung tích" lớn hơn.

Thơ ca là người cố vấn, người yêu, người mẹ... an ủi mỗi người.

Câu cuối cùng: *Nhân dân không thể sống không có thơ ca cũng như không có vũ khí...có hình thức của một kết luận phát triển.*

BÀI TẬP 35

– Luận cứ (5) nghịch hướng với kết luận.

– Có thể sắp xếp số luận cứ còn lại để làm rõ kết luận: "Nghệ thuật có giá trị phải là nghệ thuật hiện thực và nhân đạo" như sau:

Nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối. Tiểu thuyết là sự thực ở đời. Nghệ thuật phải là tiếng đau khổ thoát ra từ những kiếp lầm than. Tác phẩm văn học phải ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình.

Đoạn văn tham khảo:

Thép trong thơ Bác, *thép* của lòng yêu tự do. Bác là con người tự do và chiến đấu để bảo vệ tự do. mười hai lần nhắc đến chữ "tự do" trong *Nhật kí trong tù* là mười hai lần Bác nói lên ý nghĩa cao quý của độc lập, tự do. Trong Nhật kí trong tù, *thép* còn là ở nghị lực phi thường, cái ung dung điềm đạm của con người mắt nhìn thấu tương lai, tay nắm vững chân lí. Bị giam và bị giải đi hơn bốn chục nhà lao, Bác vẫn sống lạc quan tin tưởng ở thắng lợi ngày mai. Trong thơ ca kháng chiến của Người, ta cũng thấy chất thép ấy. Cuộc sống ở chiến khu bận rộn, gian khổ về vật chất nhưng ta vẫn

thấy cái ung dung, thanh thoát của một con người đang làm nhiệm vụ trọng đại của lịch sử:

Non xa xa nước xa xa
Nào phải thênh thang mới gọi là
Đây suối Lênin, kia núi Mác
Hai tay gây dựng một sơn hà.

(Ôn thi văn học – Tập 2)

Gợi ý:

Trên đây là một đoạn văn bình luận để làm rõ chất thép trong thơ Bác. Nó thể hiện ở 3 phương diện:

Lòng yêu tự do và khát vọng chiến đấu bảo vệ tự do.

Lòng lạc quan tin tưởng và nghị lực phi thường.

Phong thái ung dung, thanh thoát của một tâm hồn tự do, lãng mạn.

Trong thơ của Bác, nhất là trong Nhật kí trong tù không phải không có những câu thơ nói về nỗi khổ đau, nỗi buồn,... Vì vậy, HS có thể dựa vào những nội dung đó để tạo thêm những luận cứ nghịch hướng đưa vào đoạn văn trên. Nhưng lưu ý: những luận cứ đó phải trở thành các điều kiện giúp cho sự khẳng định về một trong 3 phương diện trên mạnh mẽ hơn.

BÀI TẬP LỰA CHỌN VÀ SẮP XẾP KẾT LUẬN

BÀI TẬP 36

– Kết luận (3): "*Bất kể là ai, già hay trẻ hễ có học vấn*

thì đó là người thầy mà ta phải học" là phù hợp hơn cả với các luận cứ trong lập luận.

– Kết luận (1): "*Thầy giáo là người truyền đạo lí, giải đáp những vấn đề khó khăn thắc mắc*" mới nói về phương diện chức năng, nhiệm vụ chứ chưa nói đầy đủ các phương diện khác đã có đề cập trong các luận cứ.

– Kết luận (2): "*Ai có học vấn thì người đó là thầy mà ta phải học*" chỉ mới nêu về mặt học vấn.

Do đó, cả hai kết luận này không phù hợp bằng kết luận (3).

BÀI TẬP 37

Đoạn 1 ta có thể chuyển đổi vị trí kết luận và đoạn văn được viết lại như sau:

Tư duy thơ của Chế Lan Viên thường xem xét sự vật trong những mối quan hệ đối lập: quá khứ – tương lai; dân tộc – nhân loại; cái bi – cái hùng; yêu thương – căm thù; tĩnh – đậm; còn – mất... Bằng cách đặt các hiện tượng tương phản, đối lập với nhau, bên cạnh nhau, nhà thơ đã làm nổi rõ bản chất và quy luật phát triển của nó, gây được hứng thú thẩm mĩ bất ngờ. Đó chính là một nét đặc trưng dễ nhận thấy trong tư duy nghệ thuật của Chế Lan Viên.

– *Nhận xét*: Hiệu quả lập luận của đoạn văn này cao hơn so với đoạn văn đã cho vì nó định hướng rõ nội dung trình bày với người đọc ngay từ đầu đoạn.

Đoạn văn tham khảo:

Sự xuất hiện anh hàng thịt và cái chết của anh ta cũng chỉ là điều kiện cần thiết phải có để giải quyết vấn đề *cải lão hoàn sinh* đối với Trương Ba mà thôi. Thiếu nhân vật này và

cái chết của anh ta thì Đế Thích sẽ phải bó tay không cứu cho Trương Ba sống lại được. Bởi vì, Trương Ba "chết đã trăm ngày, xác đã rữa ra" Đế Thích mới biết. Không có xác anh hàng thịt vừa mới chết thì hồn Trương Ba không có nơi nương tựa tồn tại.

(Hoàng Tiến Tựu)

Gợi ý:

Đây là một đoạn văn diễn dịch. Câu đầu là một kết luận khái quát hoá vai trò chức năng của anh hàng thịt trong truyện. Các câu sau giải thích lí do của sự tồn tại của kiểu nhân vật này.

Đoạn văn này không thể chuyển thành đoạn quy nạp vì câu thứ hai: *Thiếu nhân vật này và cái chết của anh ta thì Đế Thích sẽ phải bó tay không cứu cho Trương Ba sống lại được* không thể đứng đầu đoạn, câu thứ ba: *Bởi vì, Trương Ba "chết đã trăm ngày, xác đã rữa ra" Đế Thích mới biết* không thể đứng đầu kết luận.

Các em cần đọc kĩ hình thức ngôn ngữ của các loại câu đó.

BÀI TẬP 38

Câu kết của lập luận nằm ở vị trí cuối đoạn văn. Nếu đảo lên vị trí đầu đoạn thì hiệu quả lập luận của đoạn văn sẽ thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn vì nó tạo nên được sự chặt chẽ của một lập luận nhân quả (nguyên nhân là "*Chủ nghĩa nhân đạo của Nam Cao thật to lớn và thật khác người*", kết quả là "*Thị Nở đã bảo toàn cho mình những phẩm chất "nhân chi sơ tính bản thiện" của giống người: thiên lương, thiên chức, thiên năng – lớp bản chất nằm ở bề*

sâu khuất chưa bị tha hóa. Cho nên, Thị Nở đã thoát ra khỏi cái lốt bọc xấu xí ấy để trở thành một người đàn bà đáng kính".

Đoạn văn tham khảo:

Nghệ thuật là một quy luật tình cảm. Tình cảm là đối tượng miêu tả, là nội dung biểu hiện của nghệ thuật. Hơn thế nữa, nó là chất men, là động lực làm cho cảm xúc bình thường, một ý nghĩ, một tư tưởng, một điều quan sát được có thể chuyển thành bức tranh, lời thơ, nốt nhạc. Trong nghĩa đó, rõ ràng không có tình cảm cũng sẽ không có nghệ thuật. Tình cảm vừa là chất men sáng tạo, vừa là con đường nối liền tác giả với công chúng, đưa tác phẩm đến với người đọc, người xem. Khả năng tác động vô cùng to lớn của nghệ thuật, sở dĩ có được một phần cũng do nó gắn liền với tình cảm, thông qua tình cảm.

(Lê Trí Viễn)

Gợi ý:

Kết luận của đoạn văn này được nêu lên ở câu đầu: *Nghệ thuật là một quy luật tình cảm*. Nhưng căn cứ vào tính chất lập luận cụ thể của đoạn văn, ta có thể đưa kết luận này xuống cuối đoạn mà hiệu quả lập luận vẫn không thay đổi.

BÀI TẬP 39

Đọc thơ Nguyễn Trãi, nhiều khi người đọc khó mà biết có đúng là thơ Nguyễn Trãi không. Đúng là thơ Nguyễn Trãi rồi thì cũng không phải là dễ hiểu mà đúng. Lại có khi chữ

hiểu đúng, câu hiểu đúng mà toàn bài không hiểu. Không hiểu vì không biết chắc chắn bài thơ viết ra lúc nào trong cuộc đời Nguyễn Trãi. Cùng một bài thơ, nếu viết năm 1420 thì một ý nghĩa, nếu viết năm 1430 thì ý nghĩa lại khác hẳn.

(*Theo* Hoài Thanh)

Có thể viết thêm kết luận tường minh: *Hiểu thơ Nguyễn Trãi thật khó.*

Đoạn văn tham khảo:

"Nghiên cứu tác phẩm văn học trong mối quan hệ tư tưởng với đời sống là một phương hướng đúng. Song cách làm trên đã bỏ qua một khâu then chốt là văn bản tác phẩm. Làm sao có thể tìm được nội dung "viết cái gì" mà không đi sâu vào văn bản như một chỉnh thể! Việc xem nhẹ khâu này đã mở toang cánh cửa cho những cách suy diễn chủ quan thâm nhập trở thành thông bệnh khó chữa của ngành ngữ văn và khoa phê bình văn học lâu nay. Người ta có thể cắt nghĩa tác phẩm thế nào cũng được, miễn sao phù hợp với ý muốn của nhà phê bình.

(Trần Đình Sử)

Gợi ý:

Đây là đoạn văn bình luận có kết luận không tường minh. Câu đầu có nội dung thừa nhận một phương hướng đúng trong nghiên cứu văn học. Câu tiếp theo chỉ ra một cách làm sai trong nghiên cứu văn học là: *bỏ qua một khâu then chốt là văn bản tác phẩm*. Những câu còn lại nhằm chỉ ra những "bất cập", những nguy cơ mà cách nghiên *cứu bỏ qua văn bản tác phẩm* gây ra. Từ đó có thể rút ra kết luận về quan niệm của người viết đoạn văn này.

Chẳng hạn, có người đã rút ra kết luận như sau: *Trong nghiên cứu văn học không thể bỏ qua một khâu rất cơ bản là văn bản ngôn từ của tác phẩm.*

BÀI TẬP 40

Có thể đưa kết luận tường minh: "*Có thể nói trên đời này có bao nhiêu cách để tiếp xúc với đời, Xuân Diệu đều không bỏ qua và đều khai thác triệt để*" vào vị trí đầu lập luận vì kết luận này có tính định hướng nội dung trình bày, khái quát được các ý đã nêu ở các luận cứ.

Có thể viết thành đoạn lập luận hoàn chỉnh như sau:

Có thể nói trên đời này có bao nhiêu cách để tiếp xúc với đời, Xuân Diệu đều không bỏ qua và đều khai thác. Niềm khát khao giao cảm với đời của Xuân Diệu, dĩ nhiên được thể hiện rất rõ trong thơ ông. Ông cần đến thơ để thả hồn mình vào thế giới, tìm đến những tâm hồn đồng điệu. Nhưng thơ chưa thoả mãn nhu cầu ấy. Nó lớn hơn, rộng hơn nên tràn ra ngoài thơ ông thành văn xuôi, bút kí, tuỳ bút, truyện ngắn, thành cả nghiên cứu phê bình văn học,... Nó tràn ra cả ngoài sự nghiệp viết văn, làm sách của ông nữa, thành những cuộc nói chuyện trực tiếp với công chúng: nói ở hội nghị, nói trên đài phát thanh, nói trong Nam, ngoài Bắc, trong nước, ngoài nước, nói với đủ loại người.

(*Dẫn theo* Nguyễn Đăng Mạnh)

BÀI TẬP 41

Chỉ có thể viết thêm kết luận (2) *Là người thương yêu chồng con, chị Dậu đã quên hết bản thân mình* vào vị trí đầu

lập luận vì nó có tính chất định hướng cho nội dung trình bày tiếp theo.

Kết luận (3) *Tấm lòng yêu thương chồng con hết mực của chị Dậu thật đáng trân trọng biết bao!* chỉ nên đặt ở vị trí cuối lập luận vì nó có tính chất nhận xét, đánh giá.

– Còn kết luận (1) *Có thể nói, chị Dậu là một người phụ nữ rất mực yêu thương chồng con* chỉ nói rằng chị Dậu là người phụ nữ yêu thương chồng con nhưng chưa nói đến đức hy sinh (quên bản thân mình). Do đó, nó cũng không thể trở thành kết luận phù hợp để đưa lên đầu đoạn văn.

Đoạn văn tham khảo:

Bạn đọc có thể tìm thấy trong sách nhiều bình diện của đời sống văn hoá khác nhau như ca dao, tục ngữ, các phương thuốc, thú chơi hoa lan, các hội vật, hội võ, trẻ em tập trận giả. Có thể nói văn hòa làng quê là một niềm rung cảm trong hồn thơ tác giả. Nhưng đó hoàn toàn không phải là chất thi vị điền viên xưa cũ, bởi vì tác giả không che giấu cái nghèo khổ, lạc hậu, lại cũng không đem cái nghèo khổ ra mà tỏ chí lạc đạo an bần. Niềm vui không ít, nhưng nỗi buồn tủi, xót xa rất đậm, rất sâu!

(Trần Đình Sử)

Gợi ý:

Có người đã phân tích đoạn văn như sau:

"Đây là một đoạn văn bình luận giải thích. Câu thứ hai có thể coi là một kết luận sơ bộ: *văn hoá làng quê là một niềm rung cảm trong hồn thơ tác giả*. Tuy vậy, những câu vừa giải thích vừa bình luận tiếp theo đã dẫn người đọc tới cái kết luận cụ thể hơn, "góc cạnh" hơn: không phải là văn hoá làng quê nói chung, mà chính là "hoài niệm về một tầng

văn hoá làng quê" mới là niềm rung cảm đậm sâu trong hồn thơ tác giả".

BÀI TẬP 42

Viết thêm kết luận tường minh cho các lập luận:

– *Lập luận1, có thể* thêm vào cuối kết luận sau: *Do đó có thể nói văn học là quyển từ điển bách khoa về cuộc sống cho mỗi chúng ta nghiên cứu, hiểu biết, học tập.*

– *Lập luận 2*, có thể thêm kết luận ở đầu lập luận: *Học văn cũng là học tiếng Việt, để dùng tốt tiếng Việt.*

Đoạn văn tham khảo:

Ở Xuân Diệu, cái "xuân lòng" của ông chủ yếu phát xuất từ tình yêu. Xuân Diệu nổi tiếng là một nhà thơ của tình yêu. Nhưng sự hấp dẫn của thơ tình Xuân Diệu, sức trẻ bền lâu của nó, không phải ở những ngôn từ mà bây giờ ít nhiều đã ngả màu cải lương, không phải ở giọng điệu tha thiết chàng, nàng, mà chính là xuất phát từ một triết lí sống thấm đẫm. Đó là tình yêu có khả năng chiến thắng thời gian, bởi vì tình yêu là sự sống, sự sống bất tử, sự sống chẳng bao giờ chán nản. Thơ tình Xuân Diệu sau này mất cái triết lí ấy làm hậu thuẫn để trở nên vụn vặt tủn mủn. Tình chỉ còn lại là một chút nghĩa cũ càng.

(Đỗ Lai Thúy)

Gợi ý:

Đây là đoạn văn lập luận diễn dịch, có nội dung giải thích để làm rõ một tố chất thơ của Xuân Diệu. Nhờ được triển khai bằng những câu phân tích, lí giải, tác giả đã đi

sâu và phát hiện được đặc trưng của thơ tình yêu của Xuân Diệu qua hai giai đoạn thơ khác nhau. Trên sự khác biệt đó, tác giả không quả quyết bằng một nhận xét nào về tiếng thơ tình yêu của giai đoạn sau ngoài một câu diễn đạt bóng bẩy: *Tình chỉ còn lại là một chút nghĩa cũ càng*. Vì vậy, câu đó không phải là kết luận nhằm hướng tới. Dựa vào đoạn văn, các em tự rút ra kết luận chung cho cả đoạn.

BÀI TẬP 43

Chuyển câu kết của lập luận "*Với tác phẩm Tắt đèn, Ngô Tất Tố đã làm cho hình ảnh của chị mãi mãi sống trong tâm trí của chúng ta*" xuống vị trí cuối đoạn, tạo thành lập luận có cách trình bày tổng – phân – hợp:

(1) Chị Dậu là một trong những hình ảnh đẹp nhất về người nông dân trong văn học nước ta. (2) Chị đã từng được ví như đóa sen quê nở trên đầm bùn của xã hội thực dân-phong kiến. (3) Mặc dù bị bọn cường hào, địa chủ, quan lại áp bức, bóc lột nặng nề, mặc dù phải chịu những nỗi khổ đau cùng cực, song chị vẫn giữ trọn những phẩm chất quý báu của người phụ nữ Việt Nam. (4) Với tác phẩm Tắt đèn, Ngô Tất Tố đã làm cho hình ảnh của chị mãi mãi sống trong tâm trí của chúng ta.

BÀI TẬP 44

Không thể đưa kết luận đó xuống vị trí sau luận cứ được vì trong câu: "*Không chỉ ngoan ngoãn, thông minh, A Khâm còn sống rất tình cảm*" còn bao gồm cả phần chuyển ý với đoạn trước đó: "*Không chỉ ngoan ngoãn, thông minh*".

Qua đây cần lưu ý: trong những trường hợp câu kết của lập luận bao gồm cả phần chuyển ý với đoạn trước và sau nó thì không thể đảo được vị trí.

Đoạn văn tham khảo:

Đọc "Vang bóng một thời" của Nguyễn Tuân, người ta cũng có một cảm tưởng gần giống như những cảm tưởng trong khi ngắm một bức họa cổ. Gần giống, vì họa sĩ, tác giả bức cổ họa là người thời xưa, có cái óc của đời mình và có những nét, những màu của thời mình; còn tác giả *Vang bóng một thời* chỉ là người khơi đống tro tàn của dĩ vãng để bày lại trước mắt ta những cái ta đã biết qua hay chưa biết rõ.

(Vũ Ngọc Phan)

Gợi ý:

Đoạn văn giải thích trên có hình thức của một lập luận loại suy. Câu đầu nêu một so sánh tương tự để thấy một đặc điểm phong cách của *Vang bóng một thời*. Câu tiếp theo lại dùng lối so sánh vừa tương tự vừa khác biệt giữa cách làm của họa sĩ xưa với cách làm của tác giả *Vang bóng một thời* Qua đối chiếu những nét tương đồng với những nét khác biệt đó mà người đọc hiểu rõ được cái nghĩa "gần giống"; từ đấy, họ cảm nhận được hoàn toàn một đặc điểm đáng lưu ý về phong cách của *Vang bóng một thời*.

BÀI TẬP 45

– Trong hai kết luận đã cho, ta chỉ có thể chọn kết luận: "*Con người ta sống phải có bạn bè*" đưa vào lập luận là phù hợp; kết luận còn lại nếu đưa vào sẽ không phù hợp.

– Khi đưa vào nên đưa vào trước các luận cứ nối tiếp

nhau từ "những lúc ta phải sống... cần cho bạn nữa". Lí do là những luận cứ đó góp phần trả lời cho câu hỏi: *vì sao ta sống phải có bạn bè?* Tức là dẫn ta tới cái kết luận đưa vào đó.

Đoạn văn tham khảo:

Thơ Hàn Mặc Tử thường có bước nhảy về ý. Ý nọ cách ý kia một khoảng rất lớn, có lúc ngỡ như không liên hệ gì với nhau; thoáng nhìn bài thơ có vẻ đầu Ngô mình Sở thế nào ấy, nhất là ở các tập thơ cuối đời ông. Nhưng, nét đặc sắc ở Hàn Mặc Tử lại là ở đây. Những ý thơ rất xa nhau về ý nghĩa hoá ra lại vẫn có chỗ liền nhau, ấy là ở cái trạng thái xúc cảm. Mà trạng thái xúc cảm của Hàn Mặc Tử thì càng về cuối đời càng kì lạ, độc đáo. Đặc điểm này cũng là chìa khoá mở vào thế giới "Thơ điên" của Hàn Mặc Tử.

(Vũ Quần Phương)

Gợi ý:

Đây là đoạn văn bình luận, giải thích được lập luận theo phương pháp tổng – phân – hợp. Câu đầu là một kết luận về một đặc điểm của thơ Hàn Mặc Tử: *Thơ Hàn Mặc Tử thường có bước nhảy về ý*

Các câu 2,3,4 là những câu khai triển, lí giải để làm rõ các "bước nhảy về ý" cũng như vì sao lại có điều đó ở thơ Hàn Mặc Tử.

Câu cuối của đoạn có thể xem là một kết luận phát triển, được rút ra sau quá trình phân tích, lí giải trên. Nó có hình thức của một phát hiện riêng của tác giả đoạn văn: *Đặc điểm này cũng là chìa khoá mở vào thế giới "Thơ điên" của Hàn Mặc Tử.* Từ đó, học sinh có thể thấy: loại kết luận này chỉ có thể đứng ở vị trí cuối đoạn.

BÀI TẬP 46

a) Các kết luận (a), (b), (c), (d) đều có sự phù hợp nhất định với lập luận trên. Lí do là các từ "*không biết thời thế*", "*ngu dốt*", "*không tự lượng sức mình*" về một mặt nào đó rất gần gũi liên quan nhau; mà như vậy thì dễ kéo theo hậu quả: chuốc lấy "thất bại", "bại vong". Cho nên lập luận trên của Nguyễn Trãi cho ta thấy giặc Minh "ngu dốt", "không tự lượng sức mình", tất yếu phải "thất bại" đều được cả. Tuy nhiên, nếu hiểu thấu đáo hơn về chiến lược "mưu phát tâm công" và sự lịch lãm thể hiện trong các thư từ của Nguyễn Trãi trao đổi với quân Minh thì ta thấy kết luận (c) phù hợp hơn cả: "*Các ngươi quả là người không biết thời thế, không tự lượng sức mình*".

BÀI TẬP NHÓM III

BÀI TẬP LUYỆN XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN THEO CÁC THAO TÁC LÔGÍC

BÀI TẬP 47

1. Đoạn diễn dịch:

Nói đến nghệ thuật Truyện Kiều là nói đến nghệ thuật sáng tạo ra một thế giới có thật. Trong Truyện Kiều, nhiều con người, nhiều cảnh vật, nhiều tâm trạng được Nguyễn Du thể hiện một cách thành công. Đó là thân hình đồ sộ, đẫy đà của Tú Bà; dáng dấp hào hoa, phong nhã của Kim Trọng; cái lẩm nhẩm gật đầu ám muội của Sở Khanh; cái cười sảng

khoái của Từ Hải; bộ mặt đen sì, ngơ ngẩn vì tình của Hồ Tôn Hiến, hay sự tinh tế của ánh trăng đến những rung cảm sâu thẳm trong lòng người đều được Nguyễn Du thể hiện chính xác.

2. Đoạn quy nạp:

Trong Truyện Kiều, nhiều con người, nhiều cảnh vật, nhiều tâm trạng được Nguyễn Du thể hiện một cách thành công. Đó là thân hình đồ sộ, đẫy đà của Tú Bà; dáng dấp hào hoa, phong nhã của Kim Trọng; cái lẩm nhẩm gật đầu ám muội của Sở Khanh; cái cười sảng khoái của Từ Hải; bộ mặt đen sì, ngơ ngẩn vì tình của Hồ Tôn Hiến, hay sự tinh tế của ánh trăng đến những rung cảm sâu thẳm trong lòng người đều được Nguyễn Du thể hiện chính xác.

Do đó, nói đến nghệ thuật Truyện Kiều là nói đến nghệ thuật sáng tạo ra một thế giới có thật.

3. Đoạn tổng – phân – hợp:

Nói đến nghệ thuật Truyện Kiều là nói đến nghệ thuật sáng tạo ra một thế giới có thật. Trong Truyện Kiều, nhiều con người, nhiều cảnh vật, nhiều tâm trạng được Nguyễn Du thể hiện một cách thành công. Đó là thân hình đồ sộ, đẫy đà của Tú Bà; dáng dấp hào hoa, phong nhã của Kim Trọng; cái lẩm nhẩm gật đầu ám muội của Sở Khanh; cái cười sảng khoái của Từ Hải; bộ mặt đen sì, ngơ ngẩn vì tình của Hồ Tôn Hiến, hay sự tinh tế của ánh trăng đến những rung cảm sâu thẳm trong lòng người đều được Nguyễn Du thể hiện chính xác. *Những con người ấy, cảnh vật ấy, ánh trăng ấy sống động biết nhường nào.*

BÀI TẬP 48

– Câu (1) của đoạn văn là một câu hỏi: *Cái góp phần chủ yếu làm nên giá trị tố cáo của Giông tố là ở đâu?* Câu (2) là một câu trả lời: *ở chính hai vụ bê bối của Nghị Hách,* tức là tác giả lôi sự bê bối của Nghị Hách ra để phê phán, giễu cợt và tố cáo. Nhưng hai vụ bê bối đó cụ thể ra sao, người đọc cần phải được cảm nhận rõ hơn, thì câu trả lời phải sát thực hơn và lập luận sáng rõ hơn. Vì vậy, cần có hai luận cứ để làm rõ thêm hai vụ bê bối đó của Nghị Hách, chẳng hạn: *trong quan hệ gia đình Nghị Hách là một kẻ gia trưởng nhưng trụy lạc; trong quan hệ xã hội hắn ta vừa dâm ô, vừa đểu cáng và ác độc; hắn hiếp dâm Thị Mịch và còn làm cho những người dân lao động khốn khổ mà không chút thương xót.*

Đoạn văn tham khảo:

Tôi đã nghe người ta mạt sát Hàn Mặc Tử nhiều lắm. Có người bảo: "Hàn Mặc Tử , thơ với thẩn gì! Toàn nói nhảm". Có người còn nghiêm khắc hơn nữa: " Thơ gì mà rắc rối thế! Mình tưởng có ý nghĩa khuất khúc, cứ đọc đi đọc lại hoài, thì ra nó lừa mình!"... Nhưng tôi cũng đã nghe những người ca tụng Hàn Mặc Tử. Trong ý họ, thi ca Việt Nam chỉ có Hàn Mặc Tử. Bao nhiêu thơ Hàn Mặc Tử làm ra họ đều chép lại và thuộc hết. Mà thuộc hết thơ Hàn Mặc Tử đâu có phải chuyện dễ.

(Hoài Thanh – Hoài Chân)

Gợi ý:

– Có hai nội dung cần phải chứng minh:

– Mạt sát Hàn Mặc Tử

– Ca tụng Hàn Mặc Tử.

Để chứng minh cho nội dung thứ nhất, tác giả đã dùng các luận cứ:

+ Có người bảo: "Hàn Mặc Tử , thơ với thẩn gì! Toàn nói nhảm".

+ Có người còn nghiêm khắc hơn nữa: " Thơ gì mà rắc rối thế! Mình tưởng có ý nghĩa khuất khúc, cứ đọc đi đọc lại hoài, thì ra nó lừa mình!

Để chứng minh cho nội dung thứ hai, tác giả đã dùng các luận cứ:

+ Trong ý họ, thi ca Việt Nam chỉ có Hàn Mặc Tử.

+ Bao nhiêu thơ Hàn Mặc Tử làm ra họ đều chép lại và thuộc hết. Mà thuộc hết thơ Hàn Mặc Tử đâu có phải chuyện dễ.

BÀI TẬP 49

Những luận cứ phục vụ cho kết luận "*Nghệ thuật thơ trong Nhật ký trong tù thật là phong phú*":

(1) Có bài là lời phát biểu trực tiếp, đọc hiểu ngay.

(2) Có bài lại dùng lối ngụ ngôn rất thâm thúy.

(3) Có bài tự sự.

(4) Có bài trữ tình hay vừa tự sự vừa trữ tình.

(5) Lại có bài châm biếm.

(6) Nghệ thuật châm biếm cũng nhiều vẻ: khi là tiếng cười mỉa mai, khi là tiếng cười phẫn nộ.

(7) Cũng có khi đằng sau nụ cười là nước mắt.

Trên cơ sở những luận cứ đó, xây dựng hoàn chỉnh lập luận theo kiểu diễn dịch:

Nghệ thuật thơ trong *Nhật ký trong tù* thật là phong phú. Có bài là lời phát biểu trực tiếp, đọc hiểu ngay. Có bài lại dùng lối ngụ ngôn rất thâm thuý. Có bài tự sự. Có bài trữ tình hay vừa tự sự vừa trữ tình. Lại có bài châm biếm. Nghệ thuật châm biếm cũng nhiều vẻ. Khi là tiếng cười mỉa mai. Khi là tiếng cười phẫn nộ. Cũng có khi đằng sau nụ cười là nước mắt.

Đoạn văn tham khảo:

Từ "Từ ấy" đến "Việt Bắc", thơ Tố Hữu đã phát triển thêm một bước, mang một chất lượng mới. Mỗi bài thơ đã giữ được một vẻ. Cũng là lục bát mà các bài "Bầm ơi", "Bà Bú", "Việt Bắc", "Tiếng ru", "Cánh chim không mỏi", ... đều có cấu trúc, tình điệu, dáng dấp riêng. Điều này không dễ, nếu ta nghĩ đó là thơ lục bát. Tố Hữu trước sau có đến gần hai mươi bài thơ xuân, trừ một số ít bài thơ không đạt lắm, còn lại giữa các bài thơ hay cũng đã tránh được đơn điệu trùng lặp. Điều này không dễ, nếu ta nghĩ phần lớn trong đó đã là những bài thơ thiên về tổng hợp tình hình nhiệm vụ. Cũng như thế, các bà mẹ Việt Nam từ "Bà má Hậu Giang", "Bà mẹ Việt Bắc", "Bà Bú", "Mẹ Tơm", "Mẹ Suốt",... vừa thống nhất vừa đa dạng; tất cả đều khắc sâu vào tâm trí người đọc mỗi người mỗi vẻ, không lẫn lộn được.

(Lê Đình Kỵ)

Gợi ý:

Đây là đoạn văn chứng minh. Câu đầu nêu ý khái quát cần làm sáng tỏ: Từ "Từ ấy" đến "Việt Bắc", thơ Tố Hữu đã phát triển thêm một bước, mang một chất lượng mới.

Để phục vụ kết luận trên, tác giả đã nêu 3 luận cứ sau:

Mỗi bài thơ của Tố Hữu đã có được một cấu trúc, tình điệu, dáng dấp riêng.

Tính không trùng lặp của các bài thơ xuân của Tố Hữu.

Sự thống nhất và đa dạng, vừa thống nhất vừa không lặp lại ở những bài thơ nói về "bà mẹ".

BÀI TẬP 50

Ta thấy câu (2) mang ý nghĩa định hướng. Nó giúp người đọc xác định được nội dung mà người viết sắp triển khai ở câu tiếp theo. Do đó nó thường đứng ở vị trí đầu đoạn. Câu (1) là sự triển khai cụ thể nội dung đã được định hướng ở trên. Câu (3) là câu đánh giá ý nghĩa của việc Nguyễn Tuân đã phát hiện ra vẻ đẹp, giá trị của sông Đà, vì thế sẽ đứng ở vị trí cuối đoạn. Căn cứ vào sự định hướng ở câu (2) và từ "còn" ở câu (1) ta thấy nhất thiết phải viết thêm một luận cứ. Chẳng hạn có thể viết: " *Sông Đà trong vẻ đẹp hung bạo như một chàng trai của núi rừng Tây Bắc, mang chất hoang sơ, dũng mãnh*".

Như vậy ta có thể đảo vị trí và viết thành đoạn văn hoàn chỉnh là:

Đọc văn miêu tả sông Đà, người đọc liên tưởng như đó là một con người thống nhất giữa hai con người. Sông Đà trong vẻ đẹp hung bạo như một chàng trai của núi rừng Tây Bắc, mang chất hoang sơ, dũng mãnh. Sông Đà còn trữ tình như một thiếu nữ khuê các, đẹp một vẻ đẹp vừa thơ mộng vừa kiêu sa. Phát hiện ra vẻ đẹp của con sông Đà chính là Nguyễn Tuân đã phát hiện ra chất vàng của thiên nhiên Tây Bắc.

BÀI TẬP 51

Có thể viết kết luận tường minh như sau: *Người thầy có vai trò lớn trong sự thành đạt của con người nhưng không phải là tất cả, không phải chỉ "có thầy mới làm nên" sự nghiệp.*

Có thể đưa kết luận này vào vị trí cuối cùng trong lập luận để tạo thành lập luận quy nạp:

Đúng là người thầy có vai trò rất lớn trong sự thành đạt, trong sự "làm nên" của người học trò nhưng không phải là quyết định tất cả. Người học trò còn có nỗ lực chủ quan, có sự phấn đấu của bản thân để tiếp thu kiến thức, học hỏi tay nghề. Có những điều học hỏi được có khi không phải do ông thầy dạy cho mà do tự mình tiếp nhận được do cuộc sống, gia đình, bạn bè,... chỉ bảo nữa. *Như vậy, người thầy có vai trò lớn trong sự thành đạt của con người nhưng không phải là tất cả, không phải chỉ " có thầy mới làm nên" sự nghiệp.*

BÀI TẬP 52

Có thể viết thêm kết luận tường minh: "Truyện Kiều của Nguyễn Du là một tác phẩm có giá trị lớn trong nền văn học Việt Nam".

– Sắp xếp và viết thành lập luận có cách trình bày diễn dịch:

Truyện Kiều của Nguyễn Du là một tác phẩm có giá trị lớn trong nền văn học Việt Nam. Tác phẩm còn bị hạn chế trong ý thức hệ phong kiến mà biểu hiện tập trung nhất là tư tưởng định mệnh. Nhưng qua Truyện Kiều, Nguyễn Du đã mô tả một cách sâu sắc xã hội phong kiến thối nát của

thời đại ông, đã tố cáo, phê phán những thủ đoạn tàn nhẫn bất công chà đạp lên vận mệnh con người. Truyện Kiều cũng nói lên lòng xót thương vô hạn của Nguyễn Du đối với những tầng lớp người bị áp bức, đau khổ.

– Sắp xếp và viết thành lập luận có cách trình bày quy nạp:

Truyện Kiều còn bị hạn chế trong ý thức hệ phong kiến mà biểu hiện tập trung nhất là tư tưởng định mệnh. Nhưng qua Truyện Kiều, Nguyễn Du đã mô tả một cách sâu sắc xã hội phong kiến thối nát của thời đại ông, đã tố cáo, phê phán những thủ đoạn tàn nhẫn bất công chà đạp lên vận mệnh con người. Truyện Kiều cũng nói lên lòng xót thương vô hạn của Nguyễn Du đối với những tầng lớp người bị áp bức, đau khổ. *Có thể nói, Truyện Kiều của Nguyễn Du là một tác phẩm có giá trị lớn trong nền văn học Việt Nam*.

BÀI TẬP 53

Để tạo thành một lập luận có cách trình bày theo kiểu tổng – phân – hợp có thể viết thêm vào phần cuối lập luận câu kết: *"Có thể nói "Chí Phèo" đã vạch trần và phê phán mạnh mẽ cái quy luật tàn bạo, khủng khiếp trong xã hội thực dân phong kiến: Con đường tha hóa của những người nông dân và sự tàn phá tâm hồn, mất hết nhân phẩm của họ"*.

BÀI TẬP LUYỆN XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN THEO CÁC THAO TÁC TRÌNH BÀY

BÀI TẬP 54

Vấn đề khái quát nhất mà đoạn văn hướng tới là: *Nguyễn Tuân là một con người rất mực tài hoa.*

Để làm sáng rõ vấn đề trên, đoạn văn được triển khai bằng lập luận diễn dịch, mà cụ thể là nêu các mặt, các phương diện tài năng của Nguyễn Tuân.

Có thể viết một đoạn văn có cách lập luận tương tự như sau:

Văn học dân gian là bộ bách khoa toàn thư về cuộc sống của nhân dân ta xưa. Thần thoại là kho tàng vô giá về trí tưởng tượng nên thơ, những cách giải thích về tự nhiên, vũ trụ của người Việt cổ. Cổ tích đúc kết trong đó bao nhiêu là nhận thức của người dân lao động về xã hội, về các quy luật đấu tranh giai cấp. Tục ngữ với hàng ngàn câu cô đúc, lí thú thực sự là kho báu về hiểu biết, về kinh nghiệm lao động sản xuất, kinh nghiệm về xã hội, về đời sống cộng đồng,... Đặc biệt, ca dao dân ca là cả một thế giới bao la, muôn vẻ về đời sống tinh thần, tình cảm của người bình dân Việt Nam.

BÀI TẬP 55

a) Kết luận mà đoạn văn hướng tới: "*Thế Lữ là khởi điểm của những khởi điểm*".

Để làm rõ kết luận trên, người viết chỉ cần nêu các ý:

– Vị chủ tướng của phong trào Thơ Mới.

– Người khai sơn phá thạch cho nền kịch nói Việt Nam.

– Cây bút đầu tiên của một vài thể loại văn xuôi nghệ thuật.

– v.v...

Tuy vậy ở đây tác giả đoạn văn đã khai triển thêm các ý cụ thể hơn trên phương diện "người mở đầu Thơ Mới" như: – bộc lộ rõ nhất "cốt cách của người đi tiên phong"; – bộc lộ cái tôi trọn vẹn bằng việc đưa ra một quan niệm nghệ thuật mới về con người. Nhờ đó người đọc có cơ sở vững chắc hơn để tin rằng Thế Lữ quả thực là "khởi điểm của mọi khởi điểm" và vì vậy, hiệu quả thuyết phục của lập luận cao hơn.

b) Đoạn văn có thể viết như sau:

Truyện Kiều toát lên một tinh thần nhân đạo sâu sắc. Với Truyện Kiều, Nguyễn Du đã không ngần ngại vạch mặt bọn quan lại vô nhân đạo, bọn sai nha, bọn buôn thịt bán người đã vì tiền mà ngang nhiên đày đọa những con người lương thiện. Với Truyện Kiều, Nguyễn Du bày tỏ sự thương xót hết mực với những cảnh ngộ thương tâm, những con người đau khổ bị vùi dập phũ phàng. Trong những nhân vật làm "đứt ruột" Nguyễn Du, ta thấy hiện lên một nàng Kiều mười lăm năm bị đày đọa với "ba chìm bảy nổi". Có thể nói, với Truyện Kiều, với hình tượng nhân vật Kiều, ngòi bút Nguyễn Du đã đi đến tận cùng của bể khổ đời người với một trái tim nhân đạo sâu sắc nhất, cảm động tấm lòng nhân thế nhất.

BÀI TẬP 56

Có thê tham khảo hai đoạn văn sau:

Đoạn văn 1:

Văn học dân gian thấm đẫm tinh thần lạc quan của người bình dân xưa. Thần thoại là gì, nếu không phải là giấc mơ kì diệu về sự chinh phục của con người đối với tự nhiên,

là sự chiến thắng của người lao động được biểu hiện bằng hình tượng các vị thần đầy sức mạnh. Cổ tích cho ta thấy những tiếng cười vừa nhân ái vừa lạc quan của cái thiện thắng cái ác của người nghèo khổ, những kẻ mồ côi, đầy tớ, đi ở,... đã thắng bọn giàu sang, bọn người bóc lột, ác bá. Và ca dao nữa, đấy là cả một dòng sông với những tưởng tượng huyền ảo lung linh đổ về cái biển rộng bao la của ước mơ bay bổng đặng đưa cái thế giới tinh thần của người bình dân xưa vút khỏi luỹ tre làng để đến với bầu trời lãng mạn.

Đoạn văn 2:

Với Truyện Kiều, Nguyễn Du xứng đáng là bậc thầy về nghệ thuật: tả cảnh, tả tình, dựng truyện, miêu tả thiên nhiên và đặc biệt là thể hiện tâm lí. Truyện Kiều là cả một thế giới nhân vật, từ quan lại đến bọn ma cô buôn thịt bán người, từ những kẻ "hào hoa phong nhã"đến những kẻ "chọc trời khuấy nước"... nhưng không một nhân vật nào là mờ nhạt, đơn điệu, trái lại mỗi nhân vật đều hiện lên một cách cụ thể chân thực sống động. Tả người đã giỏi, thể hiện tâm lí còn giỏi hơn nhiều! Ngay như Kiều, nhiều lần đánh đàn mà không lần nào giống lần nào nhưng lần nào cũng là một tiếng đàn rất tài hoa và đầy tâm trạng. Đó chẳng phải là tiếng lòng của nàng, là nội tâm sâu thẳm của nàng cất lên sao? Rồi nghệ thuật xây dựng cốt truyện, nghệ thuật miêu tả thiên nhiên... khó lòng có thể nói hết bằng một vài lời ở đây.

BÀI TẬP 57

Có thể dựa theo kết cấu và cách trình bày của đoạn văn đã cho để viết một đoạn văn tương tự như sau:

Tác phẩm văn học có sức chinh phục sâu xa và lôi cuốn người đọc mạnh mẽ như vậy là bởi vì: *Thứ nhất*, nó là tiếng nói thiết tha, sôi nổi, thấm đượm tình cảm của nhà văn, cất lên từ trái tim khối óc của nhà văn, là thông điệp gửi tới cho mọi người trong đó có ta. *Thứ hai*, thông điệp này được tạo nên bởi một thứ ngôn ngữ tinh diệu, làm hiện lên bao hình tượng thấm thía, hấp dẫn, lôi cuốn chúng ta. *Thứ ba*, tác phẩm văn học chứa đựng trong nó bao nhiêu tâm sự, bao nhiêu tấm lòng có sức tác động mạnh mẽ, sâu xa đến tình cảm tư tưởng chúng ta; cho nên ta có thể nói: Tác phẩm văn học là một sự kết tinh kì lạ của bao nhiêu điều thú vị, một sự kết tinh đầy chinh phục.

BÀI TẬP 58

Đoạn văn 1 là đoạn lập luận quy nạp. Câu (1) cùng với 2 câu khai triển tiếp theo lập nên cấu trúc diễn dịch nhỏ ở cụm 3 câu (1), (2), (3). Tuy nhiên, cấu trúc đó chủ yếu là để tạo cho được những luận cứ – tức những lớp ý nhỏ – để làm thành một sự quy nạp chủ yếu của cả đoạn văn, thể hiện qua các câu (2), (3), (4). Kết luận hướng tới của đoạn văn là: Tiếng nói yêu thương của Tố Hữu là một tiếng nói rất Việt Nam mà cũng rất Huế.

Cách lập luận của đoạn văn 2 cũng là quy nạp nhưng cụ thể thì cách quy nạp ở đây đi theo lối liệt kê, tức là kể ra các dạng vận dụng ngôn ngữ khác nhau vào hoạt động. Từ đó, khái quát thành kết luận chung về cái gọi là "Phong cách ngôn ngữ".

BÀI TẬP 59

Có thể tham khảo đoạn văn sau:

Trăng đã đi vào rất nhiều bài thơ của mọi thế hệ thi sĩ. Trăng cũng đã đi vào thơ Bác ở nhiều bài thơ thuộc những giai đoạn khác nhau. Trăng đã là ánh sáng, là thanh bình, là hạnh phúc, là ước mơ, là niềm an ủi, là người bạn tâm tình của Bác. Ánh trăng làm cho cái đẹp của cảnh vật trở nên êm đềm, sâu sắc, làm cho cảm nghĩ của con người thêm thâm trầm, trong trẻo. Trong thơ Bác, ánh trăng luôn tràn đầy.

BÀI TẬP 60

Có thể tham khảo đoạn văn sau:

Truyện Kiều là gì nếu không phải là trái tim tê tái của Nguyễn Du nhỏ lệ trước những cảnh đời đau khổ, dập vùi mà cất lên thành tiếng khóc nghệ thuật, thành lời ca đắm say dân tộc Việt hơn hai trăm năm nay. Rồi Xuân Hương – bà chúa thơ Nôm – nhiều khi làm não lòng người bởi cái "cười ra nước mắt", cái vũ khí mà bà mượn để đánh cho đau vào cái xã hội cũ – một xã hội làm cho trái tim như bà, một cuộc đời sôi nổi như bà bị nghiền trong cái guồng máy oan nghiệt của nó. Người ta cũng khó mà quên được những trang văn của Ngô Tất Tố, Nam Cao, Nguyên Hồng – những trang văn thấm đẫm về nỗi đau khổ của con người, và do đó nó trở thành nghệ thuật đích thực. Và đến một lúc nào đó ta phải thấm thía cái chân lí: Văn học là tiếng kêu đau khổ thoát ra từ những kiếp lầm than.

BÀI TẬP 61

Có thể xếp lại các câu theo trật tự sau đây:

(1) Bi kịch ấy họ gửi cả vào tiếng Việt. (2) Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. (3 Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. (4) Tiếng Việt họ nghĩ là tấm lụa đã hứng vong hồn của thế hệ đã qua (5) Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tâm hồn bạch chung để gửi nỗi băn khoăn riêng.

Nếu muốn biến thành đoạn văn quy nạp, ta có thể chuyển câu (1) xuống cuối đoạn, rồi thay đổi ít nhiều nội dung để thể hiện rõ hơn chủ đề. Chẳng hạn, có thể viết câu (1) như sau: *Tóm lại, có thể nói: bi kịch tinh thần của các nhà Thơ Mới đều được họ gửi cả vào tiếng Việt*. Và câu 2 sẽ trở thành câu nằm đầu đoạn văn. Do đó nội dung cũng phải thay đổi: *Các nhà Thơ Mới yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỷ đã chia xẻ vui buồn với cha ông.*

Đoạn văn tham khảo:

Đoạn văn 1:

Thế nào là sách tốt? Đó là những cuốn sách phản ánh chính xác quy luật của tự nhiên và của đời sống xã hội. Chúng giúp con người hiểu rõ về số phận của mình để có ý thức đúng về nghĩa vụ của mình trong đời sống. Một cuốn sách tốt phải giúp cho các dân tộc hiểu biết nhau hơn để gần gũi nhau hơn. Nó phải ca ngợi sự công bằng và tình hữu nghị giữa các dân tộc. Nó phải khiến cho con người thêm tự hào về mình, thêm vững tin ở cuộc sống để chiến đấu cho cuộc sống mỗi ngày một hợp lí và hạnh phúc hơn. Nó phải khiến cho tâm hồn con người trở nên phong phú hơn, độ lượng hơn, trong sáng hơn.

Đoạn văn 2:

Còn thế nào là sách xấu? Đó là những cuốn sách xuyên tạc đời sống, đưa đến cho người đọc những kiến thức giả trá về thế giới xung quanh. Chúng đề cao dân tộc này mà bôi nhọ dân tộc kia. Chúng gây thù hằn và ngờ vực giữa các dân tộc, đề cao bạo lực và chiến tranh, kích động những thị hiếu bản năng thấp hèn của con người.

(Trần Thanh Đạm)

BÀI TẬP 62

– Đoạn văn trên hoàn toàn được biến đổi theo cách diễn dịch hoặc theo cách qui nạp; thậm chí có thể theo cách tổng phân hợp. Các em phải thấy rằng đó là điều bình thường trong cách trình bày một vấn đề.

– Tuy vậy muốn chuyển thành những đoạn văn có cách gọi trên thì phải thay đổi vị trí một số câu tuỳ theo nội dung ý nghĩa của câu đó đối với toàn đoạn; và vì vậy có thể thêm bớt, thay đổi mức độ nội dung để phù hợp. Chẳng hạn muốn biến đoạn văn trên thành đoạn diễn dịch ta có thể bỏ câu (4); và khi đó câu (1) sẽ viết như sau: *Trong tác phẩm "Tắt đèn", Chị Dậu là một người phụ nữ đảm đang, tháo vát.*

Theo gợi ý trên em hãy tự tìm cách chuyển đổi theo ý mình để có được các đoạn văn lập luận khác nhau.

Đoạn văn tham khảo:

Văn học Việt Nam giai đoạn 1945–1975 chủ yếu được sáng tác theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Tố Hữu nhìn chị Trần Thị Lý không phải như một cá nhân của một miền quê, một gia đình , mà như một "Người con gái

Việt Nam" với "trái tim vĩ đại", không phải đập "cho em" mà "cho lẽ phải trên đời". Cái cá nhân, cái riêng tư cơ hồ mất vị trí trong cảm quan thẩm mĩ của một thời mà Chế Lan Viên gọi là "Những năm toàn đất nước có một tâm hồn, có chung khuôn mặt", và nhà thơ cũng nhìn Tổ quốc mình không phải bằng con mắt cá nhân mà bằng "con mắt Bạch Đằng, con mắt Đống Đa", nghĩa là con mắt của lịch sử, của dân tộc. Những anh Núp của Nguyên Ngọc, chị Út tịch của Nguyễn Thi, ông Tám Xẻo Đước của Anh Đức, bà mẹ đào hầm của Dương Hương Ly, anh giải phóng quân trên sân bay Tân Sơn Nhất của Lê Anh Xuân v.v đâu phải chỉ là những cá nhân. Đó là *Đất nước đứng lên*, là những *Người mẹ cầm súng*, là sự vùng dậy dữ dội của *Đất*, là sức mạnh vô tận của *Đất quê ta mênh mông*, là *Dáng đứng Việt Nam* tạc vào thế kỉ v.v...

(*Theo* Nguyễn Đăng Mạnh)

Gợi ý:

Đây là đoạn văn chứng minh. Để làm sáng tỏ kết luận: *Văn học Việt Nam giai đoạn 1945 – 1975 chủ yếu được sáng tác theo khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn*, tác giả đã dùng ba luận cứ sau:

– Tố Hữu nhìn chị Trần Thị Lý không phải như một cá nhân của một miền quê, một gia đình , mà như một "Người con gái Việt Nam" với "trái tim vĩ đại", không phải đập "cho em" mà "cho lẽ phải trên đời

Cái cá nhân, cái riêng tư cơ hồ mất vị trí trong cảm quan thẩm mĩ của một thời mà Chế Lan Viên gọi là "Những năm toàn đất nước có một tâm hồn, có chung khuôn mặt", và nhà thơ cũng nhìn Tổ quốc mình không phải bằng con mắt cá nhân mà bằng "con mắt Bạch Đằng, con mắt Đống Đa", nghĩa là con mắt của lịch sử, của dân tộc.

Những anh Núp của Nguyên Ngọc, chị Út tịch của

Nguyễn Thi, ông Tám Xẻo Đước của Anh Đức, bà mẹ đào hầm của Dương Hương Ly, anh giải phóng quân trên sân bay Tân Sơn Nhất của Lê Anh Xuân v.v.. đâu phải chỉ là những cá nhân.

BÀI TẬP 63

Có thể xem đoạn văn dưới đây:

Cuội là một nhân vật không bao giờ chết. Cứ theo truyện kể thì Cuội đã có hàng vạn tuổi nhưng không bao giờ già vì lúc nào cũng ngồi dưới cây thuốc "Trường sinh bất lão". Và vì vậy mà trong tất cả những sáng tác dân gian về Cuội, nhân dân Việt Nam đều quen gọi trực tiếp tên Cuội, hoặc kèm theo từ "Chú", từ "Thằng" một cách thân mật, âu yếm mà không ai gọi Cuội là "Ông" hay "Bác" Cuội bao giờ! *Từ đó ta có thể quả quyết mà nói thêm rằng Cuội là nhân vật sống mãi, được yêu mến mãi trong lòng người dân Việt Nam.*

(Dựa theo đoạn văn của Hoàng Tiến Tựu*)*

Đoạn văn tham khảo:

Sau cách mạng, Nam Cao say mê trong mọi công tác phục vụ cách mạng và kháng chiến, không nề hà lớn nhỏ, với ý nghĩ dứt khoát: lợi ích của cách mạng, của dân tộc là trên hết. Khi giặc Pháp quay trở lại xâm lăng Nam Bộ, nhà văn cảm thấy bứt rứt không yên, "muốn vứt cả bút đi để cầm lấy súng". Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Nam Cao tự nhủ "sống đã rồi hãy viết" và lao mình vào các công tác phục vụ kháng chiến. Nhà văn chân thành nghĩ rằng "góp sức vào công việc không nghệ thuật lúc này chính là để sửa soạn cho

tôi một nghệ thuật cao hơn". Đó là thái độ đúng đắn, đẹp đẽ nhất của người nghệ sĩ chân chính khi đó.

(Nguyễn Hoành Khung)

BÀI TẬP 64

Sự khắc họa nhân vật của Nguyễn Du thật là tài tình. Mọi nhân vật từ Kiều, Kim Trọng đến Mã Giám Sinh, Tú Bà, Hoạn Thư... chỉ cần một đoạn thơ, một khổ thơ thậm chí có khi chỉ là một từ ngữ mà nhà thơ làm hiện lên thật cụ thể một tính cách, một tâm trạng; thậm chí có khi cả một số phận. Với câu thơ "*Thoắt trông nhờn nhợt màu da*" và cộng thêm vào đấy "*vắt nóc lên giường ngồi ngay*" hoặc những tiếng chửi tục tĩu "*gái tơ mà đã ngứa nghề gớm sao*" người đọc không bao giờ nhầm lẫn mụ Tú Bà, con mụ nhà chứa bỉ ổi, xấu xa,... với bất kì ai khác "trên đời". Cũng tương tự, nhiều người cho rằng chỉ một từ "lẻn" đủ giết chết Sở Khanh; một câu "*mặt sắt đen sì*" đủ lưu mãi cái sự vô liêm sỉ của Hồ Tôn Hiến. Còn với Kiều, bao nhiêu là tâm trạng, sự dày vò, bao nhiêu nỗi tâm tư qua từng cảnh ngộ chúng ta cứ thấy hiện lên mồn một, hấp dẫn vô cùng, chính xác vô cùng. Nguyễn Du là bậc thầy về khắc họa nhân vật.

BÀI TẬP 65

Có thể viết đoạn văn như sau:

Nói tới tri thức và cuộc sống con người, ta có thể dùng hình ảnh con tàu và đường ray để so sánh. Chúng ta thấy con tàu băng băng lướt đi trong mưa bão, trong nắng xuân, qua hang núi, triền đồi,...mà không hề trật bánh là nhờ bởi

đường ray dẫn lối. Tri thức khoa học dẫn con người, dẫn cuộc sống tiến lên đúng hướng, đúng đích cũng y như nhờ đi đúng đường ray mà tàu không đổ. Con tàu muốn chạy mà không có đường ray khác gì cuộc sống muốn phát triển, con người muốn vươn xa mà thiếu hiểu biết vậy. So sánh ở đây chỉ là tương đối, nhưng rõ ràng xem thế đủ rõ quan hệ giữa tri thức và cuộc sống chặt chẽ biết bao.

BÀI TẬP 66

Có thể viết đoạn văn như sau:

Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện chính trị vô giá, là một áng văn nghị luận mẫu mực. Tư tưởng chủ đạo của tác phẩm là lời khẳng định đanh thép chân lí bất hủ về quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam, là lời kêu gọi, niềm tin tưởng mãi mãi về quyết tâm sắt đá của dân tộc Việt Nam luôn luôn gìn giữ nền độc lập của mình. Để thế giới công nhận, để mọi người dân thấm thía cái giá phải trả cho sự độc lập, tác giả đã nêu cao và khẳng định chân lí bằng một lập luận chặt chẽ, lời lẽ vừa mạnh mẽ vừa đanh thép, sự kiện, chứng cớ vừa xác thực vừa lay động sâu xa khiến cho mọi người đều bị chinh phục không cưỡng nổi. Hơn thế, từ ngữ vừa giàu có, vừa chính xác, lại vừa lôi cuốn tạo nên một sức hấp dẫn kì lạ – sức hấp dẫn của ngòi bút chính luận bậc thầy. Tuyên ngôn Độc Lập mãi mãi là một áng văn nghị luận kiệt xuất trong nền văn học dân tộc.

BÀI TẬP 67

Có thể tham khảo một số đoạn văn mẫu sau:

Đoạn 1: Chí Phèo có một tính cách đa dạng, nhiều mâu thuẫn. Chí rưng rưng bẽn lẽn, hồi hộp, hi vọng khi trở về với cuộc sống lương thiện của con người. Chí quằn quại, đau đớn, tuyệt vọng khi con đường trở lại làm người bị chặn đứng. Chí căm phẫn, uất ức, kiên quyết khi vung lưỡi dao giết chết kẻ thù.

Đoạn 2: Chí Phèo có một tính cách đa dạng, nhiều mâu thuẫn. Khi rượu vào thì Chí chửi, rạch mặt ăn vạ, huyênh hoang tuyên bố "Cả làng Vũ Đại có thằng nào bằng tao". Trước sức mạnh đồng tiền mà Bá Kiến quẳng cho thì Chí lễ phép, ngoan ngoãn. Khi đến với Thị Nở, tình yêu thức tỉnh tâm hồn, lòng Chí dịu xuống, mộc mạc và chân thật như thuở thiếu thời.

Đoạn 3: Chí Phèo có một tính cách đa dạng, nhiều mâu thuẫn. Đó là tính cách của một kẻ hung dữ, ngang ngạnh mà vẫn yếu đuối, cả tin. Đó là tính cách của một kẻ lưu manh, tha hóa mà vẫn thật thà lương thiện. Đó cũng là tính cách của một hung thần mà trong sâu thẳm tâm hồn vẫn còn bừng lên ánh sáng của lương tri.

(*Dẫn theo* Hà Thúc Hoan)

Đoạn văn tham khảo:

(...) Tôi quả quyết rằng trong lịch sử thi ca Việt Nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kỳ dị như Chế Lan Viên... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân Diệu.

(Hoài Thanh – Hoài Chân)

BÀI TẬP 68

Sau đây là một số đoạn văn mẫu:

– Lập luận kiểu chứng minh:

Trong cuộc sống rất nhiều người thường ưa "khoe chữ", "sính chữ", "nói chữ", thậm chí có những chữ không rõ nghĩa nhưng vẫn cứ thích dùng. Chẳng hạn, khi tỏ ý muốn khen một con mèo đẹp, có người đã thốt lên một cách "Ồ! Trông nó mới hào hoa phong nhã làm sao!". Hay khi muốn bày tỏ một thái độ chê bai một con vật xấu xí thì lại nói rằng: "Thật chẳng sắc nước nghiêng thành tí nào!"; "chẳng mĩ miều" hoặc "chẳng mày ngài mắt phượng"... Những lối nói như vậy làm cho người khác cảm thấy khó hiểu, lại khiến cho lời nói trở nên lố bịch. Vì vậy, điều cần lưu ý là nên tránh lối "sính" dùng từ trong nhân dân. Một lời nói hay, có hiệu lực bao giờ cũng phải bắt đầu từ lời nói đúng.

(Trường Chinh)

– Lập luận kiểu giải thích:

Tiếng nói cũng vậy, nó phải phản ánh đời sống và phục vụ đời sống hàng ngày cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng, cuộc chống Mĩ cứu nước của dân tộc ta hiện nay, đời sống chính trị, văn hóa và văn học nghệ thuật, đời sống khoa học và kĩ thuật. Thế nào là phản ánh cuộc sống? Đó là diễn tả ý nghĩ và tình cảm của người nói, người viết, gợi ý nghĩ và tình cảm của người nghe, người đọc. Muốn vậy, phải dùng tiếng nói của dân tộc, lời nói, cách nói thông thường nhất, mộc mạc nhất không chỉ có lợi ích là dễ hiểu, mà còn có thể gây cảm xúc mạnh mẽ cho người nghe, người đọc. Cho nên phải chống mạnh mẽ hơn nữa, chống một cách có hiệu quả hơn nữa cái tật hay "nói chữ" mà Bác Hồ thường phê bình:

"đã dốt lại hay nói chữ!", "đúng quá, chính vì dốt mà hay nói chữ".

(Phạm Văn Đồng)

– Lập luận kiểu bình luận:

Hiện nay đang có phong trào nói chữ lung tung trong quần chúng. Đó là dấu hiệu chứng tỏ rằng nhân dân ta bắt đầu có sinh hoạt chính trị rộng rãi, nhiều người đã thoát nạn mù chữ, xem sách, xem báo, khai hội dự mít tinh, bàn bạc việc nước, việc làng. Có nhiều ý kiến mới, phải có từ mới để diễn đạt. Song, dùng từ mới không phải là việc dễ. Bất kì một số quần chúng nào khi mới giác ngộ chính trị, mới "làm chính trị" cũng thích nói "danh từ", ưa dùng tiếng mới và thường dùng sai. Bản thân việc đó có mặt tốt, mặt xấu của nó. Nhưng ta không nên để quần chúng nói sai và dung túng việc "dùng danh từ lộn xộn mãi".

(Trường Chinh)

BÀI TẬP 69

Theo chiều hướng của tư duy thì đoạn văn này có thể gọi là đoạn văn lập luận quy nạp. Từ một số luận cứ nói về cái cụ thể trong đời, trong tư tưởng, những phương diện liên quan sáng tác của từng nhà thơ, tác giả đã đúc kết thành một nhận định khái quát về một tính chất cũng như về sự khác nhau của tính chất đó ở thơ họ Nguyễn và thơ họ Trần. Vì vậy, đoạn văn được triển khai theo hướng quy nạp: từ cái riêng đi đến cái chung. Nhưng quá trình dẫn dắt người đọc đi đến nhận thức khái quát về đặc điểm nói trên, tác giả tạo nên một loạt luận cứ thể hiện những quan hệ tương phản, làm rõ sự khác nhau giữa hai nhà thơ. Do đó cũng có thể gọi

đây là lập luận tương phản. Nhờ vậy, kết luận chung rút ra trở nên sáng rõ hơn, thuyết phục hơn.

Gợi ý:

Quan hệ giữa câu (1) với câu (2), giữa câu (3) với câu (4) đều là quan hệ nhân quả. Ví dụ: câu (3) nói lên tính chất giễu cợt, sự ăn chơi của cá nhân nhà thơ là một đặc điểm thơ Tú Xương thì câu (4) lại chỉ rõ nguyên nhân: sở dĩ như vậy là vì nhà thơ có nhiều sự bất như ý cá nhân. Em tự tìm một đặc điểm nào đó của thơ Tú Xương nêu lên trước, rồi sau đó viết tiếp những câu chỉ ra nguyên nhân hoặc những câu lí giải rõ hơn các nguyên nhân dẫn tới đặc điểm đó.

BÀI TẬP 70

– Sở dĩ gọi đây là đoạn văn lập luận nêu câu hỏi là vì kết luận hướng tới được thực hiện dưới dạng một câu hỏi tu từ để khẳng định. Tuy nhiên, xét toàn bộ cấu trúc lập luận của đoạn văn, ý kiến coi đây là một lập luận so sánh tương tự (loại suy) đúng hơn. Các từ "quý", "mạch máu", "máu thịt", "tâm hồn" tạo nên một sự liên quan về nghĩa. Do đó, dựa vào quan hệ câu (1) với câu (2), các ý khẳng định " *từ trong mạch máu phun ra đều là máu*" được tô đậm hơn, và như thế buộc ta nghĩ đến cái *giá trị*, cái *quý*. Từ đó, nếu dựa trên một quan hệ tương tự giữa câu (2) với (3) ta có thể dễ dàng thấy rằng mỗi bài thơ trong *Nhật kí trong tù* đều rất *quý* vì nó là máu thịt, tâm hồn Bác cất lên thành thơ, lưu lại muôn đời.

Có thể tạo một đoạn văn như sau:

(1) *Di sản nghệ thuật là cái còn lại mãi mãi.* (2) Có

người ví von rằng mọi cái đều sợ thời gian nhưng bản thân thời gian lại sợ những kiệt tác vô giá. (3) Hai trăm năm là bao cuộc thăng trầm lịch sử, bao sự đổi thay mà mỗi câu Kiều của cụ Tiên Điền vẫn vang lên trong lòng ta, ngọt ngào trong trẻo và say đắm vô cùng y như lời mẹ hát, như ngọn gió xuân mới thổi đâu đây, như hương hoa đồng nội ngạt ngào trong gió. (4) Truyện Kiều cứ trẻ mãi như thế ngàn năm sau không mất đi khiến ta ngạc nhiên tự hỏi: liệu nó có sợ thời gian không và rồi phải tự trả lời rằng Truyện Kiều là một kiệt tác nghệ thuật vô giá, mà một kiệt tác vô giá thì chính thời gian lại phải sợ nó.

BÀI TẬP 71

– Hai đoạn văn trên đều cùng phương pháp lập luận nhân quả, đều trình bày kết quả trước nguyên nhân sau. Khác nhau chỉ là ở đoạn 2, tác giả thực hiện thêm một lập luận kéo theo ở câu (3) để tăng thêm tính chặt chẽ của quan hệ nhân quả ở câu (1) và (2).

– Nếu bỏ câu (3) của đoạn văn 2 thì sức thuyết phục của lập luận sẽ kém hơn. Lí do, nếu ta bỏ câu (3) thì đoạn văn vẫn còn là một lập luận nhân quả và ý của người viết vẫn được ta nhận ra, nhưng sự thừa nhận của ta về ý kiến đó sẽ không cao. Trong khi đó thêm câu (3), ý người viết càng được khẳng định hơn. Vì câu (3) chứa một cấu trúc lập luận "kéo theo": *Nếu a thì b* (a là điều kiện đủ của b, và b là điều kiện cần của a). Mà a lại đã được giới hạn và xác thực ở câu (2) trước đó: *vì nhà thơ đã biết tìm thấy thi hứng trong rất nhiều trường hợp mà nhà thơ khác không làm được*. Từ đó, mới rõ rằng chính các thi hứng trên mới là cội nguồn sinh ra lời thơ mạnh mẽ, tự nhiên. Thành ra, sự khẳng định về một tính chất của thơ Tú Xương trở nên chặt chẽ hơn, dễ được

chấp nhận hơn.

Có thể thêm một câu vào cuối đoạn 1 như sau: *Có "bà vợ" như vậy tất nhiên nhà thơ phải làm thơ về vợ, và có cái hơi thơ "nịnh" vợ tuyệt vời thế kia.*

Đoạn văn tham khảo:

Từ hơn nửa thế kỉ trước đây, phong trào Thơ Mới đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của nền văn học trước Cách mạng Tháng Tám của đất nước. Các thi sĩ của thuở ấy đã đem lại cho bạn đọc một tiếng nói mới, phản kháng khá trung thực tâm trạng của một lớp thanh niên tiểu tư sản trong cuộc sống có nhiều đau buồn, trăn trở và đôi khi bế tắc trước hiện trạng của đất nước thời bấy giờ. Với sự đổi mới mạnh mẽ của hình thức nghệ thuật, Thơ Mới thực sự đã thu hút được sự chú ý của khá đông bạn đọc yêu thơ và đó cũng là một đóng góp có ý nghĩa vào sự phát triển của thể loại và chứng minh khả năng biểu đạt phong phú của tiếng Việt.

(Lời giới thiệu cuốn *Thi nhân Việt Nam*)

Gợi ý:

Đây là một đoạn văn giải thích được lập luận theo kiểu diễn dịch. Tác giả đã dùng các luận cứ sau để làm sáng rõ kết luận về sự đóng góp của phong trào Thơ Mới vào sự phát triển của nền văn học trước cách mạng tháng Tám:

Các thi sĩ của thuở ấy đã đem lại cho bạn đọc một tiếng nói mới, phản kháng khá trung thực tâm trạng của một lớp thanh niên tiểu tư sản trong cuộc sống có nhiều đau buồn, trăn trở và đôi khi bế tắc trước hiện trạng của đất nước thời bấy giờ.

Với sự đổi mới mạnh mẽ của hình thức nghệ thuật, Thơ Mới thực sự đã thu hút được sự chú ý của khá đông bạn đọc yêu thơ và đó cũng là một đóng góp có ý nghĩa vào sự phát triển của thể loại và chứng minh khả năng biểu đạt phong phú của tiếng Việt.

BÀI TẬP 72

– Lập luận chủ yếu của đoạn văn trên là lập luận so sánh tương tự (loại suy). Mặc dù trong quá trình lập luận, giữa các luận cứ (1) và (2) hoặc (2) và (3) tạo nên một quan hệ tương phản. Nhờ kết tử lập luận "*nhưng*", luận cứ (3) được tô đậm để từ đó làm cơ sở dẫn người đọc vào nội dung chủ yếu đoạn văn hướng tới: "*Nguyễn Khoa Điềm là một nhà thơ như vậy – nhà thơ không chịu lùi.*" Ngay ở lời giới thiệu, nhờ lập luận trên, người đọc đã nhận ra cái ý của tác giả là coi Nguyễn Khoa Điềm là một nhà thơ đích thực.

– Giới thiệu nhà thơ theo cách lập luận trên là sáng rõ, thuyết phục. Do đó, là một học sinh, khi phải viết nội dung này, không cần thay đổi về cách thức lập luận chung. Tuy nhiên, để người đọc dễ chấp nhận, nên thay thế một số từ ngữ thích hợp hơn. Ví dụ: có thể thay từ "*hể hả*" bằng "vui sướng"hoặc "vui mừng", "sung sướng"... và thay "*bàn dân thiên hạ*" bằng "mọi người". Lí do là ở chỗ: từ ngữ là của chung nhưng trong việc cảm nhận, lí giải của người đọc, người nghe thì người nói, người viết cũng rất quan hệ. Hãy tự trả lời xem tại sao cùng một nội dung mà trong nhiều trường hợp, tuỳ theo nói với ai mà ta phải chọn các từ khác nhau trong số những từ có thể?

BÀI TẬP 73

(1) Thực ra trong truyện "Cây khế", suy nghĩ và hành động của người anh khác hẳn người em. (2) Người em vì sự chân tình, vì đói nghèo mà xua con đại bàng nhưng cũng vì phẩm chất lương thiện mà để chim đại bàng ăn khế: còn người anh làm những việc đó là vì tính toán, mưu mô muốn được lợi về sau. (3) Người em cũng may túi nhưng chỉ "ba gang", cũng lấy vàng nhưng chỉ vừa đủ, còn người anh may túi, lấy vàng... không hề theo lời đại bàng mà chỉ theo lòng tham lam ích kỉ.

Đoạn văn tham khảo:

Tôi thấy Tế Hanh là một người tinh lắm. Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm như "mảnh hồn làng" trên "cánh buồm giương", như tiếng hát của hương đồng quyến rũ con đường quê nho nhỏ. Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới những tình cảm ta đã âm thầm trao cho cảnh vật: sự mỏi mệt say sưa của con thuyền lúc trở về bến, nỗi khổ đau chất chứa trên toa tàu nặng trĩu, những vui buồn sầu tủi của một con đường. Tế Hanh hay nói đến con đường. Cũng phải. Trên những con đường ngưng lại biết bao nhiêu bâng khuâng hồi hộp.

(Hoài Thanh – Hoài Chân)

Gợi ý:

Tác giả đã sử dụng các luận cứ dưới đây để giải thích cho sự tinh tế trong tiếng thơ Tế Hạnh:

Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh

hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm như "mảnh hồn làng" trên "cánh buồm giương", như tiếng hát của hương đồng quyến rũ con đường quê nho nhỏ.

Thơ Tế Hanh đưa ta vào một thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới những tình cảm ta đã âm thầm trao cho cảnh vật: sự mỏi mệt say sưa của con thuyền lúc trở về bến, nỗi khổ đau chất chứa trên toa tàu nặng trĩu, những vui buồn sầu tủi của một con đường.

BÀI TẬP 74

Lập luận theo phương pháp nêu câu hỏi là một cách làm khá phổ biến trong các đoạn văn giải thích, bình luận v.v... Đó là cách mà người viết vừa đặt câu hỏi vừa trả lời hoặc có thể đặt ra câu hỏi để người đọc tự trả lời. Hiểu như vậy cả hai đoạn văn đều dùng phương pháp lập luận nêu câu hỏi. Tuy vậy cách nêu câu hỏi cụ thể ở hai đoạn văn có khác nhau (đoạn 1: nêu câu hỏi và trả lời; đoạn 2: trả lời bằng cách nêu câu hỏi).

– Đoạn 1 có thể được gọi là đoạn giải thích là vì vấn đề cần giải thích được tác giả nêu lên thành một câu hỏi đích thực (tức hỏi và yêu cầu trả lời những điều được hỏi). Do vậy, nội dung trả lời của đoạn văn nhằm và chỉ ra cái gì tạo nên sức công phá của trái bom "Giông tố".

– Đoạn 2 lại có thể coi như một đoạn bình luận vì ở đây nội dung chính là người viết bày tỏ một quan niệm riêng của mình để tranh luận đối với đối phương và đặc biệt để từ đó mà lật tẩy "âm mưu", chỉ ra bản chất "giả dối" của đối phương, nhưng việc vạch trần nói trên được hiện lên bởi loạt

câu hỏi tu từ (hỏi mà không cần trả lời, là để tự câu hỏi nói lên điều cần nói).

– Từ phân tích trên, ta có thể thêm vào một câu hỏi ở cuối đoạn 2 để người đọc dễ nhận ra cái kết luận của đoạn văn hơn như sau:

Hay là để tôi tin rằng các ngài đang giữ "hòa hiếu" như trong thư gửi cho tôi chăng?

BÀI TẬP 75

Triết lí trong đoạn văn phù hợp với khá nhiều việc ở đời: việc lao động, chiến đấu, học tập,tu dưỡng,... của mỗi người và của nhiều người. Người lập luận đã biết lấy những luận cứ thuộc kho tàng lí lẽ chung – tức là bằng quan sát, bằng thực tế khách quan mà nhiều người thừa nhận. Từ đó, suy ra những trường hợp tương tự, mà ở đây chuyện biển cả "bớt" hay "thêm" "một gáo nước" giống như người trưởng thành tỏ ra rất trầm tĩnh, đúng mực về cái "được", "cái thất bại" của mình trên đường phấn đấu để nuôi chí bền.

Đối với sự tu dưỡng của bản thân mỗi học sinh, triết lí trên cũng rất phù hợp. Để chứng minh điều đó, ta có thể tạo đoạn văn sau:

(1) Người xưa nói: Múc một gáo nước, biển cả không vì thế mà vơi; thêm một gáo nước biển cả không vì thế mà đầy. (2) Người từng trải không vì công nhỏ mà vội mừng, cũng không vì thất bại mà nản chí. Trong việc học tập tu dưỡng bản thân nếu không có thái độ đúng với chuyện "được", "mất" thì dễ có thái độ vội mừng vì một thành tích nhỏ hoặc vội nản lòng vì một khuyết điểm, một thất bại. (4) Vậy nên, ta không phải không coi trọng thành quả, nhưng phải biết nhận

đó mà tiếp tục phấn đấu thu hoạch thêm những thành tích cao hơn nữa trong học tập; mặt khác phải biết rút kinh nghiệm về sự thất bại, biết chữa chữa sai lầm. (5) Có thái độ đúng như vậy và bền gan phấn đấu ta sẽ luôn trưởng thành.

NHÓM BÀI TẬP IV
CHỮA LỖI LẬP LUẬN

BÀI TẬP 76

Đoạn văn mắc lỗi về lập luận: Có một luận cứ đi chệch hướng với đích của lập luận. Đích của lập luận là làm sáng tỏ ý: "*Qua bài thơ "Bạn đến chơi nhà", Nguyễn Khuyến đã thể hiện một tình bạn sắt son, đáng quý*". Nhưng luận cứ: "*Ta có cảm tưởng như có lúc Nguyễn Khuyến ngại với bạn bè về tính "xuề xoà"* của mình"không phục vụ gì cho đích lập luận đó mà lại nêu lên cảm tưởng của người viết.

– Khi chữa lỗi chỉ cần bỏ luận cứ chệch hướng đó.

BÀI TẬP 77

Đích của lập luận 1 là phải triển khai ý: "Trong lịch sử chống ngoại xâm, chúng ta thấy dân tộc ta anh hùng hào kiệt thời nào cũng có" nhưng mới chỉ đưa ra luận cứ:

– Hai Bà Trưng đánh tan quân Thái thú Tô Định.

– Vua quan nhà Trần (Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Bình Trọng) đã đánh tan quân xâm lược nhà

Nguyên.

Như vậy, lập luận 1 chưa triển khai được ý: "*thời nào cũng có*". Muốn cho lập luận hoàn chỉnh bắt buộc phải viết thêm một số luận cứ.

Lập luận 2: Luận cứ đưa ra: "Từ tuổi thơ đã phải bơ vơ đi ở hết cho nhà này đến nhà nọ, rồi lớn lên lại phải làm canh điền cho Bá Kiến, Chí Phèo sống một cuộc sống lao động cực khổ, tối tăm. Tuy vậy, Chí giàu lòng tự trọng, biết điều hay lẽ phải" chưa đủ để khái quát: "Chí thực sự là người lương thiện như những người lương thiện khác". Cho nên muốn lập luận hoàn chỉnh phải viết thêm một số luận cứ.

BÀI TẬP 78

Có thể tham khảo đoạn văn mẫu sau:

Đoạn 1: *Trong lịch sử chống ngoại xâm, chúng ta thấy dân tộc ta anh hùng hào kiệt thời nào cũng có. Hai Bà Trưng phất ngọn cờ hồng khởi nghĩa đánh tan quân Thái thú Tô Định, buộc hắn phải trốn vào đám loạn quân rút chạy về nước. Đất nước sau hơn hai thế kỉ bị quân phong kiến nước ngoài đô hộ đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Vua quan nhà Trần, với tên tuổi rạng ngời lịch sử như Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Bình Trọng,... đã đánh tan quân xâm lược nhà Nguyên. Rồi người anh hùng Nguyễn Huệ với cuộc hành quân thần tốc đã đánh tan quân xâm lược nhà Thanh, giải phóng đất nước. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, tên tuổi những người anh hùng như Bế Văn Đàn, Phan Đình Giót, Cù Chính Lan, Kan Lịch, Út Tịch, Nguyễn Văn Trỗi, Lê Mã Lương, Nguyễn Viết Xuân,... sẽ còn đời đời sống mãi với mọi thế hệ.*

Đoạn 2: *Từ tuổi thơ đã phải bơ vơ đi ở hết cho nhà này đến nhà nọ, rồi lớn lên lại phải làm canh điền cho Bá Kiến, Chí Phèo sống một cuộc sống lao động cực khổ, tối tăm, tuy vậy Chí giàu lòng tự trọng, biết điều hay lẽ phải. Chí thấy xấu hổ, thấy nhục khi bà Ba nhà Bá Kiến làm điều xằng bậy. Rồi Chí cũng mơ ước có một gia đình nho nhỏ, vợ chồng chung sống hoà thuận. Chí thực sự là người lương thiện như những người lương thiện khác.*

BÀI TẬP 79

– Đảo trật tự các câu trong đoạn văn thành trật tự: (1), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (2), (3) cố nhiên làm cho nội dung lập luận thay đổi và làm cho sự lập luận sẽ thiếu chặt chẽ, thiếu lôgíc và do đó không thuyết phục. Lí do: kết luận là "số 0 là một phát minh của loài người" (được nêu ở câu (1). Các câu kế tiếp tạo nên một lôgíc rất phù hợp trục tuyến tính của thời gian, nêu bật được lịch sử phát minh đó. Từ câu (1) "nhảy cóc" đến câu (4) đã là không được, vì chưa nói được ai là người đầu tiên phát minh ra, và phát minh ra như thế nào chứa ở câu (2), (3) thì làm sao có câu (4) với cụm từ chứa tác tử lập luận "các nhà bác học cũng nghĩ ra số 0". Đó là chưa kể câu (1) nói sự phát minh này ở thế kỉ thứ IV trước công nguyên còn câu (4) lại nói đến sự phát minh sau đó 10 thế kỉ. Đã thế, nếu cho câu (2), (3) ra sau câu (10) thì lập luận này sẽ lộn xộn, thiếu lôgíc. Do đó nên để theo trật tự cũ vì vừa đảm bảo tính "đầy đủ lí do" vừa lôgíc hơn, dễ tiếp nhận hơn.

BÀI TẬP 80

Lỗi của đoạn văn này là sắp xếp các luận cứ lộn xộn, không lôgíc từ đó khó tiếp nhận. Lí do là ở chỗ: Đây là đoạn văn miêu tả cảnh biển từ sáng đến chiều, cho nên nó phải chấp nhận một thứ lôgíc của trật tự thời gian (và theo đó là những câu tả cảnh phù hợp). Ta chỉ tập luyện bằng cách theo lôgíc đó mà xếp lại sao cho thấy biển sáng – biển trưa – biển chiều.

Buổi sớm nắng sáng. Những cánh buồm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh. Mặt trời xế trưa bị mây che lỗ đỗ. Những tia nắng dát vàng một vùng biển tròn, làm nổi bật những cánh buồm duyên dáng như ánh sáng chiếc đèn sân khấu khổng lồ đang chiếu cho các nàng tiên biển múa vui. Chiều nắng tàn, mát dịu. Biển xanh veo màu mảnh chai. Núi xa pha màu tím hồng. Những con sóng nhè nhẹ liếm lên bãi cát, bọt sóng màu bưởi đào.

BÀI TẬP 81

Cái đích mà lập luận cần hướng tới là chứng minh: "Văn xuôi của ta từ Cách mạng tháng Tám đến nay đã khắc họa nhiều hình ảnh con người mới trong lao động sản xuất"

Trong lập luận có luận cứ: "Đó là chú bé Lũy liên lạc đã dũng cảm xông xáo trong đồn giặc và hy sinh anh dũng" (*Xung kích* – Nguyễn Đình Thi) thuộc lĩnh vực chiến đấu; còn luận cứ "Đó là những con người hiểu rõ giá trị sức lao động của mình:

"Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm"

(Hoàng Trung Thông)

lại thuộc thể thơ chứ không phải là văn xuôi. Như vậy, hai luận cứ trên không phù hợp với kết luận.

Để lập luận hoàn chỉnh, chỉ cần bỏ hai luận cứ không phù hợp với kết luận đó.

BÀI TẬP 82

Bạn học sinh chữa như vậy là hợp lí vì luận cứ "Đó là người tù Hồ Chí Minh – người duy nhất của nhân loại ngồi tù mà vẫn cảm nhận được cái đẹp của thiên nhiên." là luận cứ thiếu chính xác. Bác Hồ không phải là người duy nhất của nhân loại ngồi tù mà vẫn cảm nhận được cái đẹp của thiên nhiên. Thực tế, nhiều nhà thơ bị giam cầm về thể xác nhưng tâm hồn lại luôn vượt ra khỏi ngục tù, hướng ra thế giới bên ngoài để sống với thiên nhiên, sống với một thế giới tự do. Ví dụ như nhà thơ Tố Hữu (*Tiếng hát đi đày*, *Tâm tư trong tù*,...). Vậy nên chữa lại luận cứ đó là "Đó là người tù Hồ Chí Minh – người chiến sĩ cộng sản có một tâm hồn rất thi sĩ" là hoàn toàn hợp lí.

BÀI TẬP 83

Lập luận của đoạn văn thiếu chặt chẽ vì sự sắp xếp các luận cứ lộn xộn, không lôgic.

Có thể sắp xếp theo trật tự quan hệ xã hội: từ vua đến quan, rồi mới đến dân. Như vậy, theo trật tự này các luận cứ sẽ được sắp xếp như sau:

(1) Lòng yêu nước cuồn cuộn chảy trong huyết quản vua

tôi thời Trần đã làm nên một thời đại lịch sử đẹp – một thời đại rực sáng với hai chữ "Sát Thát" và "Hào khí Đông A". (2) Lòng yêu nước thiết tha của vị tướng già Trần Quốc Tuấn khiến ông viết nên "Hịch tướng sĩ" bất hủ. (3) Hẳn chúng ta vẫn nghe âm vang câu nói dõng dạc hiên ngang của vị tướng tài ba Trần Bình Trọng: "Ta thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc". (4) Với lòng yêu nước sục sôi, nóng lòng muốn tham gia luận bàn việc nước mà chàng thiếu niên 16 tuổi Trần Quốc Toản bóp nát trái cam vua ban cho lúc nào không biết. (5) Ngày đêm lo lắng cho vận mệnh đất nước mà Phạm Ngũ Lão mong mỏi gặp Trần Quốc Tuấn để bày tỏ nỗi lòng, bàn mưu giúp nước. (6) Mặt khác, lòng yêu nước thiết tha, cháy bỏng đã được các vị bô lão hô vang trong hội nghị Diên Hồng: "Đánh! Đánh!..." (7) Nhân dân cũng một lòng ủng hộ kháng chiến, sẵn sàng bỏ "vườn không nhà trống" để dụ quân địch theo mưu kế của triều đình.

BÀI TẬP 84

– *Đoạn văn 1*: Câu kết luận đứng ở vị trí đầu đoạn định hướng nội dung viết về con trâu, do đó những luận cứ nói về con cò là không phù hợp với kết luận, làm loãng chủ đề. Nguyên nhân là do người viết nhầm lẫn phần chuyển ý "bên cạnh con cò" cũng là nội dung của kết luận của lập luận.

– *Đoạn văn 2: Mắc lỗi tương tự như ở đoạn văn 1.*

BÀI TẬP 85

Đoạn 1, khi chữa bỏ những câu nói về con cò và viết lại đoạn văn cho hoàn chỉnh có thể tham khảo đoạn văn mẫu sau:

Bên cạnh con cò, con trâu được nói nhiều hơn cả trong ca dao, dân ca Việt Nam. Con trâu không mấy lúc thảnh thơi, cho nên khi nghĩ đến cuộc đời nhọc nhằn của mình, người nông dân thường nghĩ đến con trâu. Những lúc cần bộc bạch nỗi niềm, người nông dân thường đem con trâu ra để tâm sự, để giãi bày nỗi lòng mình.

Đoạn 2, ngoài việc bỏ các luận cứ không phù hợp, cần phải viết thêm một số luận cứ đủ làm sáng rõ kết luận.

BÀI TẬP 86

Đoạn văn nếu không có câu cuối cùng thì sẽ là một đoạn văn chứng minh có lập luận hoàn chỉnh vì kết luận phải làm rõ là: "*Ca dao có nhiều câu ca ngợi cảnh đẹp đất nước*". Những câu tiếp theo đã tập trung và đủ làm sáng tỏ điều đó. Riêng câu cuối: "*Tình yêu đất nước, tình cảm gia đình, tình yêu lứa đôi thể hiện trong ca dao cũng thật đậm đà, sâu nặng*". chẳng những không phù hợp, không phục vụ cho kết luận mà còn gây "nhiễu" cho đoạn văn. Nó đứng đầu đoạn tiếp theo và làm chức năng chuyển đoạn là phù hợp nhất (trong câu có từ "cũng").

BÀI TẬP 87

Lỗi của đoạn lập luận này là luận cứ và kết luận của lập luận không phù hợp nhau. Cái đích của lập luận là phải trình bày sự sáng tạo về mặt hình thức trong tác phẩm Chí Phèo. Trong khi đó luận cứ: *Tác phẩm Chí Phèo không chỉ là sự phản ánh quá trình người nông dân bị lưu manh hóa và bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người mà còn là một sự phát hiện và khẳng định bản chất lương thiện của họ ngay cả khi*

họ đã đánh mất cả nhân hình lẫn nhân tính" là những vấn đề thuộc nội dung tư tưởng chứ không phải thuộc hình thức thể hiện.

Cần phải lưu ý thêm rằng câu kết luận: "*Tác phẩm **Chí Phèo** không chỉ có sự sáng tạo về nội dung mà còn có cả sự sáng tạo về mặt hình thức*" chính là một luận điểm. Để hoàn thành luận điểm này cần có nhiều đoạn lập luận vì sự sáng tạo về hình thức nghệ thuật của Nam Cao có nhiều ý khác để trình bày.

BÀI TẬP 88

Đoạn văn mắc lỗi là do luận cứ và kết luận tương phản nhau. Luận cứ không phù hợp với đích của lập luận. Câu (1) là câu kết luận của lập luận khẳng định niềm khát khao giao cảm với đời của Xuân Diệu. Các câu tiếp theo (2), (3), (4), (5) đều được triển khai theo hướng này. Riêng câu (6) khẳng định tài năng sáng tác dồi dào của Xuân Diệu, mặc dù cùng là luận cứ đồng hướng ca ngợi Xuân Diệu nhưng chệch với đích của lập luận.

Chữa lỗi lập luận này chỉ cần lược bỏ luận cứ không phù hợp (câu 6), không cần thay luận cứ khác vì các luận cứ trên đã đủ làm sáng tỏ kết luận.

BÀI TẬP 89

Lỗi về lập luận chủ yếu của đoạn văn trên là kết luận không rõ ràng, rành mạch gây sự khó hiểu cho độc giả. Do vậy, ở trường hợp này cần phải viết lại câu kết cho chính xác phù hợp với luận cứ trong lập luận. Chẳng hạn có thể chữa

lại là:

– Chủ nghĩa hiện thực vừa cần một ngòi bút lạnh lùng vừa cần một trái tim nhân đạo để khắc họa chính xác chân dung nhân vật.

– hoặc: *Chủ nghĩa nhân đạo là sợi chỉ đỏ xuyên suốt các sáng tác của Nam Cao.*

BÀI TẬP 90

Đọc đoạn lập luận ta thấy các luận cứ đưa ra khá rõ ràng:

(1) Trong thơ Chế Lan Viên ta luôn tìm thấy hình bóng một con người mải mê đi tìm kiếm trong đống tháp Chàm đổ nát hình ảnh của đất nước Chiêm Thành oai hùng và lừng lẫy xưa kia.

(2) Trong thơ Thế Lữ, đó là một nỗi đau đáu khôn nguôi, một nỗi niềm hoài tiếc về quá khứ huy hoàng, thịnh trị, một quá khứ "chưa từng thấy bao giờ" (*Nhớ rừng*).

(3) Nhà thơ Vũ Đình Liên thì tiếc nuối cho nghệ thuật viết chữ nho, câu đối – một phong tục đẹp, một nét văn hóa điển hình đang bị mai một dần trong hiện tại.

(4) Nhà thơ Nguyễn Tuân trong tập "Vang bóng một thời" đã ca ngợi những thú chơi tao nhã, rất mực hào hoa như thả thơ, ướp hương cuội, viết chữ của các văn nhân, nho sĩ thời xưa.

Nhưng đoạn văn trên lại thiếu sức thuyết phục và thu hút người đọc vì với một đoạn lập luận dài, có nhiều luận cứ mà không có câu kết luận đặt ở đầu đoạn thì người đọc sẽ khó định hướng hoặc có cảm giác mệt mỏi khi theo dõi quá trình lập luận. Bởi vậy, trong trường hợp này nên viết thêm

câu kết luận ở đầu đoạn hoặc cuối đoạn như:

– Đầu đoạn: Dường như các nhà thơ, nhà văn lãng mạn giai đoạn 1930 – 1945 đều có xu hướng đi tìm nét đẹp trong quá khứ dân tộc.

– Cuối đoạn: Rõ ràng chúng ta thấy các nhà văn, nhà thơ lãng mạn luôn có xu hướng đi tìm nét đẹp trong quá khứ dân tộc.

BÀI TẬP 91

Để làm rõ khái niệm "hoa hậu", cả hai bạn đều đưa ra ý kiến thể hiện cách nhìn riêng của mình. mỗi ý kiến đều chứa đựng những yếu tố hợp lí. Tuy nhiên, luận cứ các bạn đưa ra đều phiến diện nên dẫn tới hai kết luận khác nhau về một vấn đề: Hoa hậu là người như thế nào?

Bạn A: – (1) Hoa hậu là người đẹp nhất.

Bạn B: – (1) Hoa hậu phải là người thông minh nhất, lịch sự nhất .

Nếu hợp nhất hai ý kiến này lại thì có thể có đủ các luận cứ và khi đó kết luận sẽ dễ được chấp nhận hơn: *Hoa hậu là người được thừa nhận trong một cuộc th; là người đẹp nhất, thông minh và lịch sự.*

Có thể viết thành đoạn văn theo phương pháp lí giải ta vừa nêu:

Hoa hậu thường là danh hiệu được trao cho "người đẹp" trong một cuộc thi. Do vậy, hoa hậu phải là người đẹp nhất trong cuộc thi đó; họ phải có vẻ đẹp về ngoại hình và phải chứng tỏ được vẻ đẹp nội tâm như: sự giao tiếp lịch sự, sự thông minh linh hoạt trong ứng xử,... Nói tóm lại, hoa hậu phải là người đẹp toàn diện.

BÀI TẬP 92

Các luận cứ ở câu (2), (3), (4) không phù hợp về mặt lôgíc ngữ nghĩa với câu (1) vì nó nói về những nỗi thương cảm của Hồ Xuân Hương thể hiện qua những cảnh ngộ éo le của người phụ nữ được nhà thơ đặc biệt chú ý. Và đồng thời đó cũng là nỗi niềm của chính Xuân Hương.

Các câu (2), (3), (4) là tiền đề cơ sở để đi đến kết luận ở câu (5): cảm thông, trắc ẩn là âm điệu chính của tiếng thơ Hồ Xuân Hương. Nhưng khi rút ra kết luận như vậy thì nó lại mâu thuẫn với kết luận được đưa ra ở đầu đoạn văn. Do vậy, đoạn văn này mắc lỗi lập luận không lôgíc, mâu thuẫn.

Một trong những cách chữa lỗi lập luận này là bỏ câu (1) sau đó đảo câu (5) lên đầu đoạn. Cụ thể:

(1) Cảm thông trắc ẩn là âm điệu chính của tiếng thơ Hồ Xuân Hương. (2) Bà viết về thân phận dở dang của cô gái "chưa chồng mà chửa mới ngoan". (3) Bà còn viết về cảnh người đàn bà làm lẽ "cố đấm ăn xôi" rất thương cảm. (4) Bà thương họ mà cũng để thương mình sao chịu số kiếp ba chìm bảy nổi.

– Các luận cứ ở câu (2), (3), (4) quan hệ gì với câu (1)?

– Vì sao câu (2). (3), (4) tương đối phù hợp với câu (5) nhưng đây vẫn là đoạn mắc lỗi về lập luận?

BÀI TẬP 93

Đây là đoạn văn có lập luận tổng – phân – hợp, nhưng cả hai kết luận (câu 1, câu 5) đều không có sức thuyết phục. Vì nếu kết luận ở câu (1) được khai triển thì câu (4) tạo nên một luận cứ không phù hợp với kết luận đó. Đồng thời luận cứ (3) và (4) không đủ để dẫn đến kết luận ở câu (5). Cụ thể

là hai luận cứ này đều nói rằng Nguyễn Du giỏi lột tả tâm trạng nhân vật Kiều ở nhiều lúc khác nhau, nhưng lại chưa chứng minh điều đó có được thể hiện khi nói về Hoạn thư hay Thúc Sinh,...hay không. Từ đó nói rằng "ông là bậc thầy về miêu tả tâm lí" tuy không sai nhưng chưa đủ sức thuyết phục.

Có thể bỏ câu (2), (4), (5) và viết lại thành đoạn lập luận hoàn chỉnh như sau:

(1) Với đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích", Nguyễn Du đã chứng tỏ mình là bậc thầy về miêu tả tâm lí nhân vật.Trước hết Nguyễn Du cho ta thấy nỗi buồn của nàng Kiều. (3) Nàng buồn vì rơi vào cảnh cô đơn, vì xa cha mẹ, người yêu. (4) Nỗi buồn nhớ càng ngày càng thấm thía hơn, xoáy sâu hơn. (3) Hình ảnh cánh buồm cô đơn thấp thoáng, hoa trôi man mác vô định là tượng trưng cho nỗi buồn, cho thân phận nàng. (4) Nhờ đó ta không chỉ thấy nàng buồn nhớ mà còn thấy cả sự cô đơn, phấp phỏng một nỗi lo rợn ngợp về tương lai, về thân phận. (5) Sự vận động tâm lí ở đây chân thực biết bao, rõ rệt biết bao.

BÀI TẬP 94

Đoạn văn này có lập luận luẩn quẩn và không chặt chẽ. Luẩn quẩn là do người viết lặp đi lặp lại quá nhiều câu mà nội dung chỉ kể lể những đau khổ của Kiều. Câu (4) và câu (8) đưa vào làm hỏng đi trật tự bình thường của đoạn văn. Không chặt chẽ ở chỗ không biết tạo ra những luận cứ chỉ ra các phương diện của "nỗi đau" mà Kiều phải gánh chịu: cũng không biết tạo ra các luận cứ đưa nỗi đau của Kiều vào quỹ đạo lôgíc khiến người ta thấy đó cũng chỉ là nỗi đau chung của người phụ nữ lương thiện trong một xã hội bất công. Câu

(7), câu (9) như là những kết luận được rút ra nhưng không có lí.

Có thể viết lại đoạn văn dưới dạng đơn giản như sau:

(1) Qua Truyện Kiều, từ những đau khổ của nàng Kiều, Nguyễn Du đã khái quát lên nỗi đau của người phụ nữ trong xã hội phong kiến "Đau đớn thay phận đàn bà / Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung". (2) Nỗi đau đó trước hết là ở chỗ một người lương thiện, hơn nữa lại tài sắc bậc nhất như Kiều lẽ ra phải được sống hạnh phúc, vậy mà vì tiền mà bọn người bạc ác khiến nàng phải 15 năm chìm nổi truân chuyên. (3) Nỗi đau đó cũng là ở chỗ: người trong trắng lương thiện như Kiều lại bị cái xã hội với đủ bọn người bất lương biến thành món hàng ở chốn lầu xanh, ngang nhiên đánh đập, chà đạp nhân phẩm, hành hạ thể xác. (4) Đặc biệt nàng cũng như nhiều người phụ nữ lương thiện khi bị oan khốc, đày đọa đều không biết tìm đâu ra công lí, đành chấp nhận nhục nhã ê chề.

BÀI TẬP 95

Các luận cứ đã nêu chưa đủ để rút ra kết luận nêu ở cuối đoạn văn. Vì kết luận nhằm khẳng định: thơ Xuân Diệu là nỗi khát khao giao cảm với đời. Ngoài câu (1) có tính chất khái quát vấn đề trình bày, ta mới có luận cứ ở câu (2): niềm khát khao đến mãnh liệt được hóa mình vào trong thiên nhiên. Các câu tuy không mâu thuẫn nhưng không phục vụ gì cho kết luận cả, vì nó không chứ thêm luận cứ nào dẫn tới kết luận.

Vì vậy, có thể coi đây là loại lập luận vừa *thừa*, vừa *thiếu*. luận cứ hoặc luận cứ không phù hợp. Thay vào các luận cứ (3), (4), (5), ta có thể viết thêm:

Thơ ông còn là tiếng nói nồng nàn, đắm say về tình yêu. Ông gửi vào đấy bao nhiêu là cảm xúc, sự tinh tế, sự sâu lắng, sự cuồng nhiệt và dường như tất cả được "bật ra" từ một con tim đam mê khao khát với đời, với người. Và ông còn viết biết bao điều khác nữa với một con tim như thế. Quả thật, thơ Xuân Diệu là nỗi khát khao giao cảm với đời của ông.

BÀI TẬP 96

Đoạn văn được lập luận theo kiểu diễn dịch giải thích. Ý nghĩa của câu ca dao được đưa lên trước khẳng định vai trò, sức mạnh của tập thể, của khối đoàn kết nhất trí. Câu (2), (3) làm rõ hơn ý nghĩa của câu (1). Lập luận sai ở chỗ: câu (4) lại khẳng định cho một quan niệm mâu thuẫn với quan niệm trên. Mặt khác, nó được đưa vào một cách đột ngột, không có quá trình lập luận. Từ đó tạo nên sự mâu thuẫn về lôgíc, làm đứt gãy lôgíc chung của đoạn văn.

– Để chữa lại đoạn văn tốt nhất là bỏ câu (4). Tuy nhiên, ta có thể làm bằng cách khác giữ nguyên những câu đã cho, rồi viết thêm một số câu cần thiết để được một đoạn văn bình luận. Chẳng hạn: (5) *Điều đó không thể không thừa nhận tính ưu việt cá nhân của những con người đó, nhưng ngay cả họ thì hầu hết phải dựa vào sự giúp đỡ, động viên, sự tài trợ, sự cộng tác của rất nhiều người khác nữa.* (6) *Do vậy, coi cá nhân"là người làm ra lịch sử" sẽ phiến diện và do đó một lần nữa ta phải thừa nhận rằng: quần chúng, khối đoàn kết nhất trí của quần chúng luôn có một sức mạnh to lớn.*

BÀI TẬP 97

Đoạn văn là một lập luận giải thích nhưng người viết chưa làm sáng rõ được ý nghĩa của câu tục ngữ (nói vậy là có ý gì, có ý nghĩa gì?) đã vội nói rằng nó "có một ý nghĩa sâu sắc". Tuy người viết đã giải thích được nghĩa của những từ như: "chị" và "em", "ngã" và "nâng" nhưng phải khái quát lên ý nghĩa chung mà cấu trúc từ ngữ của câu tục ngữ mang lại thì người đọc mới hiểu được. Vì vậy, sau câu (5): "nâng" là nâng đỡ, giúp đỡ" ta phải viết thêm một câu về nghĩa lí của câu tục ngữ, từ đó mới có thể viết thêm câu (6) như đã viết.

– Câu viết thêm sau câu (5) này tuỳ người giải thích, đây chỉ là dựa theo lôgíc của đoạn văn và có thể viết: Như vậy, "chị ngã em nâng" chứa đựng triết lí sống nhân ái, yêu thương, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong khó khăn, hoạn nạn.

BÀI TẬP 98

Kết luận mà đoạn văn hướng tới là: "Chí Phèo tiêu biểu cho người cố nông bị bần cùng hóa, lưu manh hoá". Tuy vậy, các luận cứ chứa đựng trong các câu (2), (3), (4), (5) đều không dẫn đến kết luận đó, mà chủ yếu nói rằng Chí là một người bị xã hội khinh rẻ, Chí phản ứng xã hội đó bằng một kết cục bi thảm. Trong đoạn văn này chỉ có câu (1) tạo nên được mối quan hệ lôgíc với kết luận nêu ở câu (6).

Theo tinh thần phân tích trên, ta có thể viết:

(1) Chí Phèo tuy có lai lịch chẳng mấy rõ ràng nhưng qua toàn bộ tác phẩm ta biết được trước kia hắn vốn là kẻ ở đợ, nghèo khổ và lương thiện. (2) Do bị bóc lột, bị bọn cường hào địa chủ mà tiêu biểu là Bá Kiến lợi dụng, Chí đã đánh mất sự lương thiện của mình để trở thành "con quỷ dữ của

làng Vũ Đại". (3) Sự áp bức bóc lột đó đã đào một cái hố sâu thăm thẳm ngăn trở Chí với đồng loại, tước quyền sống và cả quyền làm người của hắn; hắn trở thành kẻ mất cả nhân tính lẫn nhân hình. (4) Sự thức dậy khát vọng lương thiện ngắn ngủi như một giấc mơ đã không cứu vãn được tình thế bi kịch của Chí, của những cố nông bị dồn vào đường cùng bởi cái quá trình bần cùng hóa và lưu manh hóa đó. (5) Cái kết cục của Chí quả có một ý nghĩa xã hội và có thể nói Chí tiêu biểu cho người cố nông xưa bị đẩy vào con đường bần cùng hóa, lưu manh hóa.

BÀI TẬP 99

Đoạn văn lập luận chưa đầy đủ và không lôgíc. Chưa đầy đủ ở chỗ, để làm rõ kết luận nêu ở câu (1) thì câu (2) mới chỉ là luận cứ phù hợp. Với một luận cứ duy nhất đó chưa đủ để người đọc tin vào kết luận, vì luận cứ duy nhất đó mới chỉ đề cập đến một nhà thơ (Nguyễn Du), chưa đủ để khái quát cho "nghệ sĩ" nói chung. Câu (3) là một luận cứ tuy cũng nói về Nguyễn Du nhưng không liên quan gì đến lòng thương cảm mà chỉ nói rằng ông "cao quý". Đấy là chưa nói tới sự vô lí trong cách so sánh (so sánh Nguyễn Du với bọn người như Mã Giám Sinh, Tú Bà, Hoạn Thư).

Để lập luận hoàn chỉnh, cần bỏ câu (3), viết thêm một số câu khác. Có thể tham khảo đoạn văn sau:

Người nghệ sĩ bao giờ cũng là người giàu thương cảm. (2) Truyện Kiều là "tiếng kêu đứt ruột" mà nhà thơ Tiên Điền cất lên trước cuộc đời đau khổ, ê chề của Kiều và của bao nhiêu người phụ nữ khác. (3) Nguyễn Du đã phải đau đớn thương Kiều mà thốt lên: "Đau đớn thay phận đàn bà / Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung". (4) Cảnh làm lẽ, cảnh

không chồng mà chửa với ai khác có lẽ bình thường nhưng với Hồ Xuân Hương thì gây ra bao nỗi niềm, bao thương cảm, chia xẻ. (5) Chừng ấy thôi cũng đủ cho ta thấy sự nhạy cảm, rung động sâu xa của người nghệ sĩ trước cuộc đời, mà trước hết là khi đứng trước những con người đau khổ, cảnh ngộ bi thương.

BÀI TẬP 100

Hai học sinh đều nhầm trả lời câu hỏi: Thế nào là một người học sinh học giỏi?

Họ giống nhau ở chỗ:

– Mỗi người đưa ra cách nhìn của riêng mình và đứng trên cách nhìn đó để tranh luận với nhau.

– Mỗi người đã biết dựa vào một biểu hiện của học sinh giỏi: "khiêm tốn" (A); "biết nhiều" (B) nhưng đồng thời lại đồng nhất nó với "học giỏi". Như vậy, họ cùng sai ở chỗ phiến diện và nhầm lẫn về khái niệm. Cả hai đều nhận thấy cái sai đó ở ý kiến của người khác. Chẳng hạn, đoạn A tranh luận với B: "– Vậy để chứng minh mình giỏi đâu phải chỉ là biết nhiều mà phải là biết như thế nào, điều biết có đúng không, sâu sắc không, tức là không phải biết nhiều mà là hiểu nhiều". Còn B lại tranh luận với A: "như vậy khiêm tốn chỉ là điều kiện để học giỏi chứ không phải chứng tỏ là học giỏi".

– Sở dĩ hỏi: *Nếu em là B, em sẽ đưa ra ý kiến như thế nào?* là vì ở lập luận trên, bạn A đã giải thích được: "*– Không phải thế, khiêm tốn khác với giả vờ không biết, mà trái lại để tìm thêm những điểm nắm chưa vững, chưa sâu*". Còn bạn B chưa có lời giải thích về cái gọi là "biết nhiều". Từ đó, B phải đưa thêm lời giải thích để bạn A hiểu rằng "biết nhiều" ở đây nghĩa là biết đến nơi đến chốn, biết sâu sắc cái điều mình biết và như thế có thể coi là học giỏi được.

MỘT SỐ BÀI VĂN NGHỊ LUẬN THAM KHẢO

THAM Ô, LÃNG PHÍ LÀ KẺ THÙ CỦA NHÂN DÂN

Hồ Chí Minh

A. Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, của bộ đội và Chính phủ.

Nó là kẻ thù khá nguy hiểm. Vì nó không mang gươm mang súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta.

Tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu dù cố ý hay không cũng là bạn đồng minh của thực dân phong kiến. Vì nó làm chậm trễ công việc kháng chiến và kiến quốc của ta. Nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí vượt khó khăn của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm , chính.

Để kháng chiến thắng lợi, để xây dựng nước nhà, chiến sĩ thì hy sinh xương máu, đồng bào thì hy sinh mồ hôi nước mắt để đóng góp. Mà những kẻ tham ô, lãng phí và quan liêu thì phá hoại tinh thần, thí phạm sức lực, tiêu hao của cải của Chính phủ và nhân dân, tội lỗi ấy cũng nặng như Việt gian, mật thám.

Vì những lẽ đó, chống tham ô, lãng phí và bệnh quan

liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận! Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị.

Cũng như ở các mặt trận khác, muốn thắng ở mặt trận này ắt phải có chuẩn bị kế hoạch, tổ chức, ắt phải có lãnh đạo và trung kiên.

B. Chống tham ô, lãng phí, quan liêu là cách mạng

Cách mạng là tiêu diệt những cái gì xấu, xây dựng những cái gì tốt. Chúng ta làm cách mạng để tiêu diệtchế độ thực dân, phong kiến, để xây dựng dân chủ mới.

Thực dân và phong kiến tuy bị tiêu diệt, nhưng các tật xấu của nó (tham ô, lãng phí, quan liêu) vẫn còn thì cách mạng vẫn chưa hoàn toàn thành công, vì các tật xấu ấy ngấm ngầm ngăn trở, ngấm ngầm phá hoại sự nghiệp xây dựng của cách mạng.

Có những người trong lúc đấu tranh thì hăng hái, trung thành, không sợnguy hiểm, không sợ cực khổ, không sợ quân địch, nghĩa là có công với cách mạng; song đến khi có ít nhiều quyền hạn trong tay thì đâm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu không tự giác, cho nên lại biến thành người có tội với cách mạng. Chúng ta phải cứu vớt họ, giúp họ khôi phục đạo đức cách mạng. Có những người miệng thì nói: phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, nhưng về vật chất , dễ dàng phạm vào tham ô,lãng phí, hại đến Tổ quốc, nhân dân. Chúng ta phải giáo dục họ, đưa họ vào con đường cách mạng.

Tham ô, lãng phí, quan liêu là những xấu xa của xã hội cũ. Nó do lòng tự tư tự lợi, ích kỉ hại nhân mà ra. Nó do chế độ "người bóc lột người" mà ra.

Chúng ta muốn xây dựng xã hội mới, một xã hội tự do, bình đẳng, một xã hội cần, kiệm, liêm, chính, cho nên chúng ta phải tẩy cho sạch hết các thói xấu của xã hội cũ.

C. Chống tham ô, lãng phí là dân chủ

Bộ đội không ngại hy sinh xương máu để kháng chiến cứu nước. Đồng bào không ngại hy sinh mồ hôi nước mắt để cứu nước. Chiến sĩ gửi tính mạng mình, đồng bào gửi công, gửi của mình trong tay Chính phủ và Đoàn thể để kháng chiến kiến quốc. Đó cũng là một hình thức tập trung dân chủ.

Chính phủ và Đoàn thể giao cho cán bộ quyền điều khiển bộ đội, sử dụng tiền của trong công cuộc kháng chiến kiến quốc. Nhiệm vụ của cán bộ là chăm nom, yêu mến mỗi một chiến sĩ, quý trọng, tiết kiệm mỗi một đồng tiền, một bát gạo, một giờ công của đồng bào. Đồng thời chiến sĩ và đồng bào có quyền đòi hỏi cán bộ phải làm tròn nhiệm vụ đó, có quyền phê bình chỉ trích những cán bộ nào không làm tròn nhiệm vụ đó.

Dân chủ là dựa vào lực lượng quần chúng. đi đúng đường lối quần chúng. Cho nên phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng mới thành công.

Quần chúng là toàn thể các chiến sĩ trong quân đội, toàn thể công nhân trong xưởng, toàn thể nhân viên trong cơ quan v.v., rồi đến toàn thể nhân dân. Cũng như mọi việc khác, việc "chống" này phải động viên quần chúng, phải thực hành dân chủ, phải làm cho quần chúng hiểu rõ, làm cho quần chúng hăng hái tham gia thì mới chắc chắn thành công. Quần chúng tham gia càng đông, thành công càng đầy đủ, mau chóng.

Nhiệm vụ của quần chúng là phải hăng hái tham gia phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu. Chiến sĩ xuất công, nhân dân xuất của để đánh giặc, cứu nước. Tham ô, lãng phí, quan liêu là một thứ "giặc ở trong lòng". Nếu chiến sĩ và nhân dân ra sức chống ngoại xâm mà quên chống giặc

nội xâm, như thế là chưa làm tròn nhiệm vụ của mình. Vì vậy, chiến sĩ và nhân dân phải hăng hái tham gia phong trào ấy.

Chúng ta từ trên đến dưới phải đồng tâm hiệp lực để giành thắng lợi trong phong trào này. Mà thắng lợi trong phong trào này sẽ giúp chúng ta đoàn kết hơn nữa, nâng cao năng suất hơn nữa. Nó giúp cán bộ ta cải tạo tư tưởng, nâng cao giác ngộ, thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật thà phụng sự bộ đội và nhân dân. Nó giúp chính quyền ta thành một chính quyền trong sạch, xứng đáng với lòng tin tưởng và sự hy sinh của chiến sĩ và đồng bào. Nó giúp chúng ta hoàn thành đầy đủ kế hoạch tăng gia sản xuất và tiết kiệm của Chính phủ và của Đoàn thể. Nó giúp chúng ta chuẩn bị đầy đủ để tiến sang tổng phản công.

(*Trích* bài viết "*Thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu*")

SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT TRONG THƠ

Xuân Diệu

... Tiếng Việt ta giầu đẹp, trong sáng . Bài thơ là một tổ chức ở một trình độ cao của ngôn ngữ, một tổ chức chặt chẽ, tinh tế của ngôn ngữ, không lộn xộn rối rắm, không phí phạm lời nói, không nhầm lẫn nghĩa chữ; thơ chọn cách nói ngắn nhất mà giầu đẹp nhất, dông chứa nhiều chất lượng nhất, mà câu thơ vẫn cứ trong sáng, nhẹ nhõm, ung dung!

Giã nhà đeo bức chiến bào,
Thét roi cầu Vị ào ào gió thu!

Câu thơ Chinh phụ ngâm nói rất nhiều trong tám tiếng. Người đi đánh giặc thời trước, khi đã từ biệt vợ con rồi, thì lên đường rất khẩn trương, vừa khoác áo giáp vào người, là đã nhảy lên ngựa phóng qua cầu sông Vị, roi quất dòn dã vun vút đến nỗi như thét, trong khi đó thì gió thu nổi dậy ào ào, tinh thần nhanh như chớp, ngựa nhanh như gió, trong tiếng gió có tiếng roi, trên thân cầu có tiếng vó ngựa dồn dập. *Thét roi cầu Vị ào ào gió thu*, hình ảnh, nhịp điệu, âm thanh, tất cả đi như mũi tên bắn! Đó cũng lại là một ví dụ khá điển hình về sự chất chứa trong sáng của ngôn ngữ thơ.

Sự trong sáng của ngôn ngữ là kết quả của một cuộc phấn đấu. *Trong* và *sáng* dính liền nhau; tuy nhiên, cũng có thể phân tích ra để cho rõ nghĩa hơn nữa. Theo tôi nghĩ, *sáng* là sáng sủa, dễ hiểu, khái niệm được rõ ràng; thường thường khái niệm, nhận thức, suy nghĩ được rõ ràng , thì lời diễn đạt ra cũng được minh bạch, tuy nhiên, nhất là trong thơ, có rất nhiều trường hợp ý nghĩ sáng rồi, dễ hiểu rồi,

nhưng lời diễn đạt còn thô, chưa được trong, chưa được gọn, chưa được chuốt, do đó, tôi muốn hiểu chữ *sáng* là nặng về nội dung, nói tư duy, và chữ *trong* là nặng nói hình thức, nói diễn đạt (và cố nhiên là nội dung và hình thức gắn liền); cho nên phải phấn đấu cho được *sáng* nghĩa, đồng thời lại phải phấn đấu cho được *trong* lời, đặng cho câu thơ, câu văn *trong sáng*.

Hẳn chỉ kể trong lĩnh vực thơ, muốn đạt tới trình độ trong sáng của ngôn ngữ như Truyện Kiều, Chinh phụ ngâm, thơ Hồ Xuân Hương... là phải trải qua một quá trình lịch sử phấn đấu hàng mấy thế kỉ. Nói chung, ca dao là ngôn ngữ của quần chúng, nên bản thân nó gắn với sự trong sáng, bởi quần chúng vẫn thích một lối diễn đạt dễ lĩnh hội, cho dù phong phú đến thế nào; mặt khác, thế tất phải có rất nhiều câu ca dao dở luôn luôn sinh ra, nhưng ca dao là truyền khẩu, không sáng tác trên bản thảo, không chép vào giấy mực, cho nên dở là mai một luôn, không dễ nhớ, dễ hiểu, dễ thuộc, là chẳng ai nhớ, ai hiểu, ai thuộc, ai truyền, bị đào thải mà chẳng lưu bằng chứng dấu tích gì lại; bởi vậy, muốn tồn tại được thì ca dao phải gần với sự trong sáng. Có những vị học giả trước đây bảo rằng: từ thời kỳ Hai Bà Trưng khởi nghĩa đánh đuổi Tô Định, dựng cờ độc lập, là đã truyền đi câu ca dao:

Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải
thương nhau cùng

Nếu giả thuyết đó là đúng, thì hai câu ca dao trong sáng, đẹp đẽ này đã có trên 2000 năm.

(...) Sự trong sáng của tiếng Việt trong thơ là kết quả của một quá trình phấn đấu lịch sử trên thời gian. Sự trong sáng ấy trong thơ còn là kết quả của một cuộc lao động nghệ thuật gắt gao. Nguyễn Công Trứ nói: "Dở duyên với rượu

khôn từ chén – Trời nợ cùng thơ phải chuốt lời"; duyên với rượu thì ta không cần, còn nợ cùng thơ thì làm thế nào mà không lao động nghệ thuật, không lao động ngôn ngữ được? Thơ Pháp ở thế kỉ 17 nói:"Làm thế nào mà vàng ròng phút bỗng hoá chì đen?". Không cẩn thận, chỉ nhoáng một cái, trở bàn tay, thì lời rất trong đá hoá thành lời rất đục, thơ rất hay đã biến thành thơ rất dở. Đó là điều tôi muốn chứng minh với bản Chinh phụ ngâm.

(...) Nói chung, thơ cần phải êm tai. Tuy nhiên, có trăm nghìn cách êm tai, rất sinh động, biến hoá, chứ chẳng phải lúc nào cũng phải bố cục các âm thanh trắc bằng nặng nhẹ, dấu huyền với không có dấu cho điều hòa ngọt tai theo kiểu quen tai dễ dãi.

Tôi rất yêu, rất kính phục hai câu thơ Nguyễn Trãi:

Tuổi cao, tóc bạc, cái râu bạc,
Nhà ngặt, đèn xanh, con mắt xanh

Nhà nghèo ngặt, đêm khuya ngọn đèn chong suốt sáng. Ức Trai tiên sinh ưu quốc ái dân không hề nhắm mắt được, râu tóc của cụ màu bạc phơ giãi ánh đèn xanh, – một lần, thích quá, bình trước công chúng, tôi đã muốn cho hai câu thơ ấy vào được nhanh trong sự thông cảm của người nghe, nên tôi đã đọc chữa lại cho êm tai hơn:

Tuổi già, tóc bạc, cái râu bạc

Mấy hôm sau nghĩ lại, tôi giật mình! Tôi tưởng như nằm mộng thấy Nguyễn Trãi hỏi tôi:"Tôi già bao giờ mà anh bảo rằng tuổi tôi già?" Tuổi tôi cao chứ, cao vì nhiều nên chồng chất thành cao, vả lại "giữa trời cành lá cheo leo, ai mà chịu rét thì trèo với thông!", cao như thế đấy, hỏi ai trèo nổi? Tôi chưa bao giờ tự hạ cho mình chữ tuổi già". Tôi lại suy nghĩ thêm, và càng thấy hay. Đáng lẽ, đúng theo bằng trắc, thì phải:

Tuổi cao, tóc bạc, chòm râu bạc
Nhà ngặt, đèn xanh, cặp mắt xanh.

"Chòm râu bạc" vào đay thì bùi ngùi ngay, vuốt râu xuôi tay, an phận, "Cái râu bạc" thì đỡ lấy râu mà lắc đầu" cái đầu này cứng lắm. Có cứng như thế thì chúng nó mới đem ra chặt chứ. Bị tru di tam tộc là do "cái râu bạc" đáng bằng mà đặt trắc ấy! – Mặt khác, cặp mắt xanh, chữ trắc và dấu nặng vào đây thì đục lắm, đó là cặp mắt cá ở dưới chân *cọn mắt xanh* đáng trắc mà đặt bằng, thì sâu thăm thẳm! Cái sâu của ưu ái, của tâm hồn! – Phải chăng đây là một bài học về viết không nên "êm tai" một cách máy móc, lười biếng, nông cạn.

Và cũng chính Nguyễn Trãi đã viết rất sáng tạo, rất lạ:

Phơ phơ đầu bạc ông câu cá
Leo lẻo doành xanh con mắt mèo.

Doành nước xanh mà như con mắt mèo! Cách nhìn thật mới, thật khám phá, nhưng cũng có thể có người lại cho là... "tây" !

Và sự trong sáng của tiếng Việt trong thơ không có nghĩa là lời cứ chạy trước ý, thoải mái đến mức cứ trôi phăng tuồn tuột; về từ, chữ, ngữ pháp, phong cách không có gì chê trách được, duy chỉ chê trách là nghèo nội dung! Như thế là một thứ "trong sáng" hình thức chủ nghĩa.

MỘT BÀI THƠ NÊN KHẮC VÀO ĐÁ

(Bài thơ mở đầu tập *Nhật kí trong tù*)

Lê Trí Viễn

Thân thể tại ngục trung,
Tinh thần tại ngục ngoại.
Dục thành đại sự nghiệp,
Tinh thần cánh yếu đại.

(Dịch:

Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao.
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.)

...Hai mươi chữ mà bao nhiêu ý nghĩa! Một hoàn cảnh, một con người, một lí tưởng, một quyết tâm, một tư thế, một tuyên ngôn.

Chữ Hán đâu, tiếng Việt đó, rất sát. Lời trong, ý rõ. Như thế là thanh thoát, hay. Không biết Phan Nhuận, người dịch Nhật kí trong tù ra tiếng Pháp gặp khó khăn như thế nào, mà đã dịch bốn câu này bằng 13 cách mà không cách nào vừa ý. Chứ dịch ra tiếng Việt mà như vậy, tưởng cũng khó dịch hơn.

Tuy vậy, ngẫm nghĩ mà xem, có phải không có gì đã rơi rụng một cách đáng tiếc đâu! Cũng là ánh sáng nhưng ánh sáng đang trưa và ánh sáng ban mai có chỗ khác nhau, ánh sáng mùa xuân không giống ánh sáng mùa thu. Bốn câu thơ chữ Hán có hai chữ đại. Chữ đại sau chồng lên chữ đại trước, nó cao hơn: sự nghiệp to thì tinh thần càng phải to hơn. Cái

tầng thứ ấy, một chữ càng không lột hết được, bởi vì cái cấp "lớn" và "cao" mỗi bên một cõi: bên lớn, bên cao, không bên nào so với bên nào được.

Nhưng quan trọng chưa phải ở đó. Thử đọc bài chữ Hán rồi đọc bài dịch mà nghe. Có phải âm điệu khác nhau khá xa không? Một bên như có cái gì khó chịu, bực bội; nếu không thì cũng như đang bị ngăn cản, bó buộc. Đây là bài mở đầu một tập sách, cũng là cảm tưởng đầu của một giai đoạn trớ trêu, đày đọa. Phải thắng cái trớ trêu, đày đọa này. Cho nên cả sức mạnh của con người dồn vào bên trong. Bài thơ vang ngân mà rất kín. Nhưng rắn lại, đúc lại. Có người nói bài thơ này nên khắc vào đá. Có thể nói thêm: đây là kim cương. Và như thế là hợp tình, hợp cảnh: rất hay. Phần lớn điều này thể hiện ở vần trắc, vần trắc mà dấu nặng. Trong khi đó bài dịch dùng vần bằng. Bài thơ thành ra mở, thoáng, chừng nào đó thanh thản. Cái thế của bài thơ cơ hồ đổ mất và sức mạnh giảm đi một phần.

Trong Nhật kí trong tù những bài trữ tình trực tiếp như vậy nói thẳng cái bực tức, phẫn nộ theo phản ứng thông thường như mọi người là rất hiếm. Hiếm cho nên quý.

MỤC LỤC